

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN PHẦN MỀM PHỔ CẬP GIÁO DỤC (Dành cho Phường/Xã)

Hà Nội, tháng 7/2025

MỤC LỤC

I. Mục đích, yêu cầu	1
1. Mục đích.....	1
2. Yêu cầu.....	1
3. Đăng nhập	1
4. Chức năng chính.....	2
II. Hướng dẫn thực hiện.....	3
1. Danh mục	3
1.1. Thông tin đơn vị.....	3
1.2. Quản lý nhóm quyền.....	3
1.2.1. Thêm mới nhóm quyền.....	3
1.2.2. Phân quyền cho nhóm.....	6
1.3. Quản lý tài khoản.....	7
1.3.1. Thêm mới tài khoản.....	7
1.3.2. Phân quyền tài khoản.....	9
1.2.3. Đổi mật khẩu tài khoản người dùng	11
1.4. Danh mục tổ thôn.....	11
1.4.1. Thêm mới tổ thôn	11
1.4.2. Sửa, xóa thông tin tổ thôn.....	13
1.5. Quản lý danh sách trường	14
2. Phiếu điều tra.....	15
2.1. Nhập phiếu điều tra	15
2.1.1. Thêm mới thông tin phiếu điều tra	15

2.1.2. Điều chỉnh thông tin phiếu điều tra	21
2.1.3. Xác thực hồ sơ	23
2.2. Phiếu điều tra trái tuyến	24
2.2.1. Thêm mới thông tin phiếu điều tra	24
2.2.2. Điều chỉnh thông tin phiếu điều tra học sinh trái tuyến	28
2.3. Tra cứu phiếu điều tra	30
2.4. Chuyển đổi Excel Phiếu điều tra mẫu cũ.....	31
2.5. Chuyển đổi Excel Phiếu điều tra trái tuyến mẫu cũ.....	32
3. Thống kê Mầm non	32
3.1. Thống kê trẻ từ 0 đến 5 tuổi.....	33
3.2. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên.....	34
3.3. Thống kê tiêu chuẩn phòng học, cơ sở vật chất.....	35
3.4. Báo cáo học sinh các phường/xã đang học tại trường	36
3.5. Báo cáo tài chính.....	37
3.6. Sổ theo dõi phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ em 5 tuổi	37
3.7. Báo cáo thống kê đối tượng khuyết tật Mầm non.....	38
4. Thống kê Tiểu học	39
4.1. Thống kê trẻ từ 6 đến 14 tuổi.....	39
4.2. Thống kê đội ngũ giáo viên Tiểu học	41
4.3. Thống kê cơ sở vật chất giáo dục Tiểu học	42
4.4. Phân tích số liệu học sinh đang học ngoài địa bàn phường xã	43
4.5. Phân tích số liệu học sinh trái tuyến đang học tại trường.....	44
4.6. Báo cáo học sinh các phường xã đang học tại trường	45
4.7. Trẻ em trong độ tuổi 6-14 chưa đi học và bỏ học giữa chừng.....	45

4.8. Danh sách học sinh khuyết tật 6-14 tuổi.....	46
4.9. Báo cáo thống kê đối tượng khuyết tật khối tiểu học	47
4.10. Sổ theo dõi phổ cập giáo dục Tiểu học.....	48
5. Thống kê THCS	49
5.1. Thống kê trẻ từ 6 đến 14 tuổi.....	49
5.2. Tổng hợp tiêu chuẩn phổ cập giáo dục THCS.....	50
5.3. Thống kê tình hình đội ngũ giáo viên THCS.....	51
5.4. Thống kê tình hình cơ sở vật chất giáo dục THCS.....	52
5.5. Tổng hợp kết quả điều tra phổ cập bậc trung học.....	53
5.6. Phân tích số liệu học sinh đang học ngoài địa bàn phường xã	54
5.7. Phân tích số liệu học sinh trái tuyến đang học tại trường.....	56
5.8. Thống kê khuyết tật THCS	56
5.9. Báo cáo học sinh các phường xã đang học tại trường	58
5.10. Sổ theo dõi phổ cập giáo dục THCS.....	58
6. Thống kê THPT.....	59
6.1. Tổng hợp kết quả huy động phổ cập bậc trung học.....	59
6.2. Tổng hợp hiệu quả phổ cập bậc Trung học	60
6.3. Tổng hợp trường phổ thông, trung tâm, cơ sở dạy nghề	61
6.4. Sổ theo dõi phổ cập giáo dục THPT.....	61
7. Xóa mù chữ	62
7.1. Tổng hợp tình hình số liệu công tác xóa mù chữ.....	62
7.2. Tổng hợp kết quả xóa mù chữ	63
7.3. Thống kê số người mù chữ trong các độ tuổi	64
7.4. Thống kê danh sách người mù chữ.....	65

7.5. Thống kê hiện trạng mù chữ mức 1	65
7.6. Thống kê hiện trạng mù chữ mức 2	66
7.7. Thống kê kết quả học xóa mù chữ mức 1	67
7.8. Thống kê kết quả học xóa mù chữ mức 2	68
7.9. Thống kê kết quả xóa mù chữ.....	68
7.10. Thống kê trình độ văn hóa	69
8. Báo cáo khác	70
9. Gửi báo cáo	71
9.1. Gửi báo cáo số liệu Mầm non.....	71
9.2. Gửi báo cáo số liệu Tiểu học	72
9.3. Gửi báo cáo số liệu THCS	72
9.4. Gửi báo cáo số liệu THPT	73
9.5. Gửi báo cáo số liệu xóa mù chữ.....	73
III. Đăng xuất tài khoản.....	74

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

Hướng dẫn phần mềm Phổ cập Giáo dục (sau đây viết tắt là PCGD) giúp cán bộ phụ trách của Phường/Xã và nhà trường thực hiện công tác nhập liệu cũng như thống kê, báo cáo về công tác PCGD – xóa mù chữ theo yêu cầu của Sở GD&ĐT.

2. Yêu cầu

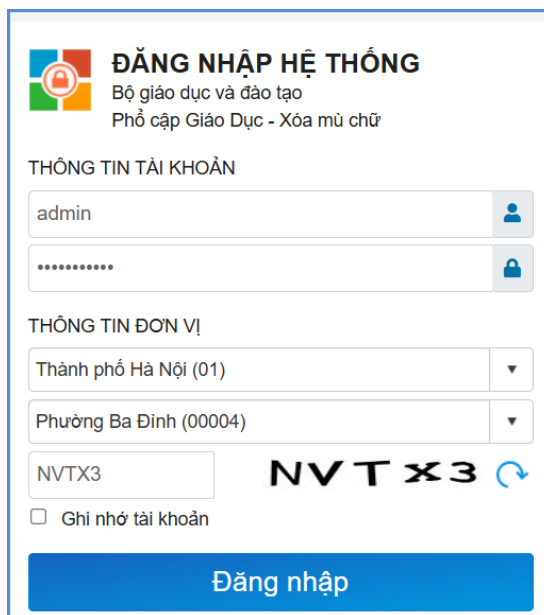
Để số liệu báo cáo thống kê công tác PCGD được đầy đủ và chính xác, đơn vị cần phải thực hiện rà soát và lưu ý một số thông tin sau:

- Kiểm tra, rà soát đầy đủ danh sách trường học từ hệ thống CSDL giáo dục. (Cấp quản lý Phường/Xã – Sở GD&ĐT thực hiện cập nhật danh sách trường nếu phát sinh).
- Cập nhật và hoàn thiện danh sách Tổ/thôn/Khu phố trước khi thực hiện nhập liệu.
- Thu thập đầy đủ, chính xác thông tin trên phiếu điều tra theo mẫu có sẵn trên phần mềm PCGD.

3. Đăng nhập

Bước 1: Mở trình duyệt web firefox 3.5 trở lên (Cốc cốc, Chrome...) và truy cập theo địa chỉ: <http://xapcgd2.moet.gov.vn:8081/>

Bước 2: Nhập đầy đủ các thông tin trên màn hình và kích nút **[Đăng nhập]**.



The screenshot shows a web-based login interface for the NVT x3 system. At the top left is a logo with a red padlock icon. To its right, the title "ĐĂNG NHẬP HỆ THỐNG" is displayed in bold, followed by the text "Bộ giáo dục và đào tạo" and "Phổ cập Giáo Dục - Xóa mù chữ". Below this, the section "THÔNG TIN TÀI KHOẢN" contains two input fields: the first is labeled "admin" and has a user icon, the second is masked with dots and has a lock icon. The "THÔNG TIN ĐƠN VỊ" section follows, with two dropdown menus; the first is set to "Thành phố Hà Nội (01)" and the second to "Phường Ba Đình (00004)". Below these is a text input field containing "NVTX3" and a logo for "NVT x3" with a refresh icon. A checkbox labeled "Ghi nhớ tài khoản" is present. At the bottom is a large blue button labeled "Đăng nhập".

4. Chức năng chính

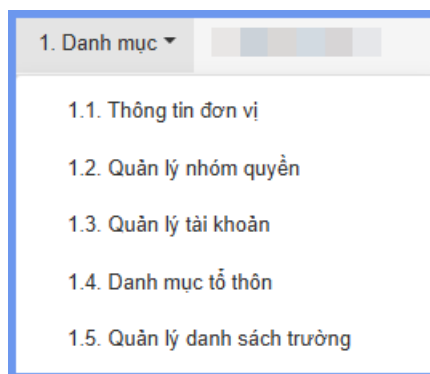
Phần mềm bao gồm toàn bộ quy trình thực hiện công tác PCGD từ việc khai báo danh mục, phiếu thu thập thông tin và các báo cáo thống kê. Bao gồm:

- ✓ Danh mục (Tổ thôn/Khu phố, Trường)
- ✓ Quản lý phiếu điều tra
- ✓ Quản lý danh sách học sinh các bậc học
- ✓ Danh sách học sinh đúng tuyển, trái tuyển...
- ✓ Kiểm tra – tra cứu dữ liệu phổ cập
- ✓ Kết xuất báo cáo – thống kê công tác PCGD.

II. Hướng dẫn thực hiện

1. Danh mục

Mô tả: Tại chức năng đầu tiên trên phần mềm, đơn vị thực hiện khai báo và phân quyền tài khoản người dùng; cập nhật, rà soát danh sách Tổ thôn/Khu phố, danh sách trường phục vụ công tác PCGD.



1.1. Thông tin đơn vị

Mô tả: Chức năng thông tin đơn vị hiển thị các thông tin về Xã phường như Mã Phường xã, Tỉnh/Thành phố...

1.1. THÔNG TIN ĐƠN VỊ			
Mã phường/xã	05977	Tỉnh/Thành phố	Tỉnh Lạng Sơn
Tên phường/xã	Phường Đồng Kinh	Thứ tự	656
			Hiện thuộc vùng khó khăn ☐

1.2. Quản lý nhóm quyền

Mô tả: Chức năng này hỗ trợ khai báo và quản lý các nhóm quyền trong theo mức độ, giới hạn sử dụng các chức năng trên phần mềm.

1.2.1. Thêm mới nhóm quyền

Hệ thống hỗ trợ 2 cách thêm mới nhóm người dùng:

Cách 1: Thêm mới trực tiếp trên phần mềm.

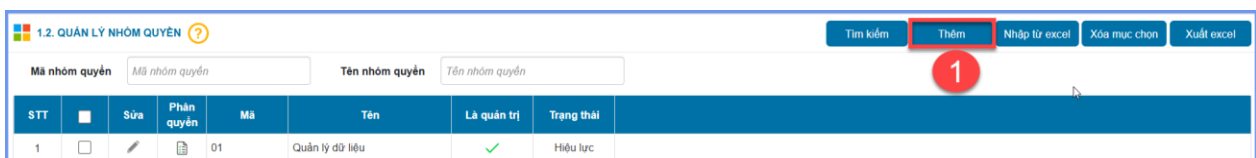
Cách 2: Thêm mới từ file excel

Các bước thực hiện:

✓ **Cách 1: Thêm mới trực tiếp**

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **1. Danh mục/ 1.2. Quản lý nhóm quyền**

Bước 2: Kích nút [**Thêm**].



Bước 3: Nhập thông tin chi tiết cho nhóm quyền.

Bước 4: Kích nút [**Ghi**] để hệ thống ghi lại thông tin nhóm vừa tạo hoặc [**Ghi và thêm**] để lưu thông tin nhóm vừa tạo và mở giao diện khai báo thông tin nhóm khác.

✓ **Cách 2: Thêm mới từ file excel**

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **1. Danh mục/1.2. Quản lý nhóm quyền**.

Bước 2: Kích nút [**Chọn tệp**] và kích [**Tải file mẫu**] để tải file mẫu hệ thống về máy

1.2. QUẢN LÝ NHÓM QUYỀN ?

Mã nhóm quyền: Tên nhóm quyền:

STT		Sửa	Phân quyền	Mã	Tên	Là quản trị	Trạng thái
1	☐	☐	☐	01	Quản lý dữ liệu	✓	Hiệu lực

NHẬP NHÓM QUYỀN TỪ EXCEL

Chú ý các cột màu đỏ là bắt buộc

☐ Cập nhật nếu trùng

Bước 3: Cập nhật đầy đủ dữ liệu lên file mẫu sau đó lưu lại file.

Mã	Tên	Là quản trị	Trạng thái
01	Quản trị dữ liệu	x	1
02	Thu thập hồ sơ		1

Bước 4: Quay trở lại phần mềm, kích nút [**Chọn tệp**] để chọn đến file Excel trên máy tính và kích nút [**Đẩy file**].

NHẬP NHÓM QUYỀN TỪ EXCEL

Chú ý các cột màu đỏ là bắt buộc

☐ Cập nhật nếu trùng

Mã	Tên	Là quản trị	Trạng thái
1	01	Quản trị dữ liệu	x
2	02	Thu thập hồ sơ	

Bước 5: Kích nút [**Ghi**] để hoàn tất thao tác cập nhật.

Lưu ý: Người dùng tích lựa chọn [**Cập nhật nếu trùng**] nếu trên file excel có nhóm quyền trùng Mã, tên với nhóm quyền đã tạo trên phần mềm.

- Nhóm quyền được tích lựa chọn [**Là quản trị**] sẽ có toàn quyền sử dụng các chức năng trên phần mềm. Nhóm quyền không tích lựa chọn này sẽ thực hiện phân quyền theo hướng dẫn tại **1.2.2. Phân quyền cho nhóm**.

- Trường hợp tải file có thông báo lỗi, người dùng thực hiện [**Tải kết quả**] để kiểm tra nội dung lỗi sau đó chỉnh sửa dữ liệu Excel và tải dữ liệu mới nhất lên phần mềm.

1.2.2. Phân quyền cho nhóm

Mô tả: Chức năng này hỗ trợ phân quyền quản lý cho nhóm quyền đã được tạo ra từ mục 1.2.1. **Thêm mới nhóm quyền.**

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **1. Danh mục/ 1.2. Quản lý nhóm quyền.**

Bước 2: Tích vào biểu tượng  tại cột Phân quyền trước tên nhóm quyền cần phân quyền.

1.2. QUẢN LÝ NHÓM QUYỀN ?							
Mã nhóm quyền		Tên nhóm quyền					
Mã nhóm quyền		Tên nhóm quyền					
STT		Sửa	Phân quyền	Mã	Tên	Là quản trị	Trạng thái
1	☐			01	Quản lý dữ liệu	✓	Hiệu lực
2	☐			02	Thu thập hồ sơ		Hiệu lực

Bước 3: Tích chọn các chức năng cần phân quyền cho nhóm quyền đó.

PHÂN QUYỀN: QUẢN LÝ DỮ LIỆU						
Tiêu đề						
Chosen cả	Xem	Thêm	Sửa	Xóa	Duyệt	
☐	☒	☒	☒	☒	☒	
1. Danh mục	☐	☐	☒	☒	☒	
1.1. Thông tin đơn vị	☐	☒	☒	☒	☒	
1.2. Quản lý nhóm quyền	☐	☐	☐	☐	☐	
Chi tiết nhóm quyền	☐	☐	☐	☐	☐	
Phân quyền	☐	☐	☐	☐	☐	
Nhập nhóm quyền từ excel	☐	☐	☐	☐	☐	
1.3. Quản lý tài khoản	☐	☒	☒	☒	☒	
Chi tiết tài khoản	☐	☒	☒	☒	☒	
1.4. Danh mục tổ thôn	☐	☒	☒	☒	☒	
Chi tiết tổ thôn	☐	☒	☒	☒	☒	
1.5. Quản lý danh sách trường	☐	☒	☒	☒	☒	
2. Phiếu điều tra	☐	☒	☒	☒	☒	
2.1. Nhập phiếu điều tra	☐	☒	☒	☒	☒	
Đối tượng điều tra chi tiết	☐	☒	☒	☒	☒	

Bước 4: Kích [Ghi] để lưu dữ liệu.

Để xóa nhóm quyền: Tích chọn ô vuông trước tên nhóm quyền cần xóa và kích nút [Xóa mục chọn].

1.2. QUẢN LÝ NHÓM QUYỀN ?								Tìm kiếm	Thêm	Nhập từ excel	Xóa mục chọn	Xuất excel
Mã nhóm quyền		Tên nhóm quyền										2
STT		Sửa	Phân quyền	Mã	Tên	Là quản trị	Trạng thái					
1	☐			01	Quản lý dữ liệu	✓	Hiệu lực					
2	☒			02	Thu thập hồ sơ		Hiệu lực					

Để sửa thông tin cho nhóm quyền: Kích vào biểu tượng  tại cột sửa trước tên nhóm quyền cần sửa sau đó cập nhật thông tin cần sửa và kích nút **[Ghi]**.

1.2. QUẢN LÝ NHÓM QUYỀN ?								Tìm kiếm	Thêm	Nhập từ excel	Xóa mục chọn	Xuất excel
Mã nhóm quyền		Tên nhóm quyền										
STT		Sửa	Phân quyền	Mã	Tên	Là quản trị	Trạng thái					
1	☐			01	Quản lý dữ liệu	✓	Hiệu lực					
2	☒			02	Thu thập hồ sơ		Hiệu lực					

1.3. Quản lý tài khoản

Mô tả: Chức năng này hỗ trợ quản lý tài khoản người dùng theo tên đăng nhập và phân nhóm quyền cho người dùng theo các nhóm đã khai báo tại mục **1.2.1. Thêm mới nhóm quyền**.

1.3.1. Thêm mới tài khoản

Hệ thống hỗ trợ 2 cách thêm mới tài khoản:

Cách 1: Thêm mới trực tiếp trên phần mềm.

Cách 2: Thêm mới từ file excel

Các bước thực hiện:

✓ Cách 1: Thêm mới trực tiếp

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **1. Danh mục/ 1.3. Quản lý tài khoản**.

Bước 2: Kích nút **[Thêm]**.

1.3. QUẢN LÝ TÀI KHOẢN

Họ tên Nhóm quyền

STT		Sửa	Phân quyền thôn/xóm	Đổi mật khẩu	Tên đăng nhập	Họ tên	Nhóm quyền	Loại tài khoản	Trạng thái	Phụ trách thôn/xóm
1	☐				AdminDongvi	Admin Đơn Vị	Quản lý dữ liệu	Quản trị hệ thống	Hiệu lực	Thôn Cao Xá,

Bước 3: Nhập thông tin chi tiết cho tài khoản người dùng.

Bước 4: Kích nút **[Ghi]** để hệ thống ghi lại thông tin tài khoản vừa tạo hoặc **[Ghi và thêm]** để lưu thông tin tài khoản và mở giao diện khai báo thông tin tài khoản người dùng khác.

CHI TIẾT TÀI KHOẢN

☐ Là quản trị hệ thống

☒ Hiệu lực

☐ Đặt lại mật khẩu

✓ Cách 2: Thêm mới từ file excel

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **1. Danh mục/ 1.3. Quản lý tài khoản**.

Bước 2: Kích nút **[Chọn tệp]** và kích **[Tải file mẫu]** để tải file mẫu hệ thống về máy tính.

1.3. QUẢN LÝ TÀI KHOẢN

Họ tên Nhóm quyền

STT		Sửa	Phân quyền thôn/xóm	Đổi mật khẩu	Tên đăng nhập	Họ tên	Nhóm quyền	Loại tài khoản	Trạng thái	Phụ trách thôn/xóm
1	☐				AdminDongvi	Admin Đơn Vị	Quản lý dữ liệu	Quản trị hệ thống	Hiệu lực	Thôn Cao Xá,

NHẬP NGƯỜI DÙNG

Chú ý các cột màu đỏ là bắt buộc

☐ Cập nhật nếu trùng

Bước 3: Cập nhật đầy đủ dữ liệu lên file mẫu sau đó lưu lại file.

Bước 4: Quay trở lại phần mềm, kích nút [**Chọn tệp**] để chọn đến file Excel trên máy tính và kích nút [**Đẩy file**].

NHẬP NGƯỜI DÙNG

Chú ý các cột màu đỏ là bắt buộc

☐ Cập nhật nếu trùng

Chọn tệp | NgườiDung.xlsx

Đẩy file

Ghi

ST	Tên đăng nhập	Tên hiển thị	Họ tên	Email	Điện thoại	Nhóm quyền	Mật khẩu	Là quản trị	Hiệu lực	Đặt lại mật khẩu
1	nguyennngocanh	Nguyễn Ngọc Ánh	Nguyễn Ngọc Ánh	ngocanh@gmail.com	0973703394	Thu thập dữ liệu	123456789a@A		1	

Bước 5: Kích nút [**Ghi**] để hoàn tất thao tác cập nhật.

Lưu ý: Người dùng tích lựa chọn [**Cập nhật nếu trùng**] nếu trên file excel có tài khoản trùng các thông tin với tài khoản đã tạo trên phần mềm.

- Tài khoản được tích lựa chọn [**Là quản trị**] sẽ theo dõi số liệu của toàn bộ các Tổ thôn/Khu phố mà không cần phải phân quyền theo từng Tổ thôn.
- Trường hợp tải file có thông báo lỗi, người dùng thực hiện [**Tải kết quả**] để kiểm tra nội dung lỗi sau đó chỉnh sửa dữ liệu Excel và tải dữ liệu mới nhất lên phần mềm.

1.3.2. Phân quyền tài khoản

Mô tả: Chức năng này hỗ trợ phân quyền quản lý cho tài khoản người dùng đã được tạo ra từ mục **1.3.1. Thêm mới tài khoản**.

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **1. Danh mục/ 1.3. Quản lý tài khoản**.

Bước 2: Tích vào biểu tượng  tại cột Phân quyền thôn/xóm trước tài khoản cần phân quyền.

1.3. QUẢN LÝ TÀI KHOẢN										
Họ tên		Nhóm quyền								
STT		Sửa	Phân quyền thôn/xóm	Đổi mật khẩu	Tên đăng nhập	Họ tên	Nhóm quyền	Loại tài khoản	Trạng thái	Phụ trách thôn/xóm
1	☐				AdminDonvi	Admin Đơn Vị	Quản lý dữ liệu	Quản trị hệ thống	Hiệu lực	Thôn Cao Xá,
2	☐				nguyenthanhtam	Nguyễn Thanh Tâm	Thu thập hồ sơ		Hiệu lực	Thôn Cao Xá,

Bước 3: Tích chọn phân quyền cho tài khoản.

PHÂN QUYỀN THÔN/XÓM

☒ Thôn Cao Xá
☒ Thôn Cựu
☒ Thôn Nội
☐ Thôn Phú
☐ Thôn Chiềng

Ghi

Bước 4: Kích [Ghi] để lưu dữ liệu.

Để xóa tài khoản: Tích chọn ô vuông trước tài khoản cần xóa và kích nút [Xóa mục chọn].

1.3. QUẢN LÝ TÀI KHOẢN

1

Họ tên

Họ tên

Nhóm quyền

-- Chọn --

Tìm kiếm

Thêm

Nhập từ excel

Xóa mục chọn

Xuất excel

STT		Sửa	Phân quyền thôn/ xóm	Đổi mật khẩu	Tên đăng nhập	Họ tên	Nhóm quyền	Loại tài khoản	Trạng thái	Phụ trách thôn/xóm
1	☐				AdminDonvi	Admin Đơn Vị	Quản lý dữ liệu	Quản trị hệ thống	Hiệu lực	Thôn Cao Xá,
2	☒				nguyenthanhtam	Nguyễn Thanh Tâm	Thu thập hồ sơ		Hiệu lực	Thôn Cao Xá, Thôn Cựu, Thôn Nội,

Để sửa thông tin tài khoản: Kích vào biểu tượng tại cột sửa trước tên tài khoản cần sửa sau đó cập nhật thông tin và kích nút [Ghi].

1.3. QUẢN LÝ TÀI KHOẢN

Tìm kiếm

Thêm

Nhập từ excel

Xóa mục chọn

Xuất excel

Họ tên

Họ tên

Nhóm quyền

-- Chọn --

STT		Sửa	Phân quyền thôn/xóm	Đổi mật khẩu	Tên đăng nhập	Họ tên	Nhóm quyền	Loại tài khoản	Trạng thái	Phụ trách thôn/xóm
1					AdminDonvi	Admin Đơn Vị	Quản lý dữ liệu	Quản trị hệ thống	Hiệu lực	Thôn Cao Xá;
2					nguyenthanhtam	Nguyễn Thanh Tâm	Thu thập hồ sơ		Hiệu lực	Thôn Cao Xá; Thôn Cựu; Thôn Nội;

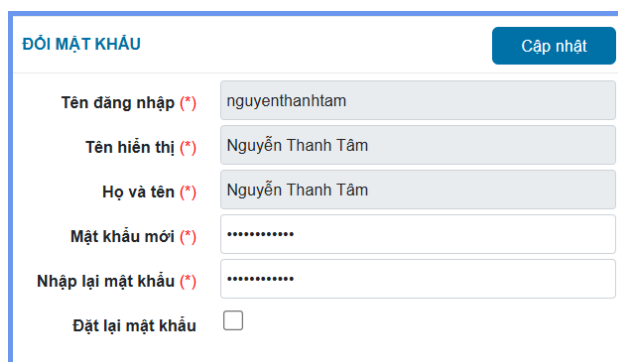
1.2.3. Đổi mật khẩu tài khoản người dùng

Trong trường hợp người dùng quên mật khẩu, quản trị hệ thống PCGD thực hiện cấp lại mật khẩu mới.

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **1. Danh mục/ 1.3. Quản lý tài khoản**.

Bước 2: Tích vào biểu tượng  trước tài khoản người dùng và thực hiện đổi mật khẩu mới.



Form đổi mật khẩu với tiêu đề "ĐỔI MẬT KHẨU" và nút "Cập nhật". Form bao gồm các trường sau:

Tên đăng nhập (*)	nguyenthantam
Tên hiển thị (*)	Nguyễn Thanh Tâm
Họ và tên (*)	Nguyễn Thanh Tâm
Mật khẩu mới (*)	*****
Nhập lại mật khẩu (*)	*****
Đặt lại mật khẩu	☐

Lưu ý: Nếu tích lựa chọn [**Đặt lại mật khẩu**] thì người dùng bắt buộc phải thay đổi mật khẩu mới sau khi được cấp mật khẩu.

1.4. Danh mục tổ thôn

Mô tả: Tại chức năng này, người dùng thực hiện khai báo danh sách Tổ thôn/Khu phố trên địa bàn để phục vụ công tác PCCD.

1.4.1. Thêm mới tổ thôn

Hệ thống hỗ trợ 2 cách thêm mới:

Cách 1: Thêm mới trực tiếp trên phần mềm.

Cách 2: Thêm mới từ file excel

Các bước thực hiện:

✓ Cách 1: Thêm mới trực tiếp

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **1. Danh mục/ 1.4. Danh mục tổ thôn**.

Bước 2: Kích nút **[Thêm]** và nhập thông tin Mã thôn/xóm, tên thôn/xóm, thứ tự.

Bước 3: Tích trạng thái **[Hiệu lực]** và nút **[Ghi]** để lưu lại dữ liệu hoặc **[Ghi và thêm]** để lưu và mở giao diện khai báo tổ thôn tiếp theo.

CHI TIẾT TỔ THÔN

Mã thôn/xóm (*) 06

Tên thôn/xóm (*) Thôn Nhuệ

Thứ tự 6

Hiệu lực ☒

Ghi Ghi và thêm

✓ Cách 2: Thêm mới từ file excel

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **1. Danh mục/1.4. Danh mục tổ thôn**

Bước 2: Kích nút **[Chọn tệp]** và **[Tải file mẫu]** để tải file hệ thống về máy tính.

1.4. DANH MỤC TỔ THÔN

Tìm kiếm Thêm mới Nhập từ excel Xóa mục chọn Xuất excel

Mã Mã tổ thôn Tên Tên tổ thôn

STT	SỬA	MÃ	Tên thôn/xóm	Thứ tự	Trạng thái
1	☐	01	Thôn Cao Xá	1	Hiệu lực
2	☐	02	Thôn Cựu	2	Hiệu lực
3	☐	03	Thôn Nội	3	Hiệu lực
4	☐	04	Thôn Phú	4	Hiệu lực
5	☐	05	Thôn Chưởng	5	Hiệu lực

NHẬP THÔN/XÓM

Chú ý các cột màu đỏ là bắt buộc

☐ Cập nhật nếu trùng

Chọn tệp Không có tệp nào được chọn Đẩy file

Tải file mẫu Ghi

Bước 3: Cập nhật đầy đủ dữ liệu lên file mẫu sau đó lưu lại file.

Bước 4: Quay trở lại phần mềm, kích nút [**Chọn tệp**] để chọn đến file Excel trên máy tính và kích nút [**Đẩy file**].

Bước 5: Kích nút [**Ghi**] để hoàn tất thao tác cập nhật.

Lưu ý: Người dùng tích lựa chọn [**Cập nhật nếu trùng**] nếu trên file excel có danh sách tổ thôn trùng các thông tin với tổ thôn đã tạo trên phần mềm.

- Trường hợp tải file có thông báo lỗi, người dùng thực hiện [**Tải kết quả**] để kiểm tra nội dung lỗi sau đó chỉnh sửa dữ liệu Excel và tải dữ liệu mới nhất lên phần mềm.

1.4.2. Sửa, xóa thông tin tổ thôn

- **Xóa tổ thôn:** Tích chọn ô vuông trước tổ thôn cần xóa và kích nút [**Xóa mục chọn**].

- **Sửa thông tin tổ thôn:** Kích vào biểu tượng  tại cột sửa trước tên tổ thôn cần sửa sau đó cập nhật thông tin và kích nút [**Ghi**].

1.4. DANH MỤC TỔ THÔN							Tìm kiếm Thêm mới Nhập từ excel Xóa mục chọn Xuất excel
Mã	Mã tổ thôn		Tên	Tên tổ thôn			
STT		Sửa	Mã	Tên thôn/xóm	Thứ tự	Trạng thái	
1	☐		01	Thôn Cao Xá	1	Hiệu lực	
2	☐		02	Thôn Cựu	2	Hiệu lực	
3	☐		03	Thôn Nội	3	Hiệu lực	
4	☐		04	Thôn Phú	4	Hiệu lực	
5	☐		05	Thôn Chiềng	5	Hiệu lực	
6	☐		9	Khu phố 1	9	Hiệu lực	

1.5. Quản lý danh sách trường

Mô tả: Danh sách trường trên hệ thống phần mềm được đồng bộ từ CSDL nhà trường. Với lần đầu tiên truy cập chức năng này, người dùng thực hiện [**Đồng bộ dữ liệu**] để hệ thống lấy toàn bộ danh sách các đơn vị trường từ hệ thống CSDL.

1.5. QUẢN LÝ DANH SÁCH TRƯỜNG ?										Tìm kiếm Thêm trường Ghi Đồng bộ dữ liệu Xóa mục chọn Xuất excel
Cấp học	-- Tất cả --									
STT		Mã trường	Tên trường	Phường/Xã	Nhóm cấp học	Cấp học	Loại trường	Vùng	Chuẩn quốc gia	Điểm trường
1	☐	20000723	Trường THPT Tân Thành	Phường Đồng Kinh	THPT	Trung học phổ thông	Trường phổ thông	Miền núi - vùng sâu		0
2	☐	20188507	Trường THCS Yên Khoái	Phường Đồng Kinh	THCS	Trung học cơ sở	Trường phổ thông	Biên giới - Hải đảo		0
3	☐	20188508	Trường THCS Từ Mịch	Phường Đồng Kinh	THCS	Trung học cơ sở	Trường phổ thông	Biên giới - Hải đảo		0
4	☐	20188509	Trường THCS Khuất Xá	Phường Đồng Kinh	THCS	Trung học cơ sở	Trường phổ thông			0
5	☐	20188510	Trường Tiểu học và THCS Quan Bản	Phường Đồng Kinh	PTCS	Tiểu học, Trung học cơ sở	Trường phổ thông	Miền núi - vùng sâu	Đạt chuẩn mức 2	0

Ngoài ra hệ thống có hỗ trợ người dùng lựa chọn danh sách đơn vị trường để lấy dữ liệu tại nút chức năng [**Thêm trường**] như sau:

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **1. Danh mục/ 1.5. Quản lý danh sách trường**.

Bước 2: Kích nút [**Thêm trường**].

Bước 3: Giao diện hiển thị danh sách các đơn vị trường thuộc phường/xã đó trên CSDL, người dùng tích chọn trường cần lấy dữ liệu và kích nút [**Ghi**].

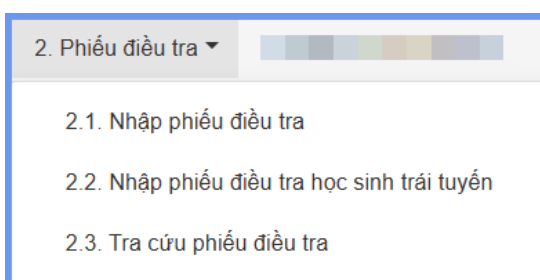
Bước 4: Hệ thống hiển thị thông báo: “*Bạn có chắc chắn thêm mới trường đã chọn?*”, kích [**Ok**] để xác nhận.

Lưu ý:

- Thông tin hồ sơ trường, điểm trường, lớp ghép được đồng bộ từ CSDL nhà trường. Ngoài ra, người dùng có thể nhập trực tiếp dữ liệu vào các ô dữ liệu tương ứng và kích nút **[Ghi]** để lưu lại dữ liệu đã nhập.
- Trường hợp người dùng đã nhập dữ liệu sau đó thực hiện **[Đồng bộ dữ liệu]**: Các thông tin bên CSDL đã có dữ liệu sẽ được cập nhật lại trên hệ thống PCGD; thông tin bên CSDL không có dữ liệu sẽ giữ nguyên theo dữ liệu đã nhập trên PCGD.

2. Phiếu điều tra

Mô tả: Chức năng phiếu điều tra quản lý toàn bộ thông tin đối tượng điều tra trong công tác PCGD trên địa phương Phường/Xã.



2.1. Nhập phiếu điều tra

Mô tả: Sau khi thu thập đầy đủ các thông tin trên phiếu điều tra giấy, cán bộ phụ trách công tác nhập liệu PCGD sẽ thực hiện nhập dữ liệu lên phần mềm. Đây là chức năng rất quan trọng, người dùng tham khảo kỹ hướng dẫn để cập nhật dữ liệu chính xác.

2.1.1. Thêm mới thông tin phiếu điều tra

Hệ thống hỗ trợ 2 cách thêm mới:

Cách 1: Thêm mới trực tiếp trên phần mềm.

Cách 2: Thêm mới từ file excel

Các bước thực hiện:

✓ Cách 1: Thêm mới trực tiếp

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **2. Phiếu điều tra/ 2.1. Nhập phiếu điều tra.**

Bước 2: Kích nút **[Thêm]**, giao diện hiển thị thông tin phiếu điều tra chi tiết. Người dùng thực hiện nhập đầy đủ các thông tin (*) bắt buộc tại phần thông tin chủ hộ sau đó kích nút **[Thêm]** để nhập thông tin thành viên trong hộ gia đình.

Bước 3: Nhập đầy đủ các thông tin trên giao diện từ thông tin hồ sơ, thông tin học tập và thông tin gia đình.

Cách nhập các thông tin điều tra như sau:

🔍 Thông tin cá nhân

- Đối tượng điều tra chi tiết: Tất cả đối tượng trong gia đình (bao gồm cả chủ hộ) nếu vẫn trong độ tuổi điều tra từ 0 – 120 tuổi.
- Họ và tên: Nhập đầy đủ thông tin theo giấy khai sinh.
- Ngày sinh: Nhập theo ngày sinh ghi trong giấy khai sinh.
- Giới tính: Chọn một trong hai giá trị Nam hoặc Nữ.
- Số định danh cá nhân: Nhập số định danh cá nhân do CA cấp.
- Dân tộc, Tôn giáo: Nhập dân tộc, tôn giáo trong giấy khai sinh.

- Diện ưu tiên: Nhập diện ưu tiên (nếu có).
- Quan hệ với chủ hộ: Nhập quan hệ với chủ hộ. Ví dụ: Vợ, con, cháu...
- Diện cư trú: Nhập diện cư trú là thường trú hoặc tạm trú (có hộ khẩu tạm trú từ 6 tháng trở lên) tại thời điểm điều tra.
- Tình trạng cư trú: Nhập tình trạng cư trú ở thời điểm điều tra.
- Khuyết tật: Chọn trạng thái Khuyết tật tương ứng (nếu có) và bổ sung các thông tin Có chứng nhận khuyết tật, có khả năng học tập.
- Hoàn cảnh đặc biệt: Chọn nội dung hoàn cảnh đặc biệt và chi tiết hoàn cảnh đặc biệt. *(Nếu là chuyển đi thì nhập rõ đi đâu, đi thời gian ngày tháng năm nào; nếu là chuyển đến thì nhập rõ từ đâu đến, ngày tháng năm chuyển đến; Nếu đối tượng đã chết thì ghi rõ năm mất).*

☐ Thông tin học tập:

*** Đối với đối tượng đang theo học**

- Cấp học: Chọn cấp học tương ứng (ở thời điểm điều tra).
- Lớp học: Nhập lớp học đang học (ở thời điểm điều tra).
- Học hệ bổ túc: Tích chọn nếu đối tượng điều tra học hệ này ở thời điểm điều tra.
- Lưu ban năm trước: (nếu có).
- Tỉnh/Thành phố; Phường/Xã; Trường: Nhập thông tin địa bàn theo học tương ứng (ở thời điểm điều tra).
- Học tập ngoài địa bàn: Tích lựa chọn này nếu học tại địa bàn không thuộc Phường Xã điều tra hiện tại.
- Số buổi học trên tuần:
- Các thông tin Bậc tốt nghiệp phổ thông, Số bằng tốt nghiệp...: Nhập kết quả tốt nghiệp bậc học trước.

*** Đối với đối tượng đang không theo học bậc học nào:**

Các thông tin tại phần khoanh đỏ trong hình ảnh đính kèm sẽ bỏ trống và không thực hiện khai báo.

I. Thông tin học tập		II. Thông tin gia đình	
Cấp học [17]	--Chon--	Bậc tốt nghiệp phổ thông [27]	Trung học cơ
Lớp [18]	Lớp	Số bằng tốt nghiệp [29]	123456
Học hệ bổ túc [19]	☐	TN THPT hệ bổ túc [31]	☐
Khối [21]	--Chon--	Bậc tốt nghiệp nghề [33]	--Chon--
Tỉnh/Thành phố [22]	Bỏ trống, không nhập các thông tin này	Học xong [35]	--Chon--
Phường/Xã [23]	--Chon--	Bố học [37]	--Chon--
Trường [24]	--Chon--	Lý do thôi học [39]	--Chon--
Số buổi học/tuần [26]	--Chon--	Học xóa mù chữ [41]	--Chon--
		Năm TN [28]	2024-2025
		Tốt nghiệp nơi khác [30]	☒
		TN THCS hệ bổ túc [32]	☒
		Năm TN nghề [34]	2024-2025
		Năm học xong [36]	2024-2025
		Năm bỏ học [38]	yyyy-yyyy
		Tài mù chữ [40]	--Chon--
		Hoàn thành lớp XMC [42]	--Chon--

Chỉ thực hiện khai báo các thông tin tại các cột còn lại.

I. Thông tin học tập		II. Thông tin gia đình	
Cấp học [17]	--Chon--	Bậc tốt nghiệp phổ thông [27]	Trung học cơ
Lớp [18]	Lớp	Số bằng tốt nghiệp [29]	123456
Học hệ bổ túc [19]	☐	TN THPT hệ bổ túc [31]	☐
Khối [21]	--Chon--	Bậc tốt nghiệp nghề [33]	--Chon--
Tỉnh/Thành phố [22]	--Chon--	Học xong [35]	--Chon--
Phường/Xã [23]	--Chon--	Bố học [37]	--Chon--
Trường [24]	--Chon--	Lý do thôi học [39]	--Chon--
Số buổi học/tuần [26]	--Chon--	Học xóa mù chữ [41]	--Chon--
		Năm TN [28]	2024-2025
		Tốt nghiệp nơi khác [30]	☒
		TN THCS hệ bổ túc [32]	☒
		Năm TN nghề [34]	2024-2025
		Năm học xong [36]	2024-2025
		Năm bỏ học [38]	yyyy-yyyy
		Tài mù chữ [40]	--Chon--
		Hoàn thành lớp XMC [42]	--Chon--

❓ **Thông tin gia đình:** Nhập các thông tin về Họ tên cha, Họ tên mẹ, Họ tên người đỡ đầu (nếu có).

Bước 4: Kích nút **[Ghi]** để lưu dữ liệu hoặc **[Ghi và thêm]** để lưu và thêm thông tin đối tượng điều tra tiếp theo.

Phổ cập GD - Xóa mù chữ

PHIẾU ĐIỀU TRA CHI TIẾT

Số ĐDCN chủ hộ (*) 012345678999

Họ tên chủ hộ (*) Lê Tuấn Hiếu

Thôn/Xóm (*) Xóm 10

Nơi ở hiện tại Xóm 10, xã Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn

Diện cư trú Thường trú

Tình trạng cư trú Lưu trú

Số điện thoại 0912345678

Ngày điều tra (*) 16/07/2025

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG

Thêm Xóa mục chọn

STT	Sửa	Số định danh cá nhân	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Tôn giáo	2025-2026		Thông tin tốt nghiệp		
							Lớp	Trường học	Bậc TN	Năm TN	Bỏ túc
Không có bản ghi nào!											

Lưu ý: Trong trường hợp cần bổ sung thêm đối tượng điều tra vào phiếu đã cập nhật, người dùng kích biểu tượng  bên cạnh thông tin phiếu và kích nút **Thêm** để thực hiện thêm đối tượng điều tra tương tự như phần hướng dẫn bên trên.

2.1. NHẬP PHIẾU ĐIỀU TRA

Thôn/Xóm: Số ĐDCN chủ hộ: Họ tên chủ hộ:

Họ tên đối tượng: Số định danh cá nhân: Xác thực dân cư: Xác thực giáo dục:

Phiếu điều tra: 19 (phiếu)

STT		Sửa	Phiếu điều tra	Nơi ở hiện tại
1			Nguyễn An 014878375303	Tam Hòa Đồng Kinh
2			Nguyễn Văn Đức 018779512525	
3			Nguyễn Hải 015233831690	

Đối tượng điều tra: 6 (đối tượng) (Đã xác thực dân cư: 0) (Đã xác thực giáo dục: 0)

STT	Xác thực CSOL DC	Xác thực CSOL GD	Sửa	Xóa	Số ĐDCN chủ hộ	Số định danh cá nhân	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Tôn giáo
1					014878375303	013888947052	Nguyễn Bình	24/10/2023	Thái	
2					014878375303	016765467517	Nguyễn Đạt	05/10/2023	Nùng	

PHIẾU ĐIỀU TRA CHI TIẾT

Số ĐDCN chủ hộ (*): 014878375303

Họ tên chủ hộ (*): Nguyễn An

Thôn/Xóm (*): Xóm 7

Nơi ở hiện tại: Tam Hòa Đồng Kinh

Diện cư trú:

Tình trạng cư trú:

Số điện thoại:

Ngày điều tra (*): 03/07/2025

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG

STT		Sửa	Số định danh cá nhân	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Tôn giáo	2025-2026		Thông tin tốt nghiệp		
								Lớp	Trường học	Bậc TN	Năm TN	Bỏ túc
1			013888947052	Nguyễn Bình	24/10/2023	Thái		Nhi				
2			016765467517	Nguyễn Đạt	05/10/2023	Nùng		Mẫu giáo lớn				
3			015801854159	Nguyễn Cường	02/04/2023	H'Mông						

✓ Cách 2: Thêm mới từ file excel

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **2. Phiếu điều tra/2.1. Nhập phiếu điều tra**.

Bước 2: Kích nút **[Chọn tệp]** và **[Tải file mẫu]** để tải file hệ thống về máy tính.

NHẬP PHIẾU ĐIỀU TRA TỪ EXCEL

1 **Tải file mẫu** **Tải file mẫu kèm dữ liệu** **Chỉ** **Tra cứu danh mục**

Chú ý: Các cột màu đỏ là bắt buộc

Thôn/Xóm (*):

Chọn tệp **Đẩy file**

Bước 3: Cập nhật đầy đủ dữ liệu lên file mẫu sau đó lưu lại file. (Người dùng tham khảo kỹ Sheet Hướng dẫn nhập trước khi thực hiện nhập liệu).

FileMauKemDuLieu-PhieuDieuTra - Excel

Home Insert Page Layout Formulas Data Review View Help Acrobat Tell me what you want to do

Clipboard Font Alignment Number Styles Cells Editing Adobe Acrobat

O45

Thông tin đối tượng												Thông tin nơi đang ở				
STT	Số định danh cá nhân chủ hộ	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Dân tộc	Tôn giáo	Điện ưu tiên	Chủ hộ				
												Họ đệm	Tên	Điện thoại	Địa chỉ: Số nhà, tên đường, tổ (nếu có)	
1	014878375303	Nguyễn	Bình	24	10	2023	Nữ	013888947052	Thái		Nguyễn	An		Tam Hòa Đông Kinh	Thường trú	
2	014878375303	Nguyễn	Đạt	5	10	2023	Nam	016765467517	Niêng		Nguyễn	An		Tam Hòa Đông Kinh	Thường trú	
3	014878375303	Nguyễn	Cường	2	4	2023	Nam	015801854159	H'Mông		Nguyễn	An		Tam Hòa Đông Kinh		
4	014878375303	Nguyễn	An	18	6	2013	Nữ	014878375303	Thái		Nguyễn	An		Tam Hòa Đông Kinh	Thường trú	
5	014878375303	Nguyễn	Giang	27	2	2005	Nữ	016455191645	Kho-me		Nguyễn	An		Tam Hòa Đông Kinh	Thường trú	

Tham khảo cách nhập tại sheet Huang dan nhap sau đó nhập liệu tại Sheet 1

Sheet1 Huang dan nhap

Bước 4: Quay trở lại phần mềm, kích nút [**Chọn tệp**] để chọn đến file Excel trên máy tính và kích nút [**Đẩy file**].

NHẬP PHIẾU ĐIỀU TRA TỪ EXCEL

Tải file mẫu Tải file mẫu kèm dữ liệu Ghi Tra cứu danh mục

Chú ý: Các cột màu đỏ là bắt buộc

Thôn/Xóm (*) Thôn Cao Xá

Chọn tệp FileMauKem...euDieuTra.xlsx Đẩy file

STT	Nội dung lời	Thông tin đối tượng											
		Số định danh cá nhân chủ hộ	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Dân tộc	Tôn giáo	Điện ưu tiên	
1		024188010232	Nguyễn Phúc	Hung	19	11	2020		000000000000	01	99		
2		024188010234	Nguyễn Phúc	Anh	19	11	2021		000000000001	01	99		
3		024188010235	Nguyễn Ngọc	Ánh	19	11	2022		000000000002	01	99		

Bước 5: Chọn Thôn/Xóm và kích nút [**Ghi**] để hoàn tất thao tác cập nhật.

NHẬP PHIẾU ĐIỀU TRA TỪ EXCEL

Tải file mẫu Tải file mẫu kèm dữ liệu Ghi Tra cứu danh mục

Chú ý: Các cột màu đỏ là bắt buộc

Thôn/Xóm (*) Thôn Cao Xá

Chọn tệp Không có tệp nào được chọn **Đẩy file** **Tải kết quả**

STT	Nội dung lỗi	Thông tin đối tượng										
		Số định danh cá nhân chủ hộ	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Dân tộc	Tôn giáo	Diện ưu tiên
1		024188010232	Nguyễn Phúc	Hung	19	11	2020		000000000000	01	99	
2		024188010234	Nguyễn Phúc	Anh	19	11	2021		000000000001	01	99	
3		024188010235	Nguyễn Ngọc	Ảnh	19	11	2022		000000000002	01	99	

1 Số bản ghi/trang 100

Thành công Thành công 3/3 Đóng 1 đến 3/3

Lưu ý: Tại giao diện nhập từ Excel, người dùng tích bắt buộc phải chọn Thôn/Xóm để hệ thống cập nhật dữ liệu lên phần mềm.

- Trường hợp tải file có thông báo lỗi, người dùng thực hiện [**Tải kết quả**] để kiểm tra nội dung lỗi sau đó chỉnh sửa dữ liệu Excel và tải dữ liệu mới nhất lên phần mềm.

2.1.2. Điều chỉnh thông tin phiếu điều tra

Mô tả: Trong quá trình nhập phiếu điều tra, người dùng cần lưu ý một số chức năng sau để thực hiện cập nhật, điều chỉnh dữ liệu.

- Nút chức năng : Sử dụng khi cần sửa phiếu hay đối tượng điều tra.

Phiếu điều tra: 5 (phiếu)

STT		Sửa	Phiếu điều tra	Nơi ở hiện tại
1	☐		Đông Hoàng Khánh Linh	
2	☐		Lê Trần Bảo Ngọc	
3	☐		Lê Thị Châu Thanh	
4	☐		Lương Thị Thanh Thảo	
5	☐		Phạm Nguyễn Thu Thục	

Chức năng sửa phiếu điều tra

Đối tượng điều tra: 9 (đối tượng) (Đã xác thực dân cư : 7) (Đã xác thực giáo dục : 7)

STT	Xác thực dân cư	Xác thực giáo dục	Sửa	Xóa	Số ĐCCN chủ hộ	Số định danh cá nhân	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc
1				X			Đông Hoàng Khánh Linh	14/08/2007	Kinh
2	✓	✓		X			Lê Thị Châu Thanh	06/06/2007	Kinh
3	✓	✓		X			Đào Thị Thủy An	10/09/2007	Kinh
4	✓	✓		X			Nguyễn Võ Ngọc Minh	28/03/2007	Kinh
5	✓	✓		X			Lê Trần Bảo Ngọc	19/04/2007	Kinh
6	✓	✓		X			Phùng Thị Ly Na	21/08/2007	Kinh
7	✓	✓		X			Lương Thị Thanh Thảo	29/05/2007	Kinh
8	✓	✓		X			Phạm Nguyễn Thu Thục	13/07/2007	Kinh
9				X			Nguyễn Lê Thanh Tâm	06/06/2008	Kinh

Sửa đối tượng điều tra

- : Sử dụng khi cần xóa đối tượng điều tra.

Phiếu điều tra: 5 (phiếu)

STT		Sửa	Phiếu điều tra	Nơi ở hiện tại
1	☐		Đồng Hoàng Khánh Linh	
2	☐		Lê Trần Bảo Ngọc	
3	☐		Lê Thị Châu Thanh	
4	☐		Lương Thị Thanh Thảo	
5	☐		Phạm Nguyễn Thu Thục	

Đối tượng điều tra: 9 (đối tượng) (Đã xác thực dân cư : 7) (Đã xác thực giáo dục : 7)

STT	Xác thực dân cư	Xác thực giáo dục	Sửa	Xóa	Số ĐDCN chủ hộ	Số định danh cá nhân	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc
1							Đồng Hoàng Khánh Linh	14/08/2007	Kinh
2	✓	✓					Lê Thị Châu Thanh	06/06/2007	Kinh
3	✓	✓					Đào Thị Thủy An	10/09/2007	Kinh
4	✓	✓					Nguyễn Võ Ngọc Minh	28/03/2007	Kinh
5	✓	✓					Lê Trần Bảo Ngọc	19/04/2007	Kinh
6	✓	✓					Phùng Thị Ly Na	21/08/2007	Kinh
7	✓	✓					Lương Thị Thanh Thảo	29/05/2007	Kinh
8	✓	✓					Phạm Nguyễn Thu Thục	13/07/2007	Kinh
9							Nguyễn Lê Thanh Tâm	06/06/2008	Kinh

Xóa đối tượng điều tra

- [Xóa mục chọn]: Chọn phiếu điều tra và thực hiện xóa toàn bộ dữ liệu trong phiếu.

2.1. NHẬP PHIẾU ĐIỀU TRA

Thôn/Xóm: -- Chọn -- Số ĐDCN chủ hộ: Số định danh cá nhân chủ hộ: Họ tên chủ hộ: Họ tên đối tượng: Họ tên đối tượng: Số định danh cá nhân: Số định danh cá nhân: Xác thực dân cư: -- Tất cả -- Xác thực giáo dục: -- Tất cả --

Phiếu điều tra: 19 (phiếu)

STT		Sửa	Phiếu điều tra	Nơi ở hiện tại
1	☒		Nguyễn An 014878375303	Tam Hòa Đông Kinh
2	☐		Nguyễn Văn Đức 018779512525	
3	☐		Nguyễn Hải 015233831690	
4	☐		Nguyễn Gia Huy 011799229019	
5	☐		Nguyễn Phúc 014171087917	

Đối tượng điều tra: 6 (đối tượng) (Đã xác thực dân cư : 0) (Đã xác thực giáo dục : 0)

STT	Xác thực CSDL DC	Xác thực CSDL GD	Sửa	Xóa	Số ĐDCN chủ hộ	Số định danh cá nhân	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Tôn giáo
1					014878375303	013888947052	Nguyễn Bình	24/10/2023	Thái	
2					014878375303	016765467517	Nguyễn Đạt	05/10/2023	Nùng	
3					014878375303	015801854159	Nguyễn Cường	02/04/2023	H'Mông	
4					014878375303	014878375303	Nguyễn An	18/06/2013	Thái	
5					014878375303	016455191645	Nguyễn Giang	27/02/2005	Kho-me	

- [Tìm kiếm]: Nhập các thông tin cần tìm theo gợi ý trên giao diện và chọn [Tìm kiếm] để hiển thị kết quả.

2.1. NHẬP PHIẾU ĐIỀU TRA

Thôn/Xóm: -- Chọn -- Số ĐDCN chủ hộ: Số định danh cá nhân chủ hộ: Họ tên chủ hộ: Họ tên đối tượng: Họ tên đối tượng: Số định danh cá nhân: Số định danh cá nhân: Xác thực dân cư: -- Tất cả -- Xác thực giáo dục: -- Tất cả --

Phiếu điều tra: 19 (phiếu)

STT		Sửa	Phiếu điều tra	Nơi ở hiện tại
1	☐		Nguyễn An	Tam Hòa Đông Kinh
2	☐		Nguyễn Văn Đức	
3	☐		Nguyễn Hải	
4	☐		Nguyễn Gia Huy	
5	☐		Nguyễn Phúc	

Đối tượng điều tra: 34 (đối tượng) (Đã xác thực dân cư : 0) (Đã xác thực giáo dục : 0)

STT	Xác thực CSDL DC	Xác thực CSDL GD	Sửa	Xóa	Số ĐDCN chủ hộ	Số định danh cá nhân	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Tôn giáo
1						048310001796	Đặng Quốc Hưng Anh		Kinh	Không
2						048310005489	Đinh Ý Lan Anh		Kinh	Không
3						048210007029	Dương Ngọc Huy Anh		Kinh	Không
4						048310005414	Nguyễn Chánh Khiêm Anh		Kinh	Không
5						048210004621	Nguyễn Huỳnh Gia Huân Anh		Kinh	Không

- [Xuất phiếu điều tra]: Hỗ trợ xuất phiếu điều tra theo yêu cầu.

2.1. NHẬP PHIẾU ĐIỀU TRA

Thôn/Xóm:
 Số DDCN chủ hộ:
 Họ tên chủ hộ:

Họ tên đối tượng:
 Số định danh cá nhân:
 Xác thực dân cư:
 Xác thực giáo dục:

Phiếu điều tra: 19 (phiếu)

STT		Sửa	Phiếu điều tra	Nơi ở hiện tại
1	☐		Nguyễn An	Tam Hòa Đông Kinh
2	☐		Nguyễn Văn Đức	
3	☐		Nguyễn Hải	
4	☐		Nguyễn Gia Huy	
5	☐		Nguyễn Phúc	

Đối tượng điều tra: 34 (đối tượng) (Đã xác thực dân cư: 0) (Đã xác thực giáo dục: 0)

STT	Xác thực CSDL DC	Xác thực CSDL GD	Sửa	Xóa	Số DDCN chủ hộ	Số định danh cá nhân	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Tôn giáo
1						048310001796	Đặng Quốc Hưng Anh		Kinh	Không
2						048310005489	Đinh Ý Lan Anh		Kinh	Không
3						048210007029	Dương Ngọc Huy Anh		Kinh	Không
4						048310005414	Nguyễn Chánh Khiêm Anh		Kinh	Không
5						048210004621	Nguyễn Huỳnh Gia Huân Anh		Kinh	Không

- **[Xuất excel]:** Hỗ trợ kết xuất dữ liệu phiếu điều tra, đối tượng điều tra và đối tượng mầm non trên file excel.

2.1. NHẬP PHIẾU ĐIỀU TRA

Thôn/Xóm:
 Số DDCN chủ hộ:
 Họ tên chủ hộ:

Họ tên đối tượng:
 Số định danh cá nhân:
 Xác thực dân cư:
 Xác thực giáo dục:

Phiếu điều tra: 19 (phiếu)

STT		Sửa	Phiếu điều tra	Nơi ở hiện tại
1	☐		Nguyễn An	Tam Hòa Đông Kinh
2	☐		Nguyễn Văn Đức	
3	☐		Nguyễn Hải	
4	☐		Nguyễn Gia Huy	
5	☐		Nguyễn Phúc	

Đối tượng điều tra: 34 (đối tượng) (Đã xác thực dân cư: 0) (Đã xác thực giáo dục: 0)

STT	Xác thực CSDL DC	Xác thực CSDL GD	Sửa	Xóa	Số DDCN chủ hộ	Số định danh cá nhân	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Tôn giáo
1						048310001796	Đặng Quốc Hưng Anh		Kinh	Không
2						048310005489	Đinh Ý Lan Anh		Kinh	Không
3						048210007029	Dương Ngọc Huy Anh		Kinh	Không
4						048310005414	Nguyễn Chánh Khiêm Anh		Kinh	Không
5						048210004621	Nguyễn Huỳnh Gia Huân Anh		Kinh	Không

2.1.3. Xác thực hồ sơ

Mô tả: Sau khi khai báo xong phiếu và đối tượng điều tra, người dùng thực hiện xác thực hồ sơ với CSDL Dân cư/CSDL giáo dục.

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **2. Phiếu điều tra/2.1. Nhập phiếu điều tra**.

Bước 2: Kích nút **[Xác thực dân cư/CSDL giáo dục]**.

2.1. NHẬP PHIẾU ĐIỀU TRA

Thôn/Xóm: -- Chọn -- Số ĐDCN chủ hộ: Số định danh cá nhân chủ hộ: Họ tên chủ hộ: Họ tên chủ hộ

Họ tên đối tượng: Họ tên đối tượng Số định danh cá nhân: Số định danh cá nhân

Phiếu điều tra: 5 (phiếu)

STT		Sửa	Phiếu điều tra	Nơi ở hiện tại
1	☐	☐	Đỗ Hoàng Khánh Linh	
2	☐	☐	Lê Trần Bảo Ngọc	
3	☐	☐	Lê Thị Châu Thanh	
4	☐	☐	Lương Thị Thanh Thảo	
5	☐	☐	Phạm Nguyễn Thu Thục	

Đối tượng điều tra: 9 (đối tượng) (Đã xác thực dân cư: 7) (Đã xác thực giáo dục: 7)

STT	Xác thực dân cư	Xác thực giáo dục	Sửa	Xóa	Số ĐDCN chủ hộ	Số định danh cá nhân	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Tôn giáo
1			☐	☐			Đỗ Hoàng Khánh Linh	14/08/2007	Kinh	Không
2	☒	☒	☐	☐			Lê Thị Châu Thanh	06/06/2007	Kinh	
3	☒	☒	☐	☐			Đào Thị Thủy An	10/09/2007	Kinh	
4	☒	☒	☐	☐			Nguyễn Vũ Ngọc Minh	28/03/2007	Kinh	
5	☒	☒	☐	☐			Lê Trần Bảo Ngọc	19/04/2007	Kinh	Không
6	☒	☒	☐	☐			Phùng Thị Ly Na	21/08/2007	Kinh	
7	☒	☒	☐	☐			Lương Thị Thanh Thảo	29/05/2007	Kinh	
8	☒	☒	☐	☐			Phạm Nguyễn Thu Thục	13/07/2007	Kinh	Không
9			☐	☐			Nguyễn Lê Thanh Tâm	06/06/2008	Kinh	Không

Đóng 1 đến 5/5

Thành công
Đồng bộ dân cư thành công

Xác thực thành công, hệ thống cập nhật một số thông tin trong hồ sơ và kết quả học tập theo bên CSDL dân cư/ CSDL giáo dục và trạng thái xác thực tại hai cột **[Xác thực dân cư]** và **[Xác thực giáo dục]**.

2.1. NHẬP PHIẾU ĐIỀU TRA

Thôn/Xóm: -- Chọn -- Số ĐDCN chủ hộ: Số định danh cá nhân chủ hộ: Họ tên chủ hộ: Họ tên chủ hộ

Họ tên đối tượng: Họ tên đối tượng Số định danh cá nhân: Số định danh cá nhân

Xác thực dân cư: -- Tất cả -- Xác thực giáo dục: -- Tất cả --

Phiếu điều tra: 19 (phiếu)

STT		Sửa	Phiếu điều tra	Nơi ở hiện tại
1	☐	☐	Nguyễn An	Tam Hòa Đông Kinh
2	☐	☐	Nguyễn Văn Đức	
3	☐	☐	Nguyễn Hải	
4	☐	☐	Nguyễn Gia Huy	
5	☐	☐	Nguyễn Phúc	
6	☐	☐	Ma Việt Anh	
7	☐	☐	Huỳnh Minh Dũng Bằng	
8	☐	☐	Huỳnh Minh Dũng Bằng	

Đối tượng điều tra: 34 (đối tượng) (Đã xác thực dân cư: 0) (Đã xác thực giáo dục: 0)

STT	Xác thực CSDL DC	Xác thực CSDL GD	Sửa	Xóa	Số ĐDCN chủ hộ	Số định danh cá nhân	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Tôn giáo
1	☒	☒	☐	☐			Đặng Quốc Hưng Anh		Kinh	Không
2	☒	☒	☐	☐			Đinh Ý Lan Anh		Kinh	Không
3	☒	☒	☐	☐			Dương Ngọc Huy Anh		Kinh	Không
4	☒	☒	☐	☐			Nguyễn Chánh Khiêm Anh		Kinh	Không
5	☒	☒	☐	☐			Nguyễn Huỳnh Gia Huân Anh		Kinh	Không
6	☒	☒	☐	☐			Nguyễn Quốc Huy Anh		Kinh	Không
7	☒	☒	☐	☐			Từ Anh Kiệt Anh		Kinh	Không
8	☒	☒	☐	☐			Đặng Huỳnh Maika Anh		Kinh	Không

Đóng 1 đến 19/19

Thành công
Xác thực thành công

2.2. Phiếu điều tra trái tuyến

Mô tả: Chức năng này hỗ trợ cán bộ thực hiện công tác PCGD nhập danh sách học sinh học trái tuyến trên địa phương Phường/Xã.

2.2.1. Thêm mới thông tin phiếu điều tra

Hệ thống hỗ trợ 2 cách thêm mới:

Cách 1: Thêm mới trực tiếp trên phần mềm.

Cách 2: Thêm mới từ file excel

Các bước thực hiện:

✓ Cách 1: Thêm mới trực tiếp

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **2. Phiếu điều tra/2.2. Nhập phiếu điều tra học sinh trái tuyến.**

Bước 2: Kích nút [**Thêm mới**], giao diện hiển thị thông tin phiếu điều tra. Người dùng thực hiện nhập đầy đủ các thông tin, lưu ý các thông tin (*) bắt buộc phải nhập.

Phổ cập GD - Xóa mù chữ

2.2.1. CHI TIẾT PHIẾU ĐIỀU TRA TRÁI TUYẾN

Ghi Ghi và thêm Đóng

Họ và tên [1] Lê Tuấn Hiếu

Ngày sinh [2] 26/08/2017

Giới tính [3] Nam

Số định danh cá nhân [4] 012345678999

Dân tộc [5] Kinh

Tôn giáo [6] Không

Khuyết tật [7] --Chọn--

Có chứng nhận khuyết tật [8] ☐

Có khả năng học tập [9] ☐

Tỉnh/Thành phố [10] Tỉnh Lạng Sơn

Phường/Xã [11] Phường Tam Thanh

Nơi ở hiện tại [12] Tổ 10 phường Tam Thanh, tỉnh Lạng Sơn

THÔNG TIN HỌC TẬP

Cấp học [13] Tiểu học

Lớp [14] 3A2

Khối [16] Khối 3

Trường [17] Trường Tiểu học và THCS Quan Bản (Phường Đồng Kinh)

Số buổi học/tuần [18] --Chọn--

Bậc tốt nghiệp phổ thông [20] --Chọn--

Số bằng tốt nghiệp [22] Số bằng tốt nghiệp

TN THPT hệ bổ túc [23] ☐

Bổ học lớp [25] --Chọn--

Lý do thôi học [27] --Chọn--

Năm TN [21] yyyy-yyyy

TN THCS hệ bổ túc [24] ☐

Năm bổ học [26] yyyy-yyyy

Bước 3: Nhập đầy đủ các thông tin trên giao diện bao gồm thông tin hồ sơ và thông tin học tập.

Cách nhập các thông tin điều tra như sau:

🔍 Thông tin cá nhân

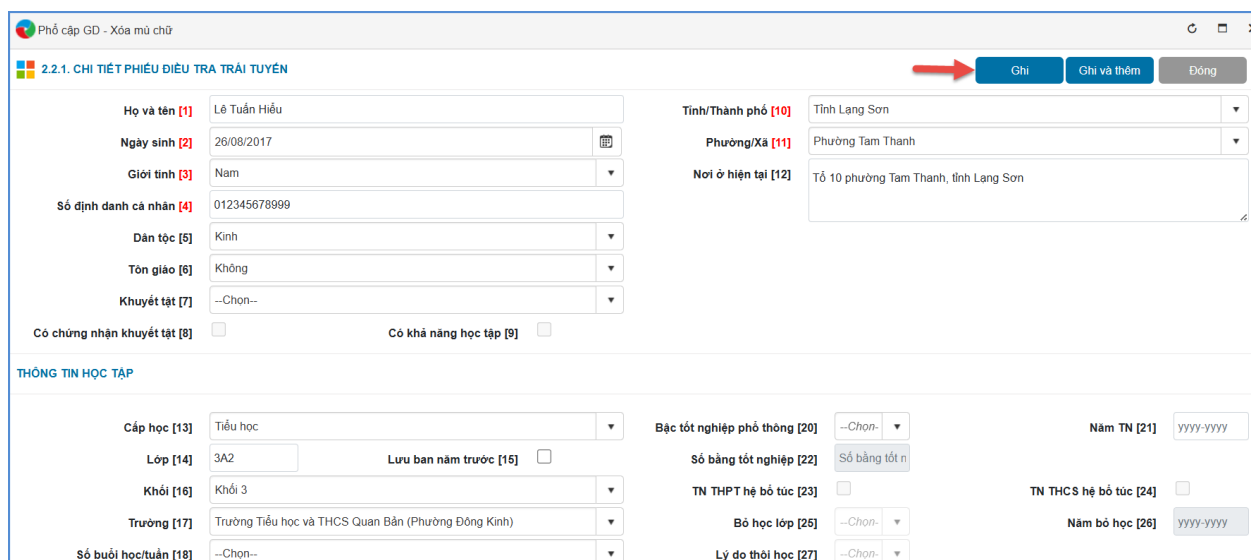
- Họ và tên: Nhập đầy đủ thông tin theo giấy khai sinh.
- Ngày sinh: Nhập theo ngày sinh ghi trong giấy khai sinh.
- Giới tính: Chọn một trong hai giá trị Nam hoặc Nữ.

- Số định danh cá nhân: Nhập số định danh cá nhân do CA cấp.
- Dân tộc, Tôn giáo: Nhập dân tộc, tôn giáo trong giấy khai sinh.
- Khuyết tật: Chọn trạng thái Khuyết tật tương ứng (nếu có) và bổ sung các thông tin Có chứng nhận khuyết tật, có khả năng học tập.
- Tỉnh/Thành phố, Phường/Xã: Nhập theo nơi thường trú ở thời điểm điều tra.
- Nơi ở hiện tại: Nhập nơi ở hiện tại ở thời điểm điều tra.

Thông tin học tập:

- Cấp học: Chọn cấp học tương ứng (ở thời điểm điều tra).
- Lớp học, Khối học: Nhập lớp học, khối đang học (ở thời điểm điều tra).
- Lưu ban năm trước: Tích chọn (nếu có).
- Trường: Nhập thông tin trường đang theo học trên địa bàn (ở thời điểm điều tra).
- Số buổi học trên tuần: Chọn số buổi học trên tuần.
- Học hệ bổ túc: Tích chọn nếu đối tượng điều tra học hệ này ở thời điểm điều tra.
- Các thông tin Bậc tốt nghiệp phổ thông, Số bằng tốt nghiệp...: Nhập kết quả tốt nghiệp bậc học trước (nếu có).

Bước 4: Kích nút **[Ghi]** để lưu dữ liệu hoặc **[Ghi và thêm]** để lưu và thêm thông tin đối tượng điều tra tiếp theo.



Phổ cập GD - Xóa mù chữ

2.2.1. CHI TIẾT PHIẾU ĐIỀU TRA TRÁI TUYẾN

Họ và tên [1] Lê Tuấn Hiếu

Ngày sinh [2] 26/08/2017

Giới tính [3] Nam

Số định danh cá nhân [4] 012345678999

Dân tộc [5] Kinh

Tôn giáo [6] Không

Khuyết tật [7] --Chọn--

Có chứng nhận khuyết tật [8] ☐ Có khả năng học tập [9] ☐

Tỉnh/Thành phố [10] Tỉnh Lạng Sơn

Phường/Xã [11] Phường Tam Thanh

Nơi ở hiện tại [12] Tổ 10 phường Tam Thanh, tỉnh Lạng Sơn

THÔNG TIN HỌC TẬP

Cấp học [13] Tiểu học

Lớp [14] 3A2

Lưu ban năm trước [15] ☐

Khối [16] Khối 3

Trường [17] Trường Tiểu học và THCS Quan Bản (Phường Đồng Kinh)

Số buổi học/tuần [18] --Chọn--

Bậc tốt nghiệp phổ thông [20] --Chọn--

Số bằng tốt nghiệp [22] Số bằng tốt nghiệp

TN THPT hệ bổ túc [23] ☐

Bổ học lớp [25] --Chọn--

Ly do thôi học [27] --Chọn--

Năm TN [21] yyyy-yyyy

TN THCS hệ bổ túc [24] ☐

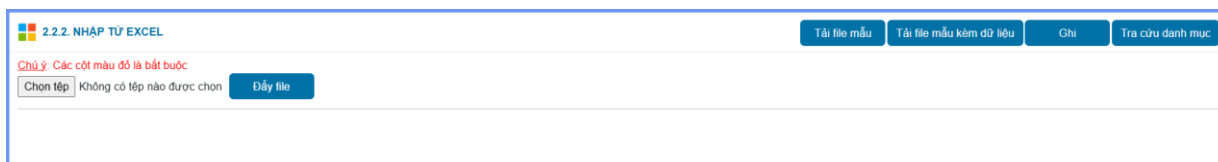
Năm bổ học [26] yyyy-yyyy

Buttons: Ghi, Ghi và thêm, Đóng

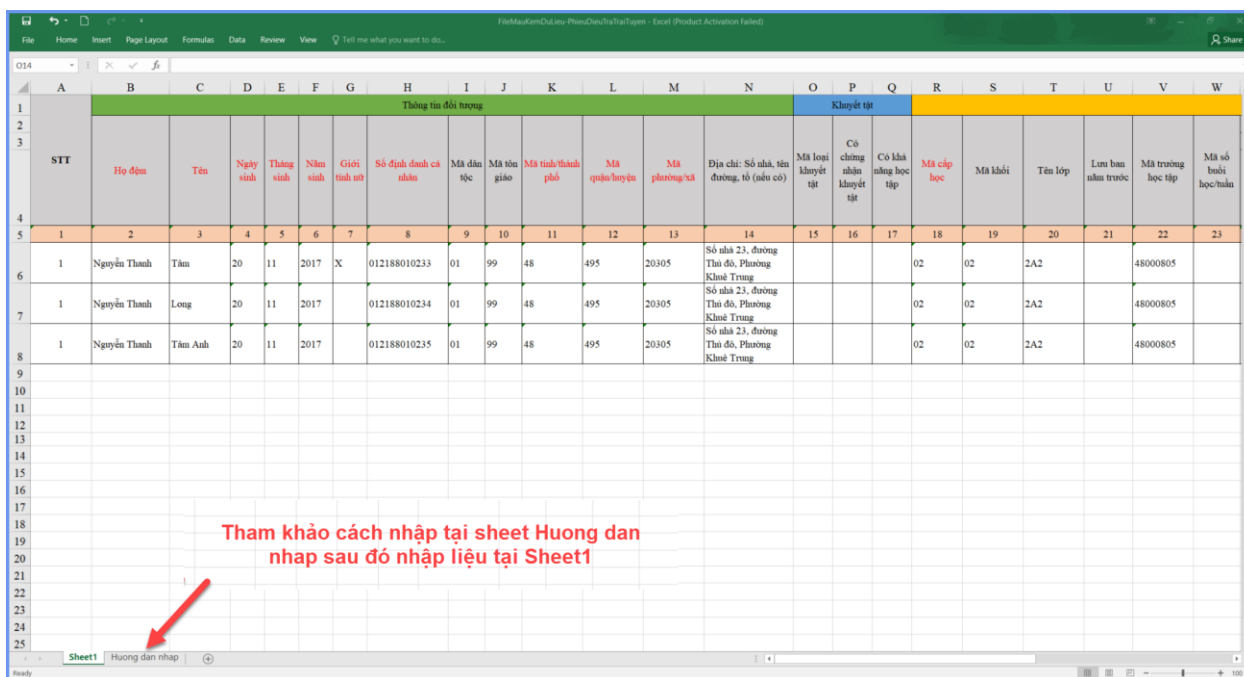
✓ Cách 2: Thêm mới từ file excel

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **2. Phiếu điều tra/2.2. Nhập phiếu điều tra học sinh trái tuyến.**

Bước 2: Kích nút **[Chọn tệp]** và **[Tải file mẫu]** để tải file hệ thống về máy tính.



Bước 3: Cập nhật đầy đủ dữ liệu lên file mẫu sau đó lưu lại file. (Người dùng tham khảo kỹ Sheet *Huong dan nhap* trước khi thực hiện nhập liệu).



STT	Họ tên	Tên	Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Mã dân tộc	Mã tôn giáo	Mã tỉnh/thành phố	Mã quận/huyện	Mã phường/xã	Địa chỉ: Số nhà, tên đường, tổ (nếu có)	Mã loại khuyết tật	Có chứng nhận khuyết tật	Có khả năng học tập	Mã cấp học	Mã khối	Tên lớp	Lưu ban đầu trước	Mã trường học tập	Mã số buổi học/huấn
1	Nguyễn Thanh	Tâm	20	11	2017	X	012188010233	01	99	48	495	20305	Số nhà 23, đường Thủ đô, Phường Khố Trung			02	02	2A2		48000805		
1	Nguyễn Thanh	Long	20	11	2017		012188010234	01	99	48	495	20305	Số nhà 23, đường Thủ đô, Phường Khố Trung			02	02	2A2		48000805		
1	Nguyễn Thanh	Tâm Anh	20	11	2017		012188010235	01	99	48	495	20305	Số nhà 23, đường Thủ đô, Phường Khố Trung			02	02	2A2		48000805		

Bước 4: Quay trở lại phần mềm, kích nút **[Chọn tệp]** để chọn đến file Excel trên máy tính và kích nút **[Đẩy file]**.

2.2.2. NHẬP TỪ EXCEL

Tải file mẫu Tải file mẫu kèm dữ liệu Ghi Tra cứu danh mục

Chú ý: Các cột màu đỏ là bắt buộc

Chon tệp FileMauKem... TraiTuyen.xlsx Đẩy file

STT	Nội dung lỗi	Thông tin đối tượng										
		Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Dân tộc	Tôn giáo	Mã tỉnh/thành phố	Mã quận/huyện
1		Nguyễn Thanh	Tâm	20	11	2017	X	012188010233	01	99	48	495
2		Nguyễn Thanh	Long	20	11	2017		012188010234	01	99	48	495
3		Nguyễn Thanh	Tâm Anh	20	11	2017		012188010235	01	99	48	495

Bước 5: Kích nút **[Ghi]** để hoàn tất thao tác cập nhật.

Lưu ý:

- Trường hợp tải file có thông báo lỗi, người dùng thực hiện **[Tải kết quả]** để kiểm tra nội dung lỗi sau đó chỉnh sửa dữ liệu Excel và tải dữ liệu mới nhất lên phần mềm.

Chú ý: Các cột màu đỏ là bắt buộc

Chon tệp Không có tệp nào được chọn Đẩy file **Tải kết quả**

STT	Nội dung lỗi	Thông tin đối tượng										
		Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Dân tộc	Tôn giáo	Mã tỉnh/thành phố	Mã quận/huyện
1		Nguyễn Thanh	Tâm	20	11	2017	X	012188010233	01	99	48	495
2		Nguyễn Thanh	Long	20	11	2017		012188010234	01	99	48	495
3		Nguyễn Thanh	Tâm Anh	20	11	2017		012188010235	01	99	48	495

2.2.2. Điều chỉnh thông tin phiếu điều tra học sinh trái tuyến

Mô tả: Trong quá trình nhập phiếu điều tra, người dùng cần lưu ý một số chức năng sau để thực hiện cập nhật, điều chỉnh dữ liệu.

- Nút chức năng : Sử dụng khi cần sửa thông tin hồ sơ phiếu điều tra học sinh trái tuyến.

2.2. NHẬP PHIẾU ĐIỀU TRA HỌC SINH TRÁI TUYẾN ?

Phường/Xã: Phường Đồng Kinh Họ tên: Số định danh cá nhân: Nơi ở hiện nay: Chọn nơi ở

STT		Sửa	Số định danh cá nhân	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Tôn giáo	2025-2026		Thông tin tốt nghiệp			Bỏ học	
								Lớp	Trường học	Bậc TN	Năm TN	Bỏ tức	Lớp	N
1	☐	☒		Nguyễn Tường Vy		Kinh		09A						
2	☐	☐		Nguyễn Tường Vy		Kinh		09A						
3	☐	☐		Nguyễn Quỳnh Giao		Kinh		09A						
4	☐	☐		Nguyễn Quỳnh Giao		Kinh		09A						
5	☐	☐		Trần Phúc		Thái		08A	Trường THCS Tú Mịch					
6	☐	☐		Trần Phúc		Thái		08A						

- **[Xóa mục chọn]:** Chọn phiếu điều tra và thực hiện xóa toàn bộ dữ liệu trong phiếu.

2.2. NHẬP PHIẾU ĐIỀU TRA HỌC SINH TRÁI TUYẾN ?

Phường/Xã: Phường Đồng Kinh Họ tên: Số định danh cá nhân: Nơi ở hiện nay: Chọn nơi ở

STT		Sửa	Số định danh cá nhân	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Tôn giáo	2025-2026		Thông tin tốt nghiệp			Bỏ học	
								Lớp	Trường học	Bậc TN	Năm TN	Bỏ tức	Lớp	N
1	☒	☐		Nguyễn Tường Vy		Kinh		09A						
2	☐	☐		Nguyễn Tường Vy		Kinh		09A						
3	☐	☐		Nguyễn Quỳnh Giao		Kinh		09A						
4	☐	☐		Nguyễn Quỳnh Giao		Kinh		09A						
5	☐	☐		Trần Phúc		Thái		08A	Trường THCS Tú Mịch					
6	☐	☐		Trần Phúc		Thái		08A						

- **[Tìm kiếm]:** Nhập các thông tin cần tìm theo gợi ý trên giao diện và chọn **[Tìm kiếm]** để hiển thị kết quả.

2.2. NHẬP PHIẾU ĐIỀU TRA HỌC SINH TRÁI TUYẾN ?

Phường/Xã: Phường Đồng Kinh Họ tên: Số định danh cá nhân: Nơi ở hiện nay: Chọn nơi ở

STT		Sửa	Số định danh cá nhân	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Tôn giáo	2025-2026		Thông tin tốt nghiệp			Bỏ học	
								Lớp	Trường học	Bậc TN	Năm TN	Bỏ tức	Lớp	N
1	☐	☐		Nguyễn Tường Vy		Kinh		09A						
2	☐	☐		Nguyễn Tường Vy		Kinh		09A						
3	☐	☐		Nguyễn Quỳnh Giao		Kinh		09A						
4	☐	☐		Nguyễn Quỳnh Giao		Kinh		09A						
5	☐	☐		Trần Phúc		Thái		08A	Trường THCS Tú Mịch					
6	☐	☐		Trần Phúc		Thái		08A						

- **[Xuất excel]:** Hỗ trợ kết xuất danh sách phiếu điều tra học sinh trái tuyến theo học tại địa bàn.

2.2. NHẬP PHIẾU ĐIỀU TRA HỌC SINH TRẢI TUYẾN

Phường/Xã:
 Họ tên:
 Số định danh cá nhân:
 Nơi ở hiện nay:

STT		Sửa	Số định danh cá nhân	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Tôn giáo	2025-2026		Thông tin tốt nghiệp			Bỏ học	
								Lớp	Trường học	Bậc TN	Năm TN	Bỏ học	Lớp	Năm
1	☐			Nguyễn Tường Vy		Kinh		09A						
2	☐			Nguyễn Tường Vy		Kinh		09A						
3	☐			Nguyễn Quỳnh Giao		Kinh		09A						
4	☐			Nguyễn Quỳnh Giao		Kinh		09A						
5	☐			Trần Phúc		Thái		08A	Trường THCS Tú Mịch					
6	☐			Trần Phúc		Thái		08A						

2.3. Tra cứu phiếu điều tra

Mô tả: Ngoài các chức năng hỗ trợ nhập liệu phiếu điều tra, phần mềm PCGD cũng cung cấp tính năng tra cứu để người dùng dễ dàng tìm kiếm nhanh thông tin theo một số tiêu chí.

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **2. Phiếu điều tra/2.3. Tra cứu phiếu điều tra**.

Bước 2: Nhập nội dung vào các ô gợi ý tìm kiếm hoặc chọn **[Cấu hình hiển thị]** để chọn thêm các gợi ý.

2.3. TRA CỨU PHIẾU ĐIỀU TRA

Phường/Xã:
 Thôn/Xóm:
 Số ĐDCN chủ hộ:
 Họ tên chủ hộ:

Họ tên đối tượng:
 Năm sinh từ:
 Năm sinh đến:
 Số định danh cá nhân:

STT	Số ĐDCN chủ hộ	Họ tên chủ hộ	Số định danh cá nhân	Họ tên đối tượng	Ngày sinh	Dân tộc	Tôn giáo	Thôn/Xóm	2025-2026		Thôn/Xóm
									Lớp	Trường học	
1		Nguyễn An		Nguyễn Bình		Thái		Xóm 7	Nhì		
2		Nguyễn An		Nguyễn Đạt		Nùng		Xóm 7	Mẫu giáo lớn		
3		Nguyễn An		Nguyễn Cường		H'Mông		Xóm 7			
4		Nguyễn An		Nguyễn An		Thái		Xóm 7			
5		Nguyễn An		Nguyễn Giang		Kho-me		Xóm 7			
6		Nguyễn An		Nguyễn Dũng		Gia-rai		Xóm 7			

CẤU HÌNH PHIẾU ĐIỀU TRA

2

- ☒ Phường/Xã
- ☒ Họ tên chủ hộ
- ☒ Năm sinh đến
- ☒ Dân tộc
- ☒ Diện cư trú
- ☐ Có chứng nhận khuyết tật
- ☐ Cấp học
- ☐ Lưu ban năm trước
- ☐ Số buổi học trên tuần
- ☐ Học đầy đủ theo quy định
- ☐ Học hệ bổ túc
- ☐ Số bằng tốt nghiệp
- ☐ Tốt nghiệp nơi khác
- ☐ Học xong
- ☐ Năm bỏ học
- ☐ Học xóa mù chữ

- ☒ Thôn/Xóm
- ☒ Họ tên đối tượng
- ☐ Giới tính
- ☐ Tôn giáo
- ☐ Tình trạng cư trú
- ☐ Có khả năng học tập
- ☐ Khối
- ☐ Trường học tập
- ☐ Sức khỏe nuôi dưỡng
- ☐ Chuyển cần
- ☐ Bác tốt nghiệp phổ thông
- ☐ TN THCS hệ bổ túc
- ☐ Bác tốt nghiệp nghề
- ☐ Năm học xong
- ☐ Lý do bỏ học
- ☐ Hoàn thành XMC

3

- ☒ Số ĐDCN chủ hộ
- ☒ Năm sinh từ
- ☒ Số định danh cá nhân
- ☐ Diện ưu tiên
- ☐ Loại khuyết tật
- ☐ Hoàn cảnh đặc biệt
- ☐ Tên lớp
- ☐ Học tập ngoài địa bàn
- ☐ Ăn bán trú
- ☐ Trẻ dân tộc được chuẩn bị tiếng Việt
- ☐ Năm tốt nghiệp
- ☐ TN THPT hệ bổ túc
- ☐ Năm tốt nghiệp nghề
- ☐ Bỏ học
- ☐ Tái mù chữ

Lưu thay đổi

2.3. TRA CỨU PHIẾU ĐIỀU TRA

4

5 [Tìm kiếm](#) [Xuất excel](#) [Cấu hình hiển thị](#)

Phường/Xã: Phường Dör

Họ tên đối tượng: Họ tên đối tượng

Thôn/Xóm: --Chon--

Năm sinh từ: --Chon--

Số ĐDCN chủ hộ: --Chon--

Năm sinh đến: --Chon--

Số định danh cá nhân: --Chon--

Họ tên chủ hộ: --Chon--

STT	Số ĐDCN chủ hộ	Họ tên chủ hộ	Số định danh cá nhân	Họ tên đối tượng	Ngày sinh	Dân tộc	Tôn giáo	Thôn/Xóm	2025-2026		
									Lớp	Trường học	Bậc TN
1		Nguyễn An		Nguyễn Bình		Thái		Xóm 7	Nhi		
2		Nguyễn An		Nguyễn Đạt		Nùng		Xóm 7	Mẫu giáo lớn		
3		Nguyễn An		Nguyễn Cường		H'Mông		Xóm 7			
4		Nguyễn An		Nguyễn An		Thái		Xóm 7			
5		Nguyễn An		Nguyễn Giang		Kho-me		Xóm 7			
6		Nguyễn An		Nguyễn Dũng		Gia-rai		Xóm 7			

Bước 3: Thực hiện [**Xuất excel**] để lưu kết quả tìm kiếm về máy tính.

2.4. Chuyển đổi Excel Phiếu điều tra mẫu cũ

Mô tả: Ngoài các chức năng hỗ trợ nhập liệu phiếu điều tra, phần mềm PCGD cũng hỗ trợ cán bộ phụ trách thực hiện chuyển đổi dữ liệu phiếu điều tra mẫu cũ sang phiếu điều tra mới.

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **2. Phiếu điều tra/ 2.4. Chuyển đổi Excel Phiếu điều tra mẫu cũ**.

Bước 2: Kích nút [**Chọn tệp**] và [**Đẩy file**] để tải file phiếu cũ lên phần mềm.

2.4. CHUYỂN ĐỔI EXCEL PHIẾU ĐIỀU TRA MẪU CŨ											
Chon tệp		FileMau-Phie...eThongCu.xls		Đẩy file		Tải file chuyển đổi phiếu điều tra					
STT	Họ đệm	Tên	Thông tin đối tượng							Chủ hệ	
			Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	Giới tính nữ	Dân tộc	Tôn giáo	Diện ưu tiên	Họ đệm	Tên
1	Nguyễn		01	01	1970	X	Kinh		Con thương binh 3/4	Nguyễn	Bình
2	Nguyễn		01	01	1980		Kinh	Công Giáo		Nguyễn	Bình
3	Nguyễn		01	01	1981	X	Kinh	Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương		Nguyễn	Bình
4	Nguyễn		01	01	1990		Kinh		Hộ cận nghèo	Nguyễn	Bình
5	Nguyễn		01	01	1998	X	Kinh	Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương		Nguyễn	Bình
6	Nguyễn		01	01	2005		Kinh	Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương		Nguyễn	Bình
7	Nguyễn		01	01	2010		Kinh	Bà-la-môn	Con thương binh 2/4	Nguyễn	Bình
8	Nguyễn		01	01	2015		Kinh		Kinh vùng cao	Nguyễn	Bình
9	Nguyễn		01	01	2016	X	Kinh	Hồi Giáo	Con thương binh 2/4	Nguyễn	Bình

Bước 3: Kích nút **[Tải file chuyển đổi phiếu điều tra]**. Hệ thống sẽ lưu file dữ liệu về máy tính. Người dùng thực hiện kiểm tra dữ liệu trên file. (File này sẽ được sử dụng để lưu trữ và cập nhật vào phiếu điều tra tại các mục hướng dẫn tại **mục 2.1. Nhập phiếu điều tra**).

Lưu ý: Người dùng thực hiện lấy phiếu điều tra mẫu cũ tại phần mềm PCCD ở địa chỉ <https://pcgd.moet.gov.vn/>.

2.5. Chuyển đổi Excel Phiếu điều tra trái tuyển mẫu cũ

Mô tả: Ngoài các chức năng hỗ trợ nhập liệu phiếu điều tra, phần mềm PCGD cũng hỗ trợ cán bộ phụ trách thực hiện chuyển đổi dữ liệu phiếu điều tra mẫu cũ sang phiếu điều tra mới của học sinh trái tuyển.

Các bước thực hiện: Tương tự hướng dẫn tại mục 2.4. **Chuyển đổi Excel Phiếu điều tra.**

3. Thống kê Mầm non

Mô tả: Chức năng này hỗ trợ người dùng thực hiện thống kê và quản lý số liệu học sinh trong độ tuổi mầm non, cán bộ quản lý giáo viên, cơ sở vật chất phòng học, ngân sách tại các cơ sở Mầm non trên địa bàn.

3.1. Thống kê trẻ từ 0 đến 5 tuổi

Mô tả: Tại chức năng thống kê này, người dùng thực hiện tổng hợp số lượng trẻ em theo độ tuổi Mầm non trên địa bàn xã/phường quản lý tương ứng với từng tiêu chí thống kê.

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **3. Thống kê Mầm non/ 3.1. Thống kê trẻ từ 0 đến 5 tuổi**.

Bước 2: Kích nút **[Lấy dữ liệu hệ thống]** để hệ thống tổng hợp số liệu từ dữ liệu đã nhập trong mục **2. Phiếu điều tra**

3.1. THÔNG KÊ TRẺ TỪ 0 ĐẾN 5 TUỔI

Tải lại

Lấy dữ liệu từ hệ thống

Xóa dữ liệu

Xuất PDF

Xuất excel

Xem biểu đồ

Phường/Xã

Phường Đông Kinh

▼

Thôn/Xóm

-- Chọn --

▼

		Năm sinh	1	ĐVT	2025	2024	2023	2022	2021	2020	2019	Tổng cộng 0 - 5 tuổi
		Độ tuổi	2		0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	6 tuổi	x
1. Tổng số trẻ trong độ tuổi			1	Trẻ	72	131	143	155	143	131	32	775
Trong đó	Trẻ em gái		2	Trẻ	33	65	70	81	78	72	12	399
	Trẻ dân tộc thiểu số		3	Trẻ	67	119	128	140	130	116	27	700
Trẻ khuyết tật trong độ tuổi	Tổng số		4	Trẻ	0	0	0	0	0	0	0	0
	Số trẻ có khả năng học tập		5	Trẻ	x	x	x	x	x	0	0	x
	Số trẻ được tiếp cận giáo dục		6	Trẻ	x	x	x	x	x	0	0	x
2. Số trẻ phải huy động			7	Trẻ	72	131	143	155	143	131	32	775
3. Số trẻ đến trường, nhóm, lớp			8	Trẻ	0	0	0	1	0	60	0	61
Trong đó	Trẻ ở phường xã học tại địa bàn phường xã		9	Trẻ	0	0	0	0	0	60	0	60
	Trẻ ở phường xã đang học trái tuyến tại địa bàn khác		10	Trẻ	0	0	0	1	0	0	0	1
Tỷ lệ huy động			11	%	0	0	0	0.65	0	45.8	0	7.87

Sau khi điều chỉnh và cập nhật số liệu, người dùng kích nút **[Tải lại]** để phần mềm tính toán số liệu mới nhất.

3.1. THÔNG KÊ TRẺ TỪ 0 ĐẾN 5 TUỔI										
Tải lại Lấy dữ liệu từ hệ thống Xóa dữ liệu Xuất PDF Xuất excel Xem biểu đồ										
Phường/Xã	Phường Đồng Kinh	Thôn/Xóm	-- Chọn --							
Năm sinh	1	ĐVT	2025	2024	2023	2022	2021	2020	2019	Tổng cộng 0 - 5 tuổi
Độ tuổi	2		0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	6 tuổi	x
1. Tổng số trẻ trong độ tuổi	1	Trẻ	72	131	143	155	143	131	32	775
Trong đó	2	Trẻ	33	65	70	81	78	72	12	399
	3	Trẻ	67	119	128	140	130	116	27	700
	4	Trẻ	0	0	0	0	0	0	0	0
Trẻ khuyết tật trong độ tuổi	5	Trẻ	x	x	x	x	x	0	0	x
	6	Trẻ	x	x	x	x	x	0	0	x
2. Số trẻ phải huy động	7	Trẻ	72	131	143	155	143	131	32	775
3. Số trẻ đến trường, nhóm, lớp	8	Trẻ	0	0	0	1	0	60	0	61
Trong đó	9	Trẻ	0	0	0	0	0	60	0	60
	10	Trẻ	0	0	0	1	0	0	0	1
Tỷ lệ huy động	11	%	0	0	0	0.65	0	45.8	0	7.87

- Nút chức năng **xuất PDF** và **xuất Excel**: hỗ trợ đơn vị xuất báo cáo thống kê ra file để lưu trữ tại đơn vị.

3.1. THÔNG KÊ TRẺ TỪ 0 ĐẾN 5 TUỔI										
Tải lại Lấy dữ liệu từ hệ thống Xóa dữ liệu Xuất PDF Xuất excel Xem biểu đồ										
Phường/Xã	Phường Đồng Kinh	Thôn/Xóm	-- Chọn --							
Năm sinh	1	ĐVT	2025	2024	2023	2022	2021	2020	2019	Tổng cộng 0 - 5 tuổi
Độ tuổi	2		0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	6 tuổi	x
1. Tổng số trẻ trong độ tuổi	1	Trẻ	72	131	143	155	143	131	32	775
Trong đó	2	Trẻ	33	65	70	81	78	72	12	399
	3	Trẻ	67	119	128	140	130	116	27	700
	4	Trẻ	0	0	0	0	0	0	0	0
Trẻ khuyết tật trong độ tuổi	5	Trẻ	x	x	x	x	x	0	0	x
	6	Trẻ	x	x	x	x	x	0	0	x
2. Số trẻ phải huy động	7	Trẻ	72	131	143	155	143	131	32	775
3. Số trẻ đến trường, nhóm, lớp	8	Trẻ	0	0	0	1	0	60	0	61
Trong đó	9	Trẻ	0	0	0	0	0	60	0	60
	10	Trẻ	0	0	0	1	0	0	0	1
Tỷ lệ huy động	11	%	0	0	0	0.65	0	45.8	0	7.87

- Nút chức năng **[Tải lại]**: hỗ trợ đơn vị cập nhật lại dữ liệu thống kê.

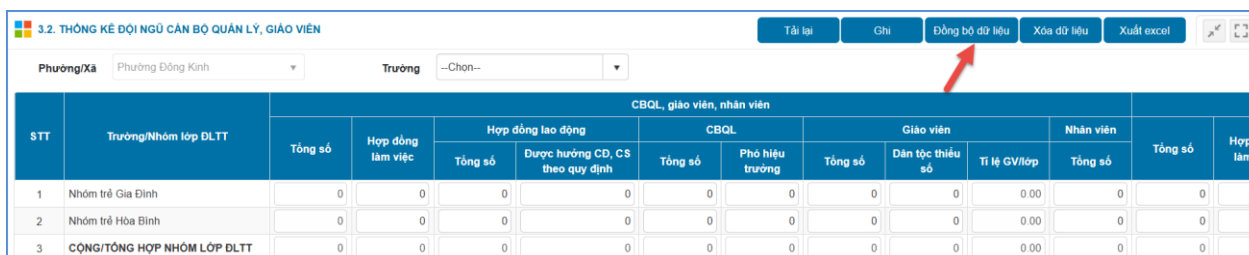
3.2. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên

Mô tả: Chức năng này hỗ trợ người dùng tổng hợp số lượng CBQL, giáo viên, nhân viên của từng đơn vị trường Mầm non trên địa bàn xã/phường quản lý theo hình thức hợp đồng làm việc và vị trí việc làm.

Các bước thực hiện:

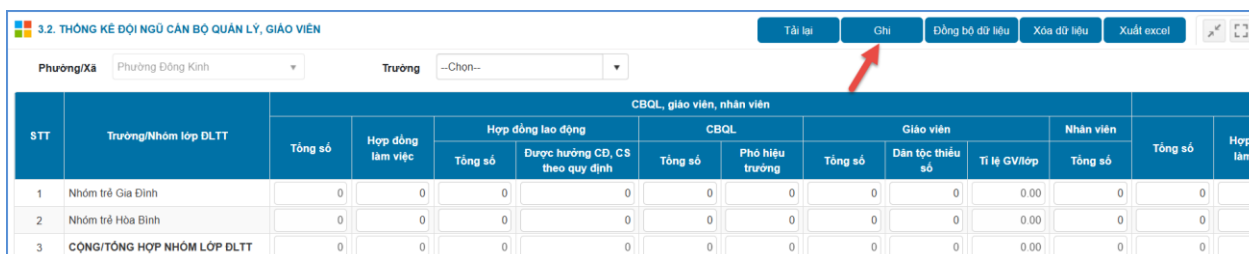
Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **3. Thống kê Mầm non/ 3.2. Thống kê đội ngũ Cán bộ quản lý, giáo viên**

Bước 2: Kích nút **[Đồng bộ dữ liệu]** để hệ đồng bộ dữ liệu từ hệ thống CSDL ngành.



The screenshot shows the software interface for '3.2. THỐNG KÊ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN'. At the top, there are buttons: 'Tải lại', 'Ghi', 'Đồng bộ dữ liệu' (highlighted with a red arrow), 'Xóa dữ liệu', and 'Xuất excel'. Below the buttons are dropdown menus for 'Phường/Xã' (set to 'Phường Đồng Kinh') and 'Trường' (set to '--Chọn--'). The main area is a table with columns for 'STT', 'Trường/Nhóm lớp DLTT', 'Tổng số', 'Hợp đồng làm việc', 'Hợp đồng lao động', 'CBQL', 'Giáo viên', 'Nhân viên', and 'Hợp đồng làm việc'. The table has three rows of data, all showing '0' in the numerical columns.

Trường hợp số liệu nào chưa chính xác, người dùng nhập trực tiếp tại các ô tương ứng sau đó kích nút **[Ghi]** để lưu dữ liệu.



This screenshot is identical to the one above, showing the same software interface. In this instance, the 'Ghi' button is highlighted with a red arrow, indicating the step to save the data after manual entry.

3.3. Thống kê tiêu chuẩn phòng học, cơ sở vật chất

Mô tả: Đây là chức năng tổng hợp và thống kê số liệu về phòng học và cơ sở vật chất của từng đơn vị trường Mầm non trên địa bàn.

Hệ thống hỗ trợ người dùng đồng bộ dữ liệu từ hệ thống CSDL ngành tại nút chức năng **Đồng bộ dữ liệu**.

3.3. THÔNG KÊ TIÊU CHUẨN PHÒNG HỌC, CƠ SỞ VẬT CHẤT

Tải lại

Ghi

Đồng bộ dữ liệu

Xóa dữ liệu

Xuất excel

Phường/Xã

Phường Đồng Kinh

Trường

--Chọn--

STT	Trường/Nhóm lớp DLTT	Điểm trường	Tổng số phòng học	Số lớp, nhóm		Phòng học cho lớp 5 tuổi									
				Số lớp 5 tuổi			Số lớp, nhóm dưới 5 tuổi	Tổng số	Tỉ lệ P/L	Kiến cố		Bàn kiến cố		Phòng học khác (tạm, nhờ)	
				Tổng số	Tr.đó, lớp ghép 5 tuổi	Số lớp học 2 buổi/ ngày				TS	DTBQ phòng sinh hoạt chung (m ²)	TS	DTBQ phòng sinh hoạt chung (m ²)	TS	DTBQ phòng sinh hoạt chung (m ²)
1	Nhóm trẻ Gia Định	0	0	0	0	0	0	0	0.00	0	0	0	0	0	0
2	Nhóm trẻ Hòa Bình	0	0	0	0	0	0	0	0.00	0	0	0	0	0	0
3	CỘNG/TỔNG HỢP NHÓM LỚP DLTT	0	0	0	0	0	0	0	0.00	0	0	0	0	0	0

Trường hợp dữ liệu chưa chính xác người dùng thực hiện cập nhật trực tiếp số liệu theo từng tiêu chí và kích nút **[Ghi]** để lưu lại.

3.3. THÔNG KÊ TIÊU CHUẨN PHÒNG HỌC, CƠ SỞ VẬT CHẤT

Tải lại

Ghi

Đồng bộ dữ liệu

Xóa dữ liệu

Xuất excel

Phường/Xã

Phường Đồng Kinh

Trường

--Chọn--

STT	Trường/Nhóm lớp DLTT	Điểm trường	Tổng số phòng học	Số lớp, nhóm		Phòng học cho lớp 5 tuổi									
				Số lớp 5 tuổi			Số lớp, nhóm dưới 5 tuổi	Tổng số	Tỉ lệ P/L	Kiến cố		Bàn kiến cố		Phòng học khác (tạm, nhờ)	
				Tổng số	Tr.đó, lớp ghép 5 tuổi	Số lớp học 2 buổi/ ngày				TS	DTBQ phòng sinh hoạt chung (m ²)	TS	DTBQ phòng sinh hoạt chung (m ²)	TS	DTBQ phòng sinh hoạt chung (m ²)
1	Nhóm trẻ Gia Định	0	0	0	0	0	0	0	0.00	0	0	0	0	0	0
2	Nhóm trẻ Hòa Bình	0	0	0	0	0	0	0	0.00	0	0	0	0	0	0
3	CỘNG/TỔNG HỢP NHÓM LỚP DLTT	0	0	0	0	0	0	0	0.00	0	0	0	0	0	0

3.4. Báo cáo học sinh các phường/xã đang học tại trường

Mô tả: Chức năng này hỗ trợ người dùng tìm kiếm và xuất file Excel thông tin học sinh đang theo học tại các đơn vị trường Mầm non trên địa bàn xã/phường theo dữ liệu đã được khai báo tại mục 2. **Phiếu điều tra.**

3.4. BÁO CÁO HỌC SINH CÁC PHƯỜNG/XÃ ĐANG HỌC TẠI TRƯỜNG

Tải lại

Xuất excel

Phường/Xã

Phường Đồng Kinh

Trường

--Chọn--

Loại hồ sơ

--Tất cả--

Họ tên chủ hộ

Họ tên chủ hộ

Họ tên đối tượng

Họ tên đối tượng

Số ĐCCN

Số định danh cá nhân

STT		Số định danh cá nhân	Họ tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Tôn giáo	Họ tên chủ hộ	Chỗ ở			
									Tỉnh/Thành phố	Phường/Xã	Thôn/Xóm	Lớp
1	☐	018877694086	Nguyễn Hồng Ân	13/03/2025	Nam	Nùng		Nguyễn Gia Huy	Tỉnh Lạng Sơn	Phường Đồng Kinh	Xóm 7	
2	☐	013494522892	Nguyễn Đức Anh	12/05/2025	Nam	Mường		Nguyễn Gia Huy	Tỉnh Lạng Sơn	Phường Đồng Kinh	Xóm 7	
3	☐	014366702532	Nguyễn Kim Anh	11/06/2025	Nam	Thái		Nguyễn Gia Huy	Tỉnh Lạng Sơn	Phường Đồng Kinh	Xóm 7	
4	☐	019395571273	Nguyễn Gia Bảo	07/05/2025	Nam	Mường		Nguyễn Gia Huy	Tỉnh Lạng Sơn	Phường Đồng Kinh	Xóm 7	
5	☐	018350391402	Nguyễn Đạt	06/03/2025	Nam	Mường		Nguyễn Gia Huy	Tỉnh Lạng Sơn	Phường Đồng Kinh	Xóm 7	
6	☐	018841951351	Nguyễn Ngọc Diệp	17/04/2025	Nữ	Kho-me		Nguyễn Gia Huy	Tỉnh Lạng Sơn	Phường Đồng Kinh	Xóm 7	
7	☐	016671582073	Nguyễn Ngọc Diệp	16/01/2025	Nam	Kho-me		Nguyễn Gia Huy	Tỉnh Lạng Sơn	Phường Đồng Kinh	Xóm 7	
8	☐	014036745156	Nguyễn Dũng	13/02/2025	Nam	Tày		Nguyễn Gia Huy	Tỉnh Lạng Sơn	Phường Đồng Kinh	Xóm 7	

3.5. Báo cáo tài chính

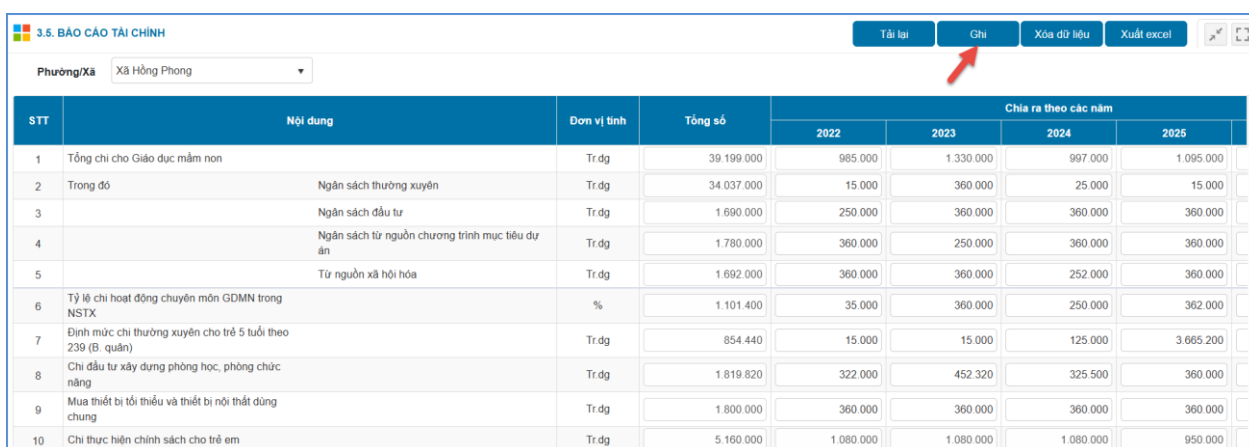
Mô tả: Khác với các báo cáo thống kê đã hướng dẫn bên trên, phần mềm đưa ra giao diện nhập liệu tại chức năng này để người dùng thực hiện cập nhật trực tiếp số liệu ngân sách nhà nước chi cho giáo dục trên địa bàn xã/phường theo từng năm.

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **3. Thống kê Mầm non/ 3.5. Báo cáo tài chính**.

Bước 2: Nhập trực tiếp số liệu tài chính các năm theo từng tiêu chí.

Bước 3: Kích nút **[Ghi]** để lưu dữ liệu



3.5. BÁO CÁO TÀI CHÍNH								
Phường/Xã: Xã Hồng Phong				Tải lại	Ghi	Xóa dữ liệu	Xuất excel	
STT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số	Chia ra theo các năm				
				2022	2023	2024	2025	
1	Tổng chi cho Giáo dục mầm non	Tr. dg	39.199.000	985.000	1.330.000	997.000	1.095.000	
2	Trong đó: Ngân sách thường xuyên	Tr. dg	34.037.000	15.000	360.000	25.000	15.000	
3	Ngân sách đầu tư	Tr. dg	1.690.000	250.000	360.000	360.000	360.000	
4	Ngân sách từ nguồn chương trình mục tiêu dự án	Tr. dg	1.780.000	360.000	250.000	360.000	360.000	
5	Từ nguồn xã hội hóa	Tr. dg	1.692.000	360.000	360.000	252.000	360.000	
6	Tỷ lệ chi hoạt động chuyên môn GDMN trong NSTX	%	1.101.400	35.000	360.000	250.000	362.000	
7	Định mức chi thường xuyên cho trẻ 5 tuổi theo 239 (B. quận)	Tr. dg	854.440	15.000	15.000	125.000	3.665.200	
8	Chi đầu tư xây dựng phòng học, phòng chức năng	Tr. dg	1.819.820	322.000	452.320	325.500	360.000	
9	Mua thiết bị tối thiểu và thiết bị nội thất dùng chung	Tr. dg	1.800.000	360.000	360.000	360.000	360.000	
10	Chi thực hiện chính sách cho trẻ em	Tr. dg	5.160.000	1.080.000	1.080.000	1.080.000	950.000	

3.6. Sổ theo dõi phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ em 5 tuổi

Mô tả: Chức năng này hỗ trợ người dùng xuất sổ theo dõi công tác phổ cập mầm non cho trẻ em trong độ tuổi trên địa bàn điều tra.

3.6. SỐ THEO DÕI PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM 5 TUỔI

Năm sinh: --Chọn-- Phường/Xã: Phường Đới Cẩn Thôn/Xóm: --Chọn--

Nơi ở hiện tại	Dân tộc	Họ tên cha hoặc mẹ	Chương trình học của trẻ tương ứng với năm học						Tên trường	Hoàn cảnh đặc biệt
			CTNT 3-12 tháng	CTNT 13-24 tháng	CTNT 25-36 tháng	CTMG 3-4 tuổi	CTMG 4-5 tuổi	CTMG 5-6 tuổi		
Số nhà 13, ngách 150 Tổ 2 phố Đới Cẩn	Kinh		LT1 *						Mầm non Phương Mai	
Số 4 ngách 150 Đới Cẩn	Kinh	Nguyễn Tam								Khuyết tật vận động
Số 4 ngách 150 Đới Cẩn	Kinh	Nguyễn Tam								
Số 4 ngách 150 Đới Cẩn	Kinh	Nguyễn Tam								
Số 4 ngách 150 Đới Cẩn	Kinh	Nguyễn Tam								
Số 4 ngách 150 Đới Cẩn	Kinh	Nguyễn Tam								

3.7. Báo cáo thống kê đối tượng khuyết tật Mầm non

Mô tả: Tại chức năng này người dùng thực hiện tổng hợp số lượng học sinh khuyết tật trong độ tuổi Mầm non được khai báo tại mục **2. Phiếu điều tra**.

Phổ cập GD - Xóa mù chữ

THÔNG TIN CHUNG

Số ĐDCN chủ hộ (*) 081772626256

Họ và tên (*) Mã Văn Tài Em

Ngày sinh (*) 19/11/2019

Giới tính (*) Nam

Số định danh cá nhân (*) 09

Dân tộc Kinh

Tôn giáo Không

Điện ưu tiên Điện ưu tiên

Quan hệ với chủ hộ

Điện cư trú Thường trú

Tình trạng cư trú --Chọn--

Khuyết tật --Chọn--

Có chứng nhận khuyết tật --Chọn--

Hoàn cảnh đặc biệt

Chi tiết hoàn cảnh đặc biệt

Khuyết tật vận động

Khuyết tật nghe

Khuyết tật nói

Khuyết tật nhìn

Khuyết tật thần kinh

Khuyết tật tâm thần

Khuyết tật trí tuệ

Khuyết tật tự kỷ

Khuyết tật học tập

Khuyết tật khác

I. Thông tin học tập

II. Thông tin gia đình

Cấp học Mầm non

Bậc tốt nghiệp phổ thông --Chọn--

Năm TN yyyy yyyy

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **3. Thống kê Mầm non/ 3.7. Báo cáo thống kê đối tượng khuyết tật mầm non**.

Bước 2: Kích nút **[Lấy dữ liệu từ hệ thống]** để hệ thống tổng hợp dữ liệu.

3.7. BÁO CÁO THỐNG KÊ ĐỐI TƯỢNG KHUYẾT TẬT MẦM NON															Tải lại	Lấy dữ liệu từ hệ thống	Xóa dữ liệu	Xuất excel		
Phường/Xã		Xã Hồng Phong		Thôn/Xóm		-- Chọn --														
STT	Năm sinh	Độ tuổi	Tổng số người khuyết tật	Dạng tật								Số HS khuyết tật có khả năng học tập		Số HS khuyết tật tiếp cận giáo dục						
				Vận động	Nghe nói	Nhìn	Thần kinh, tâm thần	Tri tuệ	Rối loạn phổ tự kỷ	Học tập	Khác	Tổng số	Tỉ lệ (%)	Tổng số	Tỉ lệ (%)					
1	2025	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	1	100	0	0					
2	2024	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0					
3	2023	2	2	0	0	0	0	1	0	0	1	1	50	1	100					
4	2022	3	25	4	6	4	3	3	3	1	1	12	48	0	0					
5	2021	4	13	2	3	3	4	1	0	0	0	11	84.62	1	9.09					
6	2020	5	26	1	6	2	6	2	4	0	5	24	92.31	0	0					
7		Cộng	67	7	15	9	14	7	7	1	7	49	73.13	2	4.08					

4. Thống kê Tiểu học

Mô tả: Chức năng này hỗ trợ người dùng thực hiện thống kê và quản lý số liệu học sinh trong độ tuổi từ 6 đến 14 tuổi, cán bộ quản lý giáo viên, cơ sở vật chất phòng học, ngân sách tại các cơ sở Tiểu học trên địa bàn.

4.1. Thống kê trẻ từ 6 đến 14 tuổi

Mô tả: Tại chức năng thống kê này, người dùng thực hiện tổng hợp số lượng trẻ em trong độ tuổi từ 6 đến 14 tuổi trên địa bàn xã/phường quản lý tương ứng với từng tiêu chí thống kê.

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **4. Thống kê Tiểu học/ 4.1. Thống kê trẻ từ 6 đến 14 tuổi**.

Bước 2: Kích nút **[Lấy dữ liệu hệ thống]** để hệ thống tổng hợp số liệu từ dữ liệu đã nhập trong mục **2. Phiếu điều tra**

4.1. THÔNG KẾ TRẺ TỪ 6 ĐẾN 14 TUỔI

Phường/Xã: Xã Hồng Phong Thôn/Xóm: -- Chọn --

Tải lại Lấy dữ liệu từ hệ thống Xóa dữ liệu Xuất PDF Xuất excel Xem biểu đồ

STT	Năm sinh				2019	2018	2017	2016	2015	Tổng cộng 6 - 10 tuổi	2014	2013	2012	2011	Tổng cộng 11 - 14 tuổi
	Độ tuổi				6 tuổi	7 tuổi	8 tuổi	9 tuổi	10 tuổi	x	11 tuổi	12 tuổi	13 tuổi	14 tuổi	x
1	Tổng số				193	72	171	134	176	746	111	14	61	23	209
2	Nữ				88	38	74	75	89	364	49	6	31	12	98
3	Dân tộc				159	21	56	46	55	337	39	4	7	8	58
4	Khuyết tật	Tổng số			1	12	8	8	4	33	0	0	0	2	2
5		Có khả năng học tập			1	7	8	8	4	28	0	0	0	1	1
6		Tiếp cận giáo dục			1	5	8	8	4	26	0	0	0	1	1
7	Chuyển đi				0	1	3	2	3	9	3	2	1	3	9
8	Chết				0	0	1	2	2	5	0	1	0	1	2
9	Số phải phổ cập				192	59	159	122	167	699	108	11	60	17	196
10	Đã và đang học tiểu học	Lớp 1	Số PPC	Tại chỗ	29	22	3	5	5	64	4	1	2	1	8
11				Đi học nơi khác	11	0	1	1	2	15	2	0	2	0	4
12				Nơi khác đến	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0
13		Lớp 2	Số PPC	Tại chỗ	3	24	56	3	5	91	0	0	0	0	0

Sau khi điều chỉnh và cập nhật dữ liệu, người dùng kích nút **[Tải lại]** để phần mềm tính toán số liệu mới nhất.

4.1. THÔNG KẾ TRẺ TỪ 6 ĐẾN 14 TUỔI

Phường/Xã: Xã Hồng Phong Thôn/Xóm: -- Chọn --

Tải lại Lấy dữ liệu từ hệ thống Xóa dữ liệu Xuất PDF Xuất excel Xem biểu đồ

STT	Năm sinh				2019	2018	2017	2016	2015	Tổng cộng 6 - 10 tuổi	2014	2013	2012	2011	Tổng cộng 11 - 14 tuổi
	Độ tuổi				6 tuổi	7 tuổi	8 tuổi	9 tuổi	10 tuổi	x	11 tuổi	12 tuổi	13 tuổi	14 tuổi	x
1	Tổng số				193	72	171	134	176	746	111	14	61	23	209
2	Nữ				88	38	74	75	89	364	49	6	31	12	98
3	Dân tộc				159	21	56	46	55	337	39	4	7	8	58
4	Khuyết tật	Tổng số			1	12	8	8	4	33	0	0	0	2	2
5		Có khả năng học tập			1	7	8	8	4	28	0	0	0	1	1
6		Tiếp cận giáo dục			1	5	8	8	4	26	0	0	0	1	1
7	Chuyển đi				0	1	3	2	3	9	3	2	1	3	9
8	Chết				0	0	1	2	2	5	0	1	0	1	2
9	Số phải phổ cập				192	59	159	122	167	699	108	11	60	17	196
10	Đã và đang học tiểu học	Lớp 1	Số PPC	Tại chỗ	29	22	3	5	5	64	4	1	2	1	8
11				Đi học nơi khác	11	0	1	1	2	15	2	0	2	0	4
12				Nơi khác đến	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0
13		Lớp 2	Số PPC	Tại chỗ	3	24	56	3	5	91	0	0	0	0	0

- Nút chức năng **xuất PDF** và **xuất Excel**: hỗ trợ đơn vị xuất báo cáo thống kê ra file để lưu trữ tại đơn vị.

4.1. THÔNG KÊ TRẺ TỪ 6 ĐẾN 14 TUỔI																		
Phường/Xã		Xã Hồng Phong		Thôn/Xóm		-- Chọn --		Tải lại	Lấy dữ liệu từ hệ thống	Xóa dữ liệu	Xuất PDF	Xuất excel						
STT	Năm sinh				2019	2018	2017	2016	2015	Tổng cộng 6 - 10 tuổi	2014	2013	2012	2011	Tổng cộng 11 - 14 tuổi			
	Độ tuổi				6 tuổi	7 tuổi	8 tuổi	9 tuổi	10 tuổi	x	11 tuổi	12 tuổi	13 tuổi	14 tuổi	x			
1	Tổng số				193	72	171	134	176	746	111	14	61	23	209			
2	Nữ				88	38	74	75	89	364	49	6	31	12	98			
3	Dân tộc				159	21	56	46	55	337	39	4	7	8	58			
4	Khuyết tật	Tổng số			1	12	8	8	4	33	0	0	0	2	2			
5		Có khả năng học tập			1	7	8	8	4	28	0	0	0	1	1			
6		Tiếp cận giáo dục			1	5	8	8	4	26	0	0	0	1	1			
7	Chuyển đi				0	1	3	2	3	9	3	2	1	3	9			
8	Chết				0	0	1	2	2	5	0	1	0	1	2			
9	Số phải phổ cập				192	59	159	122	167	699	108	11	60	17	196			
10	Đã và đang học tiểu học	Lớp 1	Số PPC	Tại chỗ	29	22	3	5	5	64	4	1	2	1	8			
11				Đi học nơi khác	11	0	1	1	2	15	2	0	2	0	4			
12				Nơi khác đến	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0			
13		Lớp 2	Số PPC	Tại chỗ	3	24	56	3	5	91	0	0	0	0	0			

4.2. Thống kê đội ngũ giáo viên Tiểu học

Mô tả: Chức năng này hỗ trợ người dùng tổng hợp số lượng CBQL, giáo viên, nhân viên tại các đơn vị trường Tiểu học trên địa bàn xã phường quản lý và chi tiết đến từng đơn vị trường theo hình thức hợp đồng làm việc, vị trí việc làm, trình độ đào tạo....

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **4. Thống kê Tiểu học/ 4.2. Thống kê đội ngũ giáo viên Tiểu học**

Bước 2: Kích nút **[Đồng bộ dữ liệu]** để hệ đồng bộ dữ liệu từ hệ thống CSDL ngành.

4.2. THÔNG KẾ ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN TIỂU HỌC

Tải lại Ghi Đồng bộ dữ liệu Xóa dữ liệu Xuất excel

Phường/Xã: Xã Hồng Phong

STT	Trường			CBQL		Giáo viên													
	Tên	Hạng trưởng	Lớp 2 buổi/ ngày	Hiệu trưởng	P.Hiệu trưởng	Tổng số	Biên chế	Hợp đồng	Nữ	Dân tộc	Tỉ lệ GV/Lớp	Trình độ đào tạo					Loại		
												Trên ĐH	ĐH	CD	THSP	Dưới THSP	Tiểu học	AN	MT
1	Trường PTDTBT TH Hồng Phong	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0.00	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Trường TH Minh Khai	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0.00	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiểu học Hồng Phong	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0.00	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Trường Tiểu học Minh Khai	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0.00	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Cộng		0	0	0	0	0	0	0	0	0.00	0	0	0	0	0	0	0	0

Số bản ghi/trang: 100

Đồng 1 đến 5/5

Tiêu chí (Luật giáo dục 2019)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
GV đạt chuẩn trình độ đào tạo	0	0
GV đạt trên chuẩn trình độ đào tạo	0	0
GV đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp	0	0

Trường hợp số liệu nào chưa chính xác, người dùng nhập trực tiếp tại các ô tương ứng sau đó kích nút **[Ghi]** để lưu dữ liệu.

4.2. THÔNG KẾ ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN TIỂU HỌC

Tải lại Ghi Đồng bộ dữ liệu Xóa dữ liệu Xuất excel

Phường/Xã: Xã Hồng Phong

STT	Trường			CBQL		Giáo viên													
	Tên	Hạng trưởng	Lớp 2 buổi/ ngày	Hiệu trưởng	P.Hiệu trưởng	Tổng số	Biên chế	Hợp đồng	Nữ	Dân tộc	Tỉ lệ GV/Lớp	Trình độ đào tạo					Loại		
												Trên ĐH	ĐH	CD	THSP	Dưới THSP	Tiểu học	AN	MT
1	Trường PTDTBT TH Hồng Phong	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0.00	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Trường TH Minh Khai	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0.00	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiểu học Hồng Phong	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0.00	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Trường Tiểu học Minh Khai	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0.00	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Cộng		0	0	0	0	0	0	0	0	0.00	0	0	0	0	0	0	0	0

Số bản ghi/trang: 100

Đồng 1 đến 5/5

Tiêu chí (Luật giáo dục 2019)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
GV đạt chuẩn trình độ đào tạo	0	0
GV đạt trên chuẩn trình độ đào tạo	0	0
GV đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp	0	0

4.3. Thông kê cơ sở vật chất giáo dục Tiểu học

Mô tả: Đây là chức năng tổng hợp và thống kê số liệu về lớp học và phòng học của từng đơn vị trường Tiểu học trên địa bàn.

Hệ thống hỗ trợ người dùng đồng bộ dữ liệu từ hệ thống CSDL ngành tại nút chức năng **Đồng bộ dữ liệu**.

4.3. THÔNG KẾ CƠ SỞ VẬT CHẤT GIÁO DỤC TIỂU HỌC

Tải lại

Đồng bộ dữ liệu

Ghi

Xóa dữ liệu

Xuất excel

Phường/Xã

Xã Hồng Phong

STT	Đơn vị	Điểm trường	Số lớp		Phòng học							Số phòng chức năng							
			Tổng số	Lớp ghép	Kiến cố	Bàn kiến cố	Tạm	Thuê/ mượn	Tỉ lệ Phi/Lớp	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Văn phòng	Y tế	TTHĐ Đối	Phòng họp		Thư viện		Số
															Số lượng	Diện tích (m2)	Số lượng	Diện tích (m2)	Số lượng
1	Trường PTDTBT TH Hồng Phong	3	20	1	30	1	0	0	1.55	1	1	1	1	1	1	50	2	45	
2	Trường TH Minh Khai	4	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Tiểu học Hồng Phong	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Trường Tiểu học Minh Khai	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5	Cộng	7	20	1	30	1	0	0	1.55	1	1	1	1	1	1	50	2	45	

Trường hợp dữ liệu chưa chính xác người dùng thực hiện cập nhật trực tiếp số liệu theo từng tiêu chí và kích nút **[Ghi]** để lưu lại.

4.3. THÔNG KẾ CƠ SỞ VẬT CHẤT GIÁO DỤC TIỂU HỌC

Tải lạiĐồng bộ dữ liệuGhiXóa dữ liệuXuất excel

Phường/XãXã Hồng Phong

STT	Đơn vị	Điểm trường	Số lớp		Phòng học						Số phòng chức năng								
			Tổng số	Lớp ghép	Kiến cố	Bàn kiến cố	Tạm	Thuê/ mượn	Tỉ lệ Phi/Lớp	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Văn phòng	Y tế	TTHĐ Đối	Phòng họp		Thư viện		Sổ luận
															Sổ lượng	Diện tích (m2)	Sổ lượng	Diện tích (m2)	
1	Trường PTDTBT TH Hồng Phong	3	20	1	30	1	0	0	1.55	1	1	1	1	1	1	50	2	45	
2	Trường TH Minh Khai	4	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Tiểu học Hồng Phong	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Trường Tiểu học Minh Khai	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5	Cộng	7	20	1	30	1	0	0	1.55	1	1	1	1	1	1	50	2	45	

4.4. Phân tích số liệu học sinh đang học ngoài địa bàn phường xã

Mô tả: Chức năng này hỗ trợ người dùng thống kê và xuất số lượng trẻ trên địa bàn đang học tại các đơn vị trường ngoài địa bàn phường xã.

Đây là những học sinh trong hồ sơ khai báo được tích **Học tập ngoài địa bàn**.

Ngày sinh [3] 06/06/2025

Giới tính [4] Nữ

Số định danh cá nhân [5] 001308004192

Dân tộc [6] Kinh

Tôn giáo [7] Không

Diện ưu tiên [8] Diện ưu tiên

Tình trạng cư trú [11] --Chọn--

Khuyết tật [12] --Chọn--

Có chứng nhận khuyết tật [13] ☐

Có khả năng học tập [14] ☐

Hoàn cảnh đặc biệt [15] --Chọn--

Chi tiết hoàn cảnh đặc biệt [16] Chi tiết hoàn cảnh đặc biệt

I. Thông tin học tập II. Thông tin gia đình

Cấp học [17] --Chọn--

Lớp [18] Lớp

Học hệ bổ túc [19] ☐ Lưu ban năm trước [20] ☐

Khởi [21] --Chọn--

Tỉnh/Thành phố [22] Tỉnh Nghệ An

Phường/Xã [23] Phường Thành Vinh

Trường [24] --Chọn--

Bậc tốt nghiệp phổ thông [27] --Chọn--

Số bằng tốt nghiệp [29] Số bằng tốt nghiệp

TN THPT hệ bổ túc [31] ☐

Bậc tốt nghiệp nghề [33] --Chọn--

Học xong [35] --Chọn--

Bỏ học [37] --Chọn--

Lý do thôi học [39] --Chọn--

Năm TN [28] yyyy-yyyy

Tốt nghiệp nơi khác [30] ☐

TN THCS hệ bổ túc [32] ☐

Năm TN nghề [34] yyyy-yyyy

Năm học xong [36] yyyy-yyyy

Năm bỏ học [38] yyyy-yyyy

Tải mù chữ [40] --Chọn--

Học tập ngoài địa bàn [25] ☒

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **4. Thống kê Tiểu học/ 4.4. Phân tích số liệu học sinh đang học ngoài địa bàn phường xã.**

Bước 2: Kích nút **[Lấy dữ liệu hệ thống]** để hệ thống tổng hợp số liệu từ dữ liệu đã nhập trong mục **2. Phiếu điều tra**

4.4. PHÂN TÍCH SỐ LIỆU HỌC SINH ĐANG HỌC NGOÀI ĐỊA BÀN PHƯỜNG XÃ

Tải lại

Lấy dữ liệu từ hệ thống

Xóa dữ liệu

Xuất excel

Phường/Xã

Phường Thành Vinh

STT	Đơn vị	6 tuổi					7 tuổi					8 tuổi					9 tuổi					10 tuổi					11 tuổi					
		L1	L2	L3	L4	L5	L1	L2	L3	L4	L5	L1	L2	L3	L4	L5	L1	L2	L3	L4	L5	L1	L2	L3	L4	L5	L1	L2	L3	L4	L5	
1	Trường tiểu học Quang Trung	10	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	1	0	1	1	1	1	0	0	0	0
2	Cộng	10	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	1	0	1	1	1	1	1	0	0	0	0

Sau khi điều chỉnh và cập nhật số liệu, người dùng kích nút **[Tải lại]** để phần mềm tính toán số liệu mới nhất.

4.4. PHÂN TÍCH SỐ LIỆU HỌC SINH ĐANG HỌC NGOÀI ĐỊA BÀN PHƯỜNG XÃ

Tải lại

Lấy dữ liệu từ hệ thống

Xóa dữ liệu

Xuất excel

Phường/Xã

Phường Thành Vinh

STT	Đơn vị	6 tuổi					7 tuổi					8 tuổi					9 tuổi					10 tuổi					11 tuổi				
		L1	L2	L3	L4	L5	L1	L2	L3	L4	L5	L1	L2	L3	L4	L5	L1	L2	L3	L4	L5	L1	L2	L3	L4	L5	L1	L2	L3	L4	L5
1	Trường tiểu học Quang Trung	10	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	1	0	1	1	1	0	0	0	0
2	Cộng	10	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	1	0	1	1	1	1	0	0	0	0

4.5. Phân tích số liệu học sinh trái tuyến đang học tại trường

Mô tả: Chức năng này hỗ trợ người dùng thống kê các trẻ trên địa bàn phường xã khác đang học tại các trường trường địa bàn phường xã quản lý.

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **4. Thống kê Tiểu học/ 4.5. Phân tích số liệu học sinh trái tuyến đang học tại trường.**

Bước 2: Kích nút **[Lấy dữ liệu hệ thống]** để hệ thống tổng hợp số liệu từ dữ liệu đã nhập trong mục **2. Phiếu điều tra**

4.5. PHÂN TÍCH SỐ LIỆU HỌC SINH TRÁI TUYẾN ĐANG HỌC TẠI TRƯỜNG

Tải lại

Lấy dữ liệu từ hệ thống

Xóa dữ liệu

Xuất excel

Trường

-- Chọn --

STT	Đơn vị	6 tuổi					7 tuổi					8 tuổi					9 tuổi					10 tuổi					11 tuổi					
		L1	L2	L3	L4	L5	L1	L2	L3	L4	L5	L1	L2	L3	L4	L5	L1	L2	L3	L4	L5	L1	L2	L3	L4	L5	L1	L2	L3	L4	L5	
1	Phường Trường Vinh - Tỉnh Nghệ An	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Xã Quế Phong - Tỉnh Nghệ An	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	1	2	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0
3	Xã Mường Quăng - Tỉnh Nghệ An	1	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Cộng	1	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	1	1	1	0	0	1	1	2	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0

Sau khi điều chỉnh và cập nhật số liệu, người dùng kích nút **[Tải lại]** để phần mềm tính toán số liệu mới nhất.

4.5. PHÂN TÍCH SỐ LIỆU HỌC SINH TRÁI TUYẾN ĐANG HỌC TẠI TRƯỜNG		Tải lại	Lấy dữ liệu từ hệ thống	Xóa dữ liệu	Xuất excel																											
Trường: -- Chọn --																																
STT	Đơn vị	6 tuổi					7 tuổi					8 tuổi					9 tuổi					10 tuổi					11 tuổi					L
		L1	L2	L3	L4	L5	L1	L2	L3	L4	L5	L1	L2	L3	L4	L5	L1	L2	L3	L4	L5	L1	L2	L3	L4	L5	L1	L2	L3	L4	L5	L
1	Phường Trường Vinh - Tỉnh Nghệ An	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Xã Quế Phong - Tỉnh Nghệ An	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	1	2	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0
3	Xã Mường Quăng - Tỉnh Nghệ An	1	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Cộng	1	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	1	1	1	0	0	1	1	2	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0

4.6. Báo cáo học sinh các phường xã đang học tại trường

Mô tả: Đây là chức năng hỗ trợ người dùng tìm kiếm và xuất file Excel thông tin học sinh các phường xã khác đang theo học tại các đơn vị trường Tiểu học trên địa bàn xã/phường theo dữ liệu đã được khai báo tại mục 2. **Phiếu điều tra.**

4.6. BÁO CÁO HỌC SINH CÁC PHƯỜNG XÃ ĐANG HỌC TẠI TRƯỜNG

Tải lại

Xuất excel

Phường/Xã

Phường Thành Vinh

Trường

--Tất cả--

Loại hồ sơ

--Tất cả--

Họ tên chủ hộ

Họ tên chủ hộ

Họ tên đối tượng

Họ tên đối tượng

Số ĐCN

Số định danh cá nhân

STT		Số định danh cá nhân	Họ tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Tôn giáo	Họ tên chủ hộ	Chỗ ở			Lớp
									Tỉnh/Thành phố	Phường/Xã	Thôn/Xóm	
1	☐		Sùng Ngọc An An		Nữ	H'Mông	Không	Chèo Minh Anh Anh	Tỉnh Nghệ An	Phường Thành Vinh	Tây Thành	
2	☐		Phạm Hồng Quang Anh		Nam	Kinh	Không	Đỗ Quốc Vinh	Tỉnh Nghệ An	Phường Thành Vinh	Tây Thành	1A
3	☐		Hoàng Băng Băng Băng		Nữ	Kinh		Bùi Gia Huy Huy	Tỉnh Nghệ An	Phường Thành Vinh	Tây Thành	1A
4	☐		Nguyễn Trọng Bảo Bảo		Nam	Kinh		Bùi Gia Huy Huy	Tỉnh Nghệ An	Phường Thành Vinh	Tây Thành	1A
5	☐		Vàng Anh Bình Bình		Nam	Thái	Không	Chèo Minh Anh Anh	Tỉnh Nghệ An	Phường Thành Vinh	Tây Thành	
6	☐		Nguyễn Quỳnh Chi Chi		Nữ	Kinh		Bùi Gia Huy Huy	Tỉnh Nghệ An	Phường Thành Vinh	Tây Thành	1A
7	☐		Tông Thị Quỳnh Chi Chi		Nữ	Thái		Bùi Gia Huy Huy	Tỉnh Nghệ An	Phường Thành Vinh	Tây Thành	1A
8	☐		Hạng A Chu Chu		Nam	H'Mông	Không	Chèo Minh Anh Anh	Tỉnh Nghệ An	Phường Thành Vinh	Tây Thành	

4.7. Trẻ em trong độ tuổi 6-14 chưa đi học và bỏ học giữa chừng

Mô tả: Đây là chức năng hỗ trợ người dùng tìm kiếm và xuất file Excel thông tin học sinh trong độ tuổi 6-14 chưa đi học và bỏ học giữa chừng, là những học sinh được khai báo thông tin tại ô **Học xong** hoặc **Bỏ học**.

4.7. TRẺ TRONG ĐỘ TUỔI 6 -14 CHƯA ĐI HỌC VÀ BỎ HỌC GIỮA CHỨNG														Tải lại	Xuất excel	
Phường/Xã		Phường Thành Vinh		Thôn/Xóm		-- Chọn --										
STT		Họ tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Tôn giáo	Tên chủ hộ	Nơi ở hiện tại	Số DDCN chủ hộ	Bỏ học					Ly do thôi	
										L1	L2	L3	L4	L5		
1	☐	Lù Hoàng Bách Bách		Nam	Giáy		Chèo Minh Anh Anh									
2	☐	Nguyễn Yến Chi Chi		Nữ	Kinh		Chèo Minh Anh Anh									
3	☐	Vàng A Cường Cường		Nam	H'Mông		Chèo Minh Anh Anh									
4	☐	Hàng A Vi Đại Đại		Nam	H'Mông		Chèo Minh Anh Anh									
5	☐	Trần Ngọc Diệp Diệp		Nữ	Hoa		Chèo Minh Anh Anh									

I. Thông tin học tập	II. Thông tin gia đình
Cấp học [17] --Chọn-- Lớp [18] Học hệ bổ túc [19] ☐ Lưu ban năm trước [20] ☐ Khối [21] --Chọn-- Tỉnh/Thành phố [22] Tỉnh Nghệ An Phường/Xã [23] Phường Thành Vinh Trường [24] --Chọn-- Học tập ngoài địa bàn [25] ☒	Bậc tốt nghiệp phổ thông [27] --Chọn-- Số bằng tốt nghiệp [29] TN THPT hệ bổ túc [31] ☐ Bậc tốt nghiệp nghề [33] --Chọn-- Học xong [35] --Chọn-- Bỏ học [37] --Chọn-- Lý do thôi học [39] --Chọn-- Năm TN [28] yyyy-yyyy Tốt nghiệp nơi khác [30] ☐ TN THCS hệ bổ túc [32] ☐ Năm TN nghề [34] yyyy-yyyy Năm học xong [36] yyyy-yyyy Năm bỏ học [38] yyyy-yyyy Tài mù chữ [40] --Chọn--

4.8. Danh sách học sinh khuyết tật 6-14 tuổi

Mô tả: Chức năng này hỗ trợ người dùng tìm kiếm và xuất file Excel thông tin học sinh trong độ tuổi 6-14 tuổi là học sinh khuyết tật.

Số DDCN chủ hộ [1] 000000000000 Họ và tên [2] Giảng Thị Phương Ngày sinh [3] 05/04/2017 Giới tính [4] Nữ Số định danh cá nhân [5] 001308018003 Dân tộc [6] Kinh Tôn giáo [7] Không Diện ưu tiên [8] Diện ưu tiên		Quan hệ với chủ hộ [9] Quan hệ với chủ hộ Diện cư trú [10] Thường trú Tình trạng cư trú [11] --Chọn-- Khuyết tật [12] --Chọn-- Có chứng nhận khuyết tật [13] --Chọn-- Hoàn cảnh đặc biệt [15] --Chọn-- Chi tiết hoàn cảnh đặc biệt [16] --Chọn--
		Quan hệ với chủ hộ Thường trú --Chọn-- --Chọn-- Khuyết tật vận động Khuyết tật nghe Khuyết tật nói Khuyết tật nhìn Khuyết tật thần kinh Khuyết tật tâm thần Khuyết tật trí tuệ Khuyết tật tự kỷ Khuyết tật học tập Khuyết tật khác

4.9. BÁO CÁO THỐNG KÊ ĐỐI TƯỢNG KHUYẾT TẬT KHỎI TIỂU HỌC

Tải lại

Lấy dữ liệu từ hệ thống

Xóa dữ liệu

Xuất excel

Phường/Xã

Phường Thành Vinh

Thôn/Xóm

-- Chọn --

STT	Năm sinh	Độ tuổi	Tổng số người khuyết tật	Dạng tật								Số HS khuyết tật có khả năng học tập		Số HS khuyết tật tiếp cận giáo dục	
				Vận động	Nghe nói	Nhìn	Thần kinh, tâm thần	Trí tuệ	Rối loạn phổ tự kỷ	Học tập	Khác	Tổng số	Tỉ lệ (%)	Tổng số	Tỉ lệ (%)
1	2019	6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	2018	7	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	2017	8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	2016	9	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	2015	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	2014	11	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	2013	12	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	2012	13	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Sau khi điều chỉnh và cập nhật số liệu, người dùng kích nút **[Tải lại]** để phần mềm tính toán số liệu mới nhất.

4.9. BÁO CÁO THỐNG KÊ ĐỐI TƯỢNG KHUYẾT TẬT KHỎI TIỂU HỌC

Tải lại

Lấy dữ liệu từ hệ thống

Xóa dữ liệu

Xuất excel

Phường/Xã

Phường Thành Vinh

Thôn/Xóm

-- Chọn --

STT	Năm sinh	Độ tuổi	Tổng số người khuyết tật	Dạng tật									Số HS khuyết tật có khả năng học tập		Số HS khuyết tật tiếp cận giáo dục		
				Vận động	Nghe nói	Nhìn	Thần kinh, tâm thần	Trí tuệ	Rối loạn phổ tự kỷ	Học tập	Khác	Tổng số	Tỉ lệ (%)	Tổng số	Tỉ lệ (%)		
1	2019	6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	2018	7	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	2017	8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	2016	9	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5	2015	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
6	2014	11	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
7	2013	12	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
8	2012	13	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

4.10. Sổ theo dõi phổ cập giáo dục Tiểu học

Mô tả: Chức năng này hỗ trợ người dùng xuất sổ theo dõi công tác phổ cập giáo dục Tiểu học cho trẻ em trong độ tuổi trên địa bàn điều tra.

4.10. SỔ THEO DÕI PHỔ CẬP GIÁO DỤC TIỂU HỌC										Tải lại	Xóa dữ liệu	Xuất excel		
Năm sinh		Phường/Xã		Thôn/Xóm										
--Chọn--		Phường Thành Vinh		-- Chọn --										
STT		Số ĐDCN chủ hộ	Họ tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Thôn/Xóm	Nơi ở hiện tại	Dân tộc	Họ tên cha hoặc mẹ	Tên lớp đang học				
										Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp
1	☐		Châu Phúc Âm Âm		Nam	Tây Thành		Dao						
2	☐		Lù Bảo An An		Nam	Tây Thành		Giáy						
3	☐		Sùng Ngọc An An		Nữ	Tây Thành		H'Mông						
4	☐		Chèo Minh Anh Anh		Nữ	Tây Thành		Dao						
5	☐		Hoàng Thủy Anh Anh		Nữ	Tây Thành		Giáy	1A *					
6	☐		Lê Hoàng Tú Anh Anh		Nữ	Tây Thành		Kinh						
7	☐		Nguyễn Ngọc Diệp Anh Anh		Nữ	Tây Thành		Kinh						
8	☐		Phạm Hồng Quang Anh		Nam	Tây Thành		Kinh	1A *					

5. Thống kê THCS

Mô tả: Chức năng này hỗ trợ người dùng thực hiện thống kê và quản lý số liệu học sinh trong độ tuổi từ 6 đến 14 tuổi, cán bộ quản lý giáo viên, cơ sở vật chất phòng học, ngân sách tại các cơ sở Tiểu học trên địa bàn.

5.1. Thống kê trẻ từ 6 đến 14 tuổi

Mô tả: Tại chức năng thống kê này, người dùng thực hiện tổng hợp số lượng các đối tượng trong độ tuổi thanh thiếu niên trên địa bàn xã/phường quản lý tương ứng với từng tiêu chí thống kê.

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **5. Thống kê THCS/ 5.1. Thống kê thanh thiếu niên THCS**

Bước 2: Kích nút **[Lấy dữ liệu hệ thống]** để hệ thống tổng hợp số liệu từ dữ liệu đã nhập trong mục **2. Phiếu điều tra**

5.1. THỐNG KÊ THANH THIẾU NIÊN THCS																				
Phường/Xã		Thôn/Xóm																		
Phường Thành Vinh		-- Chọn --																		
STT	Năm sinh	Độ tuổi	2014	2013	2012	2011	2010	2009	2008	2007	Tổng cộng									
			11 tuổi	12 tuổi	13 tuổi	14 tuổi	15 tuổi	16 tuổi	17 tuổi	18 tuổi	15 - 18 tuổi									
1	1. Tổng số		50	14	53	18	3	3	3	5	14									
2	Nữ		24	6	25	8	2	2	2	3	9									
3	Dân tộc		16	4	5	6	1	2	1	1	5									
4	Khuyết tật	Tổng số	0	0	0	2	0	1	0	0	1									
5		Có khả năng học tập	0	0	0	1	0	1	0	0	1									
6		Tiếp cận giáo dục	0	0	0	1	0	1	0	0	1									
7	Chuyển đi		3	2	1	3	0	0	0	1	1									
8	Chết		0	1	0	1	0	0	0	0	0									
9	Số phải phổ cập		47	11	52	12	3	2	3	4	12									
			PT	TX	PT	TX	PT	TX	PT	TX	GDNN	PT	TX	GDNN	PT	TX	GDNN	PT	TX	
10	Dã và đang học THCS	Lớp 6	Số PPC	Tại chỗ	10	2	0	0	3	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11			Đi học nơi khác		1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Sau khi điều chỉnh và cập nhật dữ liệu, người dùng kích nút **[Tải lại]** để phần mềm tính toán số liệu mới nhất.

5.1. THỐNG KÊ THANH THIẾU NIÊN THCS

Phường/Xã: Phường Thành Vinh Thôn/Xóm: -- Chọn --

STT	Năm sinh		2014	2013	2012	2011	2010	2009	2008	2007	Tổng cộng 15 - 18 tuổi				
	Độ tuổi		11 tuổi	12 tuổi	13 tuổi	14 tuổi	15 tuổi	16 tuổi	17 tuổi	18 tuổi					
1	1. Tổng số		50	14	53	18	3	3	3	5	14				
2	Nữ		24	6	25	8	2	2	2	3	9				
3	Dân tộc		16	4	5	6	1	2	1	1	5				
4	Khuyết tật	Tổng số	0	0	0	2	0	1	0	0	1				
5		Có khả năng học tập	0	0	0	1	0	1	0	0	1				
6		Tiếp cận giáo dục	0	0	0	1	0	1	0	0	1				
7	Chuyển đi		3	2	1	3	0	0	0	1	1				
8	Chết		0	1	0	1	0	0	0	0	0				
9	Số phải phổ cập		47	11	52	12	3	2	3	4	12				
			PT	TX	PT	TX	PT	TX	GDNN	PT	TX	GDNN			
10	Dã và đang học THCS	Lớp 6	Số PPC	Tại chỗ	10	2	0	0	3	0	2	0	0	0	0
11			Đi học nơi khác	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

- Nút chức năng **xuất PDF** và **xuất Excel**: hỗ trợ đơn vị xuất báo cáo thống kê ra file để lưu trữ tại đơn vị.

5.1. THỐNG KÊ THANH THIẾU NIÊN THCS

Phường/Xã: Phường Thành Vinh Thôn/Xóm: -- Chọn --

STT	Năm sinh		2014	2013	2012	2011	2010	2009	2008	2007	Tổng cộng 15 - 18 tuổi				
	Độ tuổi		11 tuổi	12 tuổi	13 tuổi	14 tuổi	15 tuổi	16 tuổi	17 tuổi	18 tuổi					
1	1. Tổng số		50	14	53	18	3	3	3	5	14				
2	Nữ		24	6	25	8	2	2	2	3	9				
3	Dân tộc		16	4	5	6	1	2	1	1	5				
4	Khuyết tật	Tổng số	0	0	0	2	0	1	0	0	1				
5		Có khả năng học tập	0	0	0	1	0	1	0	0	1				
6		Tiếp cận giáo dục	0	0	0	1	0	1	0	0	1				
7	Chuyển đi		3	2	1	3	0	0	0	1	1				
8	Chết		0	1	0	1	0	0	0	0	0				
9	Số phải phổ cập		47	11	52	12	3	2	3	4	12				
			PT	TX	PT	TX	PT	TX	GDNN	PT	TX	GDNN			
10	Dã và đang học THCS	Lớp 6	Số PPC	Tại chỗ	10	2	0	0	3	0	2	0	0	0	0
11			Đi học nơi khác	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

5.2. Tổng hợp tiêu chuẩn phổ cập giáo dục THCS

Mô tả: Chức năng này hỗ trợ người dùng tổng hợp số lượng thanh thiếu niên tại các tổ thôn trên địa bàn phường xã quản lý đã đạt hay chưa đạt phổ cập giáo dục.

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **5. Thống kê THCS/ 5.2. Tổng hợp tiêu chuẩn phổ cập giáo dục THCS**

Bước 2: Kích nút **[Lấy dữ liệu hệ thống]** để hệ thống tổng hợp dữ liệu đã khai báo tại mục **2. Phiếu điều tra**.

5.2. TỔNG HỢP TIÊU CHUẨN PHỔ CẬP GIÁO DỤC THCS		Tải lại Lấy dữ liệu từ hệ thống Xóa dữ liệu Xuất excel																				
STT	Đơn vị	Huy động								Hiệu quả										Đánh giá đạt hay chưa đạt PCGD THCS		
		Trẻ 6 tuổi			HS tốt nghiệp Tiểu học năm học vừa qua				TS	Trẻ độ tuổi 11-14			HS lớp 9 năm qua (2 hệ)				Đối tượng 15 - 18 tuổi					
		TS	Lớp 1	Tỉ lệ %	TS	Vào học lớp 6 năm học mới				HTCT TH	Tỉ lệ %	TS	TN THCS	TN THCS GDTX	Tỉ lệ %	TS	Cơ bản tốt nghiệp THCS					
						PT	GDTX	Cộng	Tỉ lệ %								PT	GDTX	Cộng	Tỉ lệ %		
1	Tây Thành	127	40	31.5	3	1	0	1	33.33	122	17	13.93	3	1	1	66.67	12	6	1	7	58.33	Chưa đạt
2	Cộng	127	40	31.5	3	1	0	1	33.33	122	17	13.93	3	1	1	66.67	12	6	1	7	58.33	Chưa đạt

Bảng thống kê số liệu và so sánh với tiêu chuẩn của bộ để đưa ra kết quả đánh giá đạt/chưa đạt					
Số liệu thực tế của xã			Chỉ tiêu đánh giá đạt chuẩn của bộ làm cơ sở so sánh		Kết quả đánh giá đạt hay chưa đạt PCGD THCS của xã
Tính các chỉ tiêu (theo tiêu chuẩn đánh giá)	Tỉ số	Tỉ lệ(%)	Không thuộc KK, DBKK	Vùng KK, DBKK	
Tỉ lệ % trẻ 6 tuổi vào học lớp 1:	40/127	31.5	90%	80%	Chưa đạt
Tỉ lệ % trẻ (11-14) tuổi hoàn thành chương trình tiểu học:	17/122	13.93	80%	70%	Chưa đạt
Tỉ lệ % HS tốt nghiệp hoàn thành chương trình vào học lớp 6 (2 hệ):	1/3	33.33	95%	80%	Chưa đạt

Sau khi điều chỉnh và cập nhật dữ liệu, người dùng kích nút **[Tải lại]** để phần mềm tính toán số liệu mới nhất.

5.2. TỔNG HỢP TIÊU CHUẨN PHỔ CẬP GIÁO DỤC THCS		Tải lại Lấy dữ liệu từ hệ thống Xóa dữ liệu Xuất excel																				
STT	Đơn vị	Huy động								Hiệu quả										Đánh giá đạt hay chưa đạt PCGD THCS		
		Trẻ 6 tuổi			HS tốt nghiệp Tiểu học năm học vừa qua				TS	Trẻ độ tuổi 11-14			HS lớp 9 năm qua (2 hệ)				Đối tượng 15 - 18 tuổi					
		TS	Lớp 1	Tỉ lệ %	TS	Vào học lớp 6 năm học mới				HTCT TH	Tỉ lệ %	TS	TN THCS	TN THCS GDTX	Tỉ lệ %	TS	Cơ bản tốt nghiệp THCS					
						PT	GDTX	Cộng	Tỉ lệ %								PT	GDTX	Cộng	Tỉ lệ %		
1	Tây Thành	127	40	31.5	3	1	0	1	33.33	122	17	13.93	3	1	1	66.67	12	6	1	7	58.33	Chưa đạt
2	Cộng	127	40	31.5	3	1	0	1	33.33	122	17	13.93	3	1	1	66.67	12	6	1	7	58.33	Chưa đạt

Bảng thống kê số liệu và so sánh với tiêu chuẩn của bộ để đưa ra kết quả đánh giá đạt/chưa đạt					
Số liệu thực tế của xã			Chỉ tiêu đánh giá đạt chuẩn của bộ làm cơ sở so sánh		Kết quả đánh giá đạt hay chưa đạt PCGD THCS của xã
Tính các chỉ tiêu (theo tiêu chuẩn đánh giá)	Tỉ số	Tỉ lệ(%)	Không thuộc KK, DBKK	Vùng KK, DBKK	
Tỉ lệ % trẻ 6 tuổi vào học lớp 1:	40/127	31.5	90%	80%	Chưa đạt
Tỉ lệ % trẻ (11-14) tuổi hoàn thành chương trình tiểu học:	17/122	13.93	80%	70%	Chưa đạt
Tỉ lệ % HS tốt nghiệp hoàn thành chương trình vào học lớp 6 (2 hệ):	1/3	33.33	95%	80%	Chưa đạt

5.3. Thống kê tình hình đội ngũ giáo viên THCS

Mô tả: Chức năng này hỗ trợ người dùng tổng hợp số lượng CBQL, giáo viên, nhân viên tại các đơn vị trường THCS trên địa bàn xã phường quản lý và chi tiết đến từng đơn vị trường theo hình thức hợp đồng làm việc, vị trí việc làm, trình độ đào tạo....

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **5. Thống kê THCS/ 5.3. Thống kê tình hình đội ngũ giáo viên THCS**

Bước 2: Kích nút **[Đồng bộ dữ liệu]** để hệ đồng bộ dữ liệu từ hệ thống CSDL ngành.

5.3. THỐNG KÊ TÌNH HÌNH ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN THCS

Tải lại Đồng bộ dữ liệu Ghi Xóa dữ liệu Xuất excel

STT	Trường		Cán bộ quản lý					Giáo viên											
	Tên	Hạng trưởng	Hiệu trưởng	P.Hiệu trưởng	Tổng số	Biên chế	Hợp đồng	Nữ	Dân tộc	Tỉ lệ GV/Lớp	Trình độ đào tạo				Toán	Ngữ văn	KHTN	GD&CD	Lịch sử và địa lý
											Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng	THSP					
1	Trường THCS Quang Trung	3	0	0	0	0	0	0	0	0.00	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Cộng		0	0	0	0	0	0	0	0.00	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Số bản ghi/trang 100

Dòng 1 đến 2/2

Tiêu chí (Luật giáo dục 2019)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
GV đạt chuẩn trình độ đào tạo	0	
GV đạt trên chuẩn trình độ đào tạo	0	
GV đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp	0	

Tiêu chí (Luật giáo dục 2005)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
-------------------------------	----------	-----------

Trường hợp số liệu nào chưa chính xác, người dùng nhập trực tiếp tại các ô tương ứng sau đó kích nút **[Ghi]** để lưu dữ liệu.

5.3. THỐNG KÊ TÌNH HÌNH ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN THCS

Tải lại Đồng bộ dữ liệu Ghi Xóa dữ liệu Xuất excel

STT	Trường		Cán bộ quản lý					Giáo viên											
	Tên	Hạng trưởng	Hiệu trưởng	P.Hiệu trưởng	Tổng số	Biên chế	Hợp đồng	Nữ	Dân tộc	Tỉ lệ GV/Lớp	Trình độ đào tạo				Toán	Ngữ văn	KHTN	GD&CD	Lịch sử và địa lý
											Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng	THSP					
1	Trường THCS Quang Trung	3	0	0	0	0	0	0	0	0.00	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Cộng		0	0	0	0	0	0	0	0.00	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Số bản ghi/trang 100

Dòng 1 đến 2/2

Tiêu chí (Luật giáo dục 2019)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
GV đạt chuẩn trình độ đào tạo	0	
GV đạt trên chuẩn trình độ đào tạo	0	
GV đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp	0	

Tiêu chí (Luật giáo dục 2005)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
-------------------------------	----------	-----------

5.4. Thống kê tình hình cơ sở vật chất giáo dục THCS

Mô tả: Đây là chức năng tổng hợp và thống kê số liệu về lớp học, phòng học và cơ sở vật chất của từng đơn vị trường THCS trên địa bàn.

Hệ thống hỗ trợ người dùng đồng bộ dữ liệu từ hệ thống CSDL ngành tại nút chức năng **Đồng bộ dữ liệu**.

5.4. THỐNG KÊ TÌNH HÌNH CƠ SỞ VẬT CHẤT GIÁO DỤC THCS

Tải lại

Đồng bộ dữ liệu

Ghi

Xóa dữ liệu

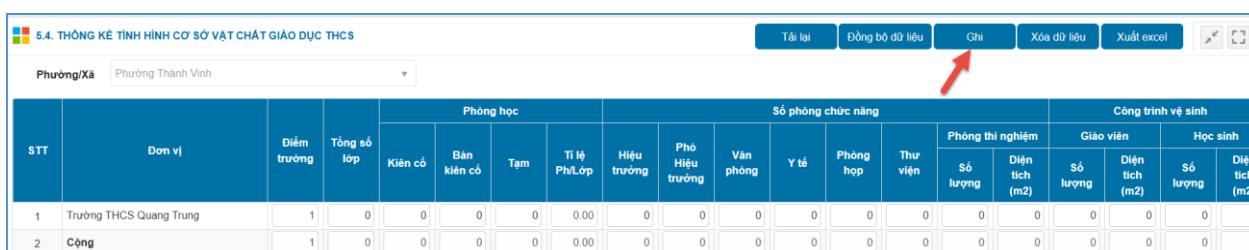
Xuất excel

Phường/Xã

Phường Thành Vinh

STT	Đơn vị	Điểm trường	Tổng số lớp	Phòng học				Số phòng chức năng						Phòng thí nghiệm				Giáo viên		Học sinh	
				Kiến có	Bàn kiến có	Tạm	Tỉ lệ PhiLớp	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Văn phòng	Y tế	Phòng họp	Thư viện	Số lượng	Diện tích (m2)	Số lượng	Diện tích (m2)	Số lượng	Diện tích (m2)		
1	Trường THCS Quang Trung	1	0	0	0	0	0.00	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
2	Cộng	1	0	0	0	0	0.00	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		

Trường hợp dữ liệu chưa chính xác người dùng thực hiện cập nhật trực tiếp số liệu theo từng tiêu chí và kích nút **[Ghi]** để lưu lại.



5.4. THỐNG KÊ TÌNH HÌNH CƠ SỞ VẬT CHẤT GIÁO DỤC THCS																					
Phường/Xã																					
Phường Thành Vinh																					
STT	Đơn vị	Điểm trường	Tổng số lớp	Phòng học				Số phòng chức năng						Phòng thí nghiệm				Giáo viên		Học sinh	
				Kiến có	Bàn kiến có	Tạm	Tỉ lệ PhiLớp	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Văn phòng	Y tế	Phòng họp	Thư viện	Số lượng	Diện tích (m ²)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Số lượng	Diện tích (m ²)		
1	Trường THCS Quang Trung	1	0	0	0	0	0.00	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
2	Cộng	1	0	0	0	0	0.00	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				

5.5. Tổng hợp kết quả điều tra phổ cập bậc trung học

Mô tả: Đây là chức năng hỗ trợ người dùng tổng hợp số lượng học sinh trong độ tuổi thanh thiếu niên đạt hoặc chưa đạt phổ cập giáo dục

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **5. Thống kê THCS/ 5.5. Tổng hợp kết quả điều tra phổ cập bậc Trung học**

Bước 2: Kích nút **[Lấy dữ liệu hệ thống]** để hệ thống tổng hợp dữ liệu đã khai báo tại mục 2. Phiếu điều tra.

5.5. TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA PHỔ CẤP BẬC TRUNG HỌC

Tải lại

Lấy dữ liệu từ hệ thống

Xóa dữ liệu

Xuất excel

Phường/Xã

Phường Thành Vinh

Thôn/Xóm

-- Chọn --

STT	Độ tuổi	Năm sinh	Tổng số đối tượng trong độ tuổi	Nữ	Khuyết tật	Chuyển đi, chết	Số chuyển đến	Tổng số đối tượng phải PC trung học	Tốt nghiệp THCS bao gồm		ĐANG HỌC, HỌC XONG THPT								Đã
									Năm qua	Năm khác	Lớp 10 bao gồm		Lớp 11	Lớp 12	Đã TN		Lớp 10 bao gồm		
											TN THCS năm qua	TN THCS năm khác			Năm qua	Năm trước	TN THCS năm qua	TN THCS năm khác	
1	14	2011	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	15	2010	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	16	2009	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	17	2008	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Cộng 15 - 17 tuổi		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	18	2007	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	19	2006	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	20	2005	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	21	2004	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Cộng 18 - 21 tuổi		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Sau khi điều chỉnh và cập nhật dữ liệu, người dùng kích nút **[Tải lại]** để phần mềm tính toán số liệu mới nhất.

5.6. Phân tích số liệu học sinh đang học ngoài địa bàn phường xã

Mô tả: Chức năng này hỗ trợ người dùng thống kê và xuất số lượng trẻ trên địa bàn đang học tại các đơn vị trường ngoài địa bàn phường xã.

Đây là những học sinh được khai báo học cấp Trung học cơ sở và được tích **Học tập ngoài địa bàn**.

Giới tính [4]	Nữ	Khuyết tật [12]	Khuyết tật nói
Số định danh cá nhân [5]	001308018003	Có chứng nhận khuyết tật [13]	☐
Dân tộc [6]	Kinh	Hoàn cảnh đặc biệt [15]	--Chọn--
Tôn giáo [7]	Không	Chi tiết hoàn cảnh đặc biệt [16]	Chi tiết hoàn cảnh đặc biệt
Diện ưu tiên [8]	Diện ưu tiên		

I. Thông tin học tập

II. Thông tin gia đình

Cấp học [17]	Trung học cơ sở	Bậc tốt nghiệp phổ thông [27]	--Chọn--	Năm TN [28]	yyyy-yyyy
Lớp [18]	6A	Số bằng tốt nghiệp [29]	Số bằng tốt nghiệp	Tốt nghiệp nơi khác [30]	☐
Học hệ bổ túc [19]	☐	TN THPT hệ bổ túc [31]	☐	TN THCS hệ bổ túc [32]	☐
Khối [21]	Khối 6	Bậc tốt nghiệp nghề [33]	--Chọn--	Năm TN nghề [34]	yyyy-yyyy
Tỉnh/Thành phố [22]	Tỉnh Nghệ An	Học xong [35]	--Chọn--	Năm học xong [36]	yyyy-yyyy
Phường/Xã [23]	Phường Thành Vinh	Bỏ học [37]	--Chọn--	Năm bỏ học [38]	yyyy-yyyy
Trường [24]	--Chọn--	Lý do thôi học [39]	--Chọn--	Tài mù chữ [40]	--Chọn--
Số buổi học/tuần [26]	--Chọn--	Học xóa mù chữ [41]	--Chọn--	Hoàn thành lớp XMC [42]	--Chọn--

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **5. Thống kê THCS/ 5.6. Phân tích số liệu học sinh đang học ngoài phường xã.**

Bước 2: Kích nút **[Lấy dữ liệu hệ thống]** để hệ thống tổng hợp số liệu từ dữ liệu đã nhập trong mục **2. Phiếu điều tra**

5.6. PHÂN TÍCH SỐ LIỆU HỌC SINH ĐANG HỌC NGOÀI PHƯỜNG XÃ		Tải lại	Lấy dữ liệu từ hệ thống	Xóa dữ liệu	Xuất excel																												
Trường	--Chọn--																																
STT	Đơn vị	10 tuổi				11 tuổi				12 tuổi				13 tuổi				14 tuổi				15 tuổi				16 tuổi				17 tuổi			
		L6	L7	L8	L9	L6	L7	L8	L9	L6	L7	L8	L9	L6	L7	L8	L9	L6	L7	L8	L9	L6	L7	L8	L9	L6	L7	L8	L9	L6	L7	L8	L9
1	TRƯỜNG THCS KHÁNH XUÂN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Trường THCS Yên Khoái	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Cộng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

Sau khi điều chỉnh và cập nhật số liệu, người dùng kích nút **[Tải lại]** để phần mềm tính toán số liệu mới nhất.

5.6. PHÂN TÍCH SỐ LIỆU HỌC SINH ĐANG HỌC NGOÀI PHƯỜNG XÃ		Tải lại	Lấy dữ liệu từ hệ thống	Xóa dữ liệu	Xuất excel																												
Trường	--Chọn--																																
STT	Đơn vị	10 tuổi				11 tuổi				12 tuổi				13 tuổi				14 tuổi				15 tuổi				16 tuổi				17 tuổi			
		L6	L7	L8	L9	L6	L7	L8	L9	L6	L7	L8	L9	L6	L7	L8	L9	L6	L7	L8	L9	L6	L7	L8	L9	L6	L7	L8	L9	L6	L7	L8	L9
1	TRƯỜNG THCS KHÁNH XUÂN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Trường THCS Yên Khoái	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Cộng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

5.7. Phân tích số liệu học sinh trái tuyến đang học tại trường

Mô tả: Chức năng này hỗ trợ người dùng thống kê các trẻ trên địa bàn phường xã khác đang học tại các trường trường địa bàn phường xã quản lý.

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **5. Thống kê THCS/ 5.7. Phân tích số liệu học sinh trái tuyến đang học tại trường**.

Bước 2: Kích nút **[Lấy dữ liệu hệ thống]** để hệ thống tổng hợp số liệu từ dữ liệu đã nhập trong mục **2. Phiếu điều tra**

6.7. PHÂN TÍCH SỐ LIỆU HỌC SINH TRÁI TUYẾN ĐANG HỌC TẠI TRƯỜNG

Tải lại

Lấy dữ liệu từ hệ thống

Xóa dữ liệu

Xuất excel

Trường

--Chọn--

STT	Đơn vị	10 tuổi				11 tuổi				12 tuổi				13 tuổi				14 tuổi				15 tuổi				16 tuổi				17 tuổi			
		L6	L7	L8	L9	L6	L7	L8	L9	L6	L7	L8	L9	L6	L7	L8	L9	L6	L7	L8	L9	L6	L7	L8	L9	L6	L7	L8	L9				
1	Xã Châu Sơn-Tỉnh Lạng Sơn	0	0	0	0	0	2	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0			
2	Cộng	0	0	0	0	0	2	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0			

Sau khi điều chỉnh và cập nhật số liệu, người dùng kích nút **[Tải lại]** để phần mềm tính toán số liệu mới nhất.

6.7. PHÂN TÍCH SỐ LIỆU HỌC SINH TRÁI TUYẾN ĐANG HỌC TẠI TRƯỜNG

Tải lại

Lấy dữ liệu từ hệ thống

Xóa dữ liệu

Xuất excel

Trường

--Chọn--

STT	Đơn vị	10 tuổi				11 tuổi				12 tuổi				13 tuổi				14 tuổi				15 tuổi				16 tuổi				17 tuổi			
		L6	L7	L8	L9	L6	L7	L8	L9	L6	L7	L8	L9	L6	L7	L8	L9	L6	L7	L8	L9	L6	L7	L8	L9	L6	L7	L8	L9				
1	Xã Châu Sơn-Tỉnh Lạng Sơn	0	0	0	0	0	2	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0				
2	Cộng	0	0	0	0	0	2	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0				

5.8. Thống kê khuyết tật THCS

Mô tả: Chức năng này hỗ trợ người dùng tổng hợp số lượng học sinh khuyết tật theo từng dạng tật và học sinh khuyết tật được tiếp cận giáo dục.

Phổ cập GD - Xóa mù chữ

THÔNG TIN CHUNG

Số ĐDCN chủ hộ [1]:

Họ và tên [2]: Giảng Bích Ngọc

Ngày sinh [3]: 06/06/2012

Giới tính [4]: Nữ

Số định danh cá nhân [5]:

Dân tộc [6]: Kinh

Tôn giáo [7]: Không

Điện ưu tiên [8]:

Quan hệ với chủ hộ [9]: Quan hệ với chủ hộ

Diện cư trú [10]: Thường trú

Tình trạng cư trú [11]: --Chọn--

Khuyết tật [12]: Khuyết tật nói

Có chứng nhận khuyết tật [13]: ☐

Hoàn cảnh đặc biệt [15]: --Chọn--

Chi tiết hoàn cảnh đặc biệt [16]: Chi tiết hoàn cảnh đặc biệt

Có khả năng học tập [14]: ☒

Ghi Đóng

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **5. Thống kê THCS/ 5.8. Thống kê khuyết tật THCS**

Bước 2: Kích nút **[Lấy dữ liệu hệ thống]** để hệ thống tổng hợp số liệu từ dữ liệu đã nhập trong mục **2. Phiếu điều tra**

5.8. THỐNG KÊ KHUYẾT TẬT THCS

Tải lại Lấy dữ liệu từ hệ thống Xóa dữ liệu Xuất excel

Phường/Xã: Phường Đồng Kinh Thôn/Xóm: -- Chọn --

STT	Năm sinh	Độ tuổi	Tổng số người khuyết tật	Dạng tật									Số HS khuyết tật có khả năng học tập		Số HS khuyết tật tiếp cận giáo dục	
				Vận động	Nghe nói	Nhìn	Thần kinh, tâm thần	Trí tuệ	Rối loạn phổ tự kỷ	Học tập	Khác	Tổng số	Tỉ lệ (%)	Tổng số	Tỉ lệ (%)	
1	2014	11	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
2	2013	12	1	0	1	0	0	0	0	0	0	1	100	0	0	
3	2012	13	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	2011	14	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5	2010	15	2	0	0	1	1	0	0	0	0	2	100	1	50	
6	2009	16	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
7	2008	17	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
8	2007	18	1	0	0	0	0	1	0	0	0	1	100	1	100	
9		Cộng	5	0	1	1	2	1	0	0	0	4	80	2	50	

Sau khi điều chỉnh và cập nhật số liệu, người dùng kích nút **[Tải lại]** để phần mềm tính toán số liệu mới nhất.

5.8. THỐNG KÊ KHUYẾT TẬT THCS																	Tải lại	Lấy dữ liệu từ hệ thống	Xóa dữ liệu	Xuất excel		
Phường/Xã		Phường Đồng Kinh		Thôn/Xóm		-- Chọn --																
STT	Năm sinh	Độ tuổi	Tổng số người khuyết tật	Dạng tật									Số HS khuyết tật có khả năng học tập		Số HS khuyết tật tiếp cận giáo dục							
				Vận động	Nghe nói	Nhìn	Thần kinh, tâm thần	Tri tuệ	Rối loạn phổ tự kỷ	Học tập	Khác	Tổng số	Tỉ lệ (%)	Tổng số	Tỉ lệ (%)							
1	2014	11	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0						
2	2013	12	1	0	1	0	0	0	0	0	0	1	100	0	0	0						
3	2012	13	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0						
4	2011	14	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0						
5	2010	15	2	0	0	1	1	0	0	0	0	2	100	1	50							
6	2009	16	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0						
7	2008	17	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0						
8	2007	18	1	0	0	0	1	0	0	0	0	1	100	1	100							
9		Cộng	5	0	1	1	2	1	0	0	0	4	80	2	50							

5.9. Báo cáo học sinh các phường xã đang học tại trường

Mô tả: Đây là chức năng hỗ trợ người dùng tìm kiếm và xuất file Excel thông tin học sinh các phường xã khác đang theo học tại các đơn vị trường THCS trên địa bàn xã/phường theo dữ liệu đã được khai báo tại mục 2. **Phiếu điều tra.**

5.9. DANH SÁCH HỌC SINH CÁC PHƯỜNG/XÃ ĐANG HỌC TẠI TRƯỜNG

Phường/Xã

Phường Đồng Kinh

Họ tên chủ hộ

Họ tên chủ hộ

Trường

-- Chọn --

Họ tên đối tượng

Họ tên đối tượng

Loại hồ sơ

--Tất cả--

Số ĐDCN

Số định danh cá nhân

Tải lại

Xuất excel

STT		Số định danh cá nhân	Họ tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Tôn giáo	Họ tên chủ hộ	Chỗ ở			
									Tỉnh/Thành phố	Phường/Xã	Thôn/Xóm	Lớp
1	☐		Nguyễn Bình An		Nữ	Mường		Nguyễn Khánh Linh	Tỉnh Lạng Sơn	Phường Đồng Kinh	Xóm 10	6A
2	☐		Trần An		Nam	Tây		Nguyễn Khánh Linh	Tỉnh Lạng Sơn	Phường Đồng Kinh	Xóm 10	
3	☐		Trần Thiên An		Nam	Tây		Nguyễn Khánh Linh	Tỉnh Lạng Sơn	Phường Đồng Kinh	Xóm 10	8A
4	☐		Trần Đức Anh		Nam	Nùng		Nguyễn Khánh Linh	Tỉnh Lạng Sơn	Phường Đồng Kinh	Xóm 10	6.52
5	☐		Trần Thái Bình		Nữ	Thái		Nguyễn Khánh Linh	Tỉnh Lạng Sơn	Phường Đồng Kinh	Xóm 10	8.52
6	☐		Trần Bảo Châu		Nữ	Dao		Nguyễn Khánh Linh	Tỉnh Lạng Sơn	Phường Đồng Kinh	Xóm 10	8.36
7	☐		Trần Ngọc Hân		Nữ	Hoa		Nguyễn Khánh Linh	Tỉnh Lạng Sơn	Phường Đồng Kinh	Xóm 10	
8	☐		Trần Thị Hồng		Nam	Khơ-me		Nguyễn Khánh Linh	Tỉnh Lạng Sơn	Phường Đồng Kinh	Xóm 10	

5.10. Sổ theo dõi phổ cập giáo dục THCS

Mô tả: Chức năng này hỗ trợ người dùng xuất sổ theo dõi công tác phổ cập giáo dục THCS cho các đối tượng thanh thiếu niên trên địa bàn điều tra.

5.10. SỐ THEO DÕI PHỔ CẬP GIÁO DỤC THCS										Tải lại	Xóa dữ liệu	Xuất excel		
Năm sinh	--Chọn--	Phường/Xã	Phường Đồng Kinh	Thôn/Xóm	--Chọn--									
STT		Số ĐCCN chủ hộ	Họ tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Nơi ở hiện tại	Thôn/Xóm	Dân tộc	Họ tên cha hoặc mẹ	Tên lớp đang học				
										Lớp 5	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
1	☐		Nguyễn Bình An		Nữ		Xóm 10	Mường	Bình					
2	☐		Nguyễn Thiên An		Nữ		Xóm 10	Mường					8.1 *	
3	☐		Trần An		Nam		Xóm 10	Tây						
4	☐		Trần Thiên An		Nam		Xóm 10	Tây					8A *	
5	☐		Huỳnh Tấn Định Anh		Nữ		Xóm 10	Kinh						
6	☐		Nguyễn Đức Anh		Nam		Xóm 10	Nùng						9.2 *
7	☐		Nguyễn Đức Anh		Nữ		Xóm 10	H'Mông				8.23 *		
8	☐		Sầm Thanh Thảo Anh		Nữ		Xóm 10	Kinh						
9	☐		Trần Đức Anh		Nam		Xóm 10	Nùng						6.52

6. Thống kê THPT

6.1. Tổng hợp kết quả huy động phổ cập bậc trung học

Mô tả: Chức năng này hỗ trợ người dùng tổng hợp các đối tượng phổ cập trong diện điều tra từ 15-21 tuổi

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **6. Thống kê THPT/ 6.1. Tổng hợp kết quả huy động phổ cập bậc Trung học**

Bước 2: Kích nút **[Lấy dữ liệu hệ thống]** để hệ thống tổng hợp số liệu từ dữ liệu đã nhập trong mục **2. Phiếu điều tra**

6.1. TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG PHỔ CẬP BẬC TRUNG HỌC										Tải lại	Lấy dữ liệu từ hệ thống	Xóa dữ liệu	Xuất excel		
Phường/Xã	Phường Đồng Kinh	Thôn/Xóm	--Chọn--												
STT	Đơn vị	TỔNG SỐ ĐỐI TƯỢNG PHỔ CẬP (15-21)	TỈ LỆ ĐỐI TƯỢNG 15 - 18 TUỔI TỐT NGHIỆP THCS					TỈ LỆ TỐT NGHIỆP THCS NĂM VỪA QUA			SỐ ĐỐI TƯỢNG 15 - 18 TUỔI TN THCS VÀO LỚP 10 THPT, BT THPT, NĂM T DẠY NGHỀ				
			Tổng số phải PC	Tổng số TN THCS	Tỉ lệ %	Còn học THCS	Bỏ học	HS lớp 9	TN THCS	Tỉ lệ %	THPT	GDTX THPT	TCCN	Trường dạy nghề	Tỉ lệ vào THCS
1	Xóm 7	5	2	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Xóm 10	2,403	2,391	942	39.4	625	248	3	3	100	40	7	0	0	0
3	Cộng	2,408	2,393	942	39.36	625	250	3	3	100	40	7	0	0	0

Sau khi điều chỉnh và cập nhật dữ liệu, người dùng kích nút **[Tải lại]** để phần mềm tính toán số liệu mới nhất.

6.1. TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG PHỔ CẬP BẬC TRUNG HỌC

Tải lại

Lấy dữ liệu từ hệ thống

Xóa dữ liệu

Xuất excel

Phường/Xã

Phường Đồng Kinh

Thôn/Xóm

-- Chọn --

STT	Đơn vị	TỔNG SỐ ĐỐI TƯỢNG PHỔ CẬP (15-21)	TỈ LỆ ĐỐI TƯỢNG 15 - 18 TUỔI TỐT NGHIỆP THCS					TỈ LỆ TỐT NGHIỆP THCS NĂM VỪA QUA			SỐ ĐỐI TƯỢNG 15 - 18 TUỔI TN THCS VÀO LỚP 10 THPT, BT THPT, NĂM TỐT NGHIỆP					
			Tổng số phải PC	Tổng số TN THCS	Tỉ lệ %	Còn học THCS	Bỏ học	HS lớp 9	TN THCS	Tỉ lệ %	THPT	GDTC THPT	TCCN	Trường dạy nghề	Tỉ lệ vào THCS	
1	Xóm 7	5	2	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Xóm 10	2,403	2,391	942	39.4	625	248	3	3	100	40	7	0	0	0	
3	Cộng	2,408	2,393	942	39.36	625	250	3	3	100	40	7	0	0	0	

6.2. Tổng hợp hiệu quả phổ cập bậc Trung học

Mô tả: Chức năng này hỗ trợ người dùng thống kê kết quả phổ cập trung học các đối tượng phổ cập từ 18-21 tuổi trên địa bàn phường xã quản lý

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **6. Thống kê THPT/ 6.2. Tổng hợp hiệu quả phổ cập bậc Trung học**

Bước 2: Kích nút **[Lấy dữ liệu hệ thống]** để hệ thống tổng hợp số liệu từ dữ liệu đã nhập trong mục **2. Phiếu điều tra**

</

Sau khi điều chỉnh và cập nhật dữ liệu, người dùng kích nút **[Làm mới dữ liệu]** để phần mềm tính toán số liệu mới nhất.

6.2. TỔNG HỢP HIỆU QUẢ PHỔ CẬP BẬC TRUNG HỌC															Tải lại	Lấy dữ liệu từ hệ thống	Xóa dữ liệu	Xuất excel		
STT	Đơn vị	Tổng số đối tượng phổ cập (18 - 21)	Tỉ lệ đối tượng 18-21 tuổi có bằng tốt nghiệp THPT, BT THPT, THCS					Tỉ lệ tốt nghiệp THPT, BT THPT, THCS năm vừa qua					Tổng số đối tượng 18-21 tuổi có bằng đào tạo nghề và tỉ lệ				Đánh giá Đạt/Chưa Đạt			
			Tổng số phải PC	Tổng số TN THPT	Tổng số TN BT THPT	Tổng số TN THCS	Tỉ lệ %	Học sinh lớp 12	Tổng số TN THPT	Tỉ lệ %	Học sinh lớp 12 GDTC	Tổng số TN GDTC THPT	Tỉ lệ %	Tổng số học nghề từ 3 năm	Tổng số có bằng	Tỉ lệ %				
1	Xóm 7	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Chưa đạt			
2	Xóm 10	616	89	6	83	0	100	7	6	85.71	3	3	100	0	0	0	Đạt			
3	Cộng	621	89	6	83	0	100	7	6	85.71	3	3	100	0	0	0	Chưa đạt			

6.3. Tổng hợp trường phổ thông, trung tâm, cơ sở dạy nghề

Mô tả: Đây là chức năng hỗ trợ người dùng thống kê số lượng trường trên địa bàn phường xã quản lý

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **6. Thống kê THPT/ 6.3. Tổng hợp trường phổ thông, trung tâm, cơ sở dạy nghề**

Bước 2: Kích nút **[Lấy dữ liệu hệ thống]** để hệ thống tổng hợp số liệu từ dữ liệu đã nhập trong mục **2. Phiếu điều tra**

6.3. TỔNG HỢP TRƯỜNG PHỔ THÔNG, TRUNG TÂM, CƠ SỞ DẠY NGHỀ															
STT	Đơn vị	Trường Tiểu học			Trường THCS (kể cả trường nhiều cấp học đến lớp 9)							Trường THPT (kể cả trường nhiều cấp học)			
		Tổng số	Số trường đạt chuẩn QG	Tỉ lệ (%)	Tổng số	THCS			Trường nhiều cấp học			Tổng số	THPT		
						Tổng số	Số trường đạt chuẩn QG	Tỉ lệ (%)	Tổng số	Số trường đạt chuẩn QG	Tỉ lệ (%)		Tổng số	Số trường đạt chuẩn QG	Tỉ lệ (%)
1	Phường Đồng Kinh	0	0	0	4	3	0	75	1	1	25	1	1	0	100
2	Cộng	0	0	0	4	3	0	75	1	1	25	1	1	0	100

Sau khi điều chỉnh và cập nhật dữ liệu, người dùng kích nút **[Tải lại]** để phần mềm tính toán số liệu mới nhất.

6.3. TỔNG HỢP TRƯỜNG PHỔ THÔNG, TRUNG TÂM, CƠ SỞ DẠY NGHỀ															
STT	Đơn vị	Trường Tiểu học			Trường THCS (kể cả trường nhiều cấp học đến lớp 9)							Trường THPT (kể cả trường nhiều cấp học)			
		Tổng số	Số trường đạt chuẩn QG	Tỉ lệ (%)	Tổng số	THCS			Trường nhiều cấp học			Tổng số	THPT		
						Tổng số	Số trường đạt chuẩn QG	Tỉ lệ (%)	Tổng số	Số trường đạt chuẩn QG	Tỉ lệ (%)		Tổng số	Số trường đạt chuẩn QG	Tỉ lệ (%)
1	Phường Đồng Kinh	0	0	0	4	3	0	75	1	1	25	1	1	0	100
2	Cộng	0	0	0	4	3	0	75	1	1	25	1	1	0	100

6.4. Sổ theo dõi phổ cập giáo dục THPT

Mô tả: Chức năng này hỗ trợ người dùng xuất sổ theo dõi công tác phổ cập giáo dục THPT trên địa bàn điều tra.

6.4. SƠ THEO DÕI PHÓ CẬP GIÁO DỤC THPT										Tải lại	Xóa dữ liệu	Xuất excel		
Năm sinh	--Chọn--	Phường/Xã	Phường Đồng Kinh	Thôn/Xóm	Chọn thôn/xóm	Số ĐDCN chủ hộ	Số định danh cá nhân chủ hộ							
STT		Số ĐDCN chủ hộ	Họ tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Nơi ở hiện tại	Dân tộc	Họ tên cha hoặc mẹ	Tên lớp năm đang học			Trưởng học		
									2023 - 2024	2024 - 2025	2025-2026			
1	☐		Nguyễn An		Nam		Mường				6A *			
2	☐		Nguyễn An		Nam		Kinh				6A *			
3	☐		Nguyễn An		Nam		Mường							
4	☐		Nguyễn An		Nam		Mường							
5	☐		Nguyễn An		Nam		Mường							
6	☐		Nguyễn An		Nam		Mường							
7	☐		Nguyễn Bình An		Nam		Dao				6A *			
8	☐		Nguyễn Tường An		Nam		Thái							
9	☐		Nguyễn Tường An		Nam		Gia-rai				9.49 *			
10	☐		Nguyễn Tường An		Nam		Thái							

7. Xóa mù chữ

7.1. Tổng hợp tình hình số liệu công tác xóa mù chữ

Mô tả: Chức năng này hỗ trợ người dùng thống kê các đối tượng trong độ tuổi điều tra theo từng tổ thôn đã và chưa hoàn thành xóa mù chữ các mức độ theo quy định.

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **7. Xóa mù chữ/ 7.1. Tổng hợp tình hình số liệu công tác xóa mù chữ**

Bước 2: Kích nút **[Lấy dữ liệu hệ thống]** để hệ thống tổng hợp số liệu từ dữ liệu đã nhập trong mục **2. Phiếu điều tra**

7.1. TỔNG HỢP TÌNH HÌNH SỐ LIỆU CÔNG TÁC XÓA MÙ CHỮ										Tải lại	Lấy dữ liệu từ hệ thống	Xóa dữ liệu	Xuất excel												
Phường/Xã		Phường Đồng Kinh		Thôn/Xóm		-- Chọn --																			
STT	Đơn vị	Tổng dân số				Dân số từ 15 - 25 tuổi				Dân số từ 15 - 25 tuổi mù chữ															
		Tổng số	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Mức độ 1 (Chưa hoàn thành lớp 3)								Mức độ 2 (Chưa hoàn thành lớp 5)							
										Tổng số	Tỉ lệ %	Nữ	Tỉ lệ %	Dân tộc	Tỉ lệ %	Nữ dân tộc	Tỉ lệ %	Tổng số	Tỉ lệ %	Nữ	Tỉ lệ %	Dân tộc	Tỉ lệ %		
1	Xóm 7	927	481	836	435	5	4	5	4	3	60	2	50	3	60	2	50	4	80	3	75	4	80		
2	Xóm 10	2,930	1,535	2,407	1,229	2,404	1,257	1,950	986	197	8.19	115	9.15	145	7.44	66	6.69	204	8.49	120	9.55	150	7.69		
3	Cộng	3,857	2,016	3,243	1,664	2,409	1,261	1,955	990	200	8.3	117	9.28	148	7.67	68	6.87	208	8.63	123	9.75	164	7.88		

Sau khi điều chỉnh và cập nhật dữ liệu, người dùng kích nút **[Tải lại]** để phần mềm tính toán số liệu mới nhất.

7.2. Tổng hợp kết quả xóa mù chữ

Mô tả: Chức năng này hỗ trợ người dùng thống kê các đối tượng trong độ tuổi điều tra đã và chưa hoàn thành xóa mù chữ các mức độ theo quy định chia theo năm sinh.

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **7. Xóa mù chữ/ 7.2. Tổng hợp kết quả xóa mù chữ**

Bước 2: Kích nút **[Lấy dữ liệu hệ thống]** để hệ thống tổng hợp số liệu từ dữ liệu đã nhập trong mục **2. Phiếu điều tra**

7.2. TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÓA MÙ CHỮ																								
		Phường/Xã		Thôn/Xóm																				
		Phường Đồng Kinh		-- Chọn --																				
STT	Độ tuổi	Năm sinh	Trong độ tuổi				Mù chữ								Biết chữ									
			Tổng số	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Mức độ 1 (Chưa hoàn thành lớp 3)				Mức độ 2 (Chưa hoàn thành lớp 5)				Tổng số	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc						
							Tổng số	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc										
1	15 tuổi	2010	588	303	453	227	44	21	30	8	44	21	30	8	544	282	423							
2	16 tuổi	2009	551	288	480	244	49	29	38	19	49	29	38	19	502	259	442							
3	17 tuổi	2008	648	335	529	269	51	29	40	18	52	30	40	18	596	305	489							
4	18 tuổi	2007	606	322	485	243	52	34	38	21	56	37	42	24	550	285	443							
5	19 tuổi	2006	4	3	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	3	2	1							
6	20 tuổi	2005	8	7	3	3	1	1	0	3	3	1	1	1	5	4	2							
7	21 tuổi	2004	3	2	2	1	2	2	1	1	3	2	2	1	0	0	0							
8	22 tuổi	2003	1	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1							

Sau khi điều chỉnh và cập nhật dữ liệu, người dùng kích nút **[Tải lại]** để phần mềm tính toán số liệu mới nhất.

7.2. TỔNG HỢP KẾT QUẢ XOMA MÙ CHỮ																		
Phường/Xã		Phường Đồng Kinh	Thôn/Xóm		-- Chọn --													
STT	Độ tuổi	Năm sinh	Trong độ tuổi				Mù chữ								Biết chữ			
			Tổng số	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Mức độ 1 (Chưa hoàn thành lớp 3)				Mức độ 2 (Chưa hoàn thành lớp 5)				Tổng số	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc
							Tổng số	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc				
1	15 tuổi	2010	588	303	453	227	44	21	30	8	44	21	30	8	544	282	423	
2	16 tuổi	2009	551	288	480	244	49	29	38	19	49	29	38	19	502	259	442	
3	17 tuổi	2008	648	335	529	269	51	29	40	18	52	30	40	18	596	305	489	
4	18 tuổi	2007	606	322	485	243	52	34	38	21	56	37	42	24	550	285	443	
5	19 tuổi	2006	4	3	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	3	2	1	
6	20 tuổi	2005	8	7	3	3	1	1	0	0	3	3	1	1	5	4	2	
7	21 tuổi	2004	3	2	2	1	2	2	1	1	3	2	2	1	0	0	0	
8	22 tuổi	2003	1	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	

7.3. Thống kê số người mù chữ trong các độ tuổi

Các bước thực hiện:

Bước 2: Kích nút **[Lấy dữ liệu hệ thống]** để hệ thống tổng hợp số liệu từ dữ liệu đã nhập trong mục **2. Phiếu điều tra**

Sau khi điều chỉnh và cập nhật dữ liệu, người dùng kích nút [**Tải lại**] để phần mềm tính toán số liệu mới nhất.

7.3. THỐNG KÊ SỐ NGƯỜI MÙ CHỮ TRONG CÁC ĐỘ TUỔI

Tải lại

Lấy dữ liệu từ hệ thống

Xóa dữ liệu

Xuất excel

Phường/Xã

Phường Đồng Kinh

Thôn/Xóm

-- Chọn --

STT	Nhóm tuổi	Dân số trong nhóm tuổi				Số người mù chữ								Tỉ lệ mù chữ	Số người tài mù chữ			
		Tổng số	Nữ	Dân tộc	Tôn giáo	Mù chữ mức 1				Mù chữ mức 2					Tổng số	Nữ	Dân tộc	Tôn giáo
						Tổng số	Nữ	Dân tộc	Tôn giáo	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Tôn giáo					
1	15 - 25 tuổi	2,409	1,261	1,955	20	200	117	148	0	208	123	154	0	8.63	0	0	0	0
2	26 - 35 tuổi	2	2	1	0	1	1	1	0	2	2	1	0	100	0	0	0	0
3	36 - 60 tuổi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Cộng	2,411	1,263	1,956	20	201	118	149	0	210	125	155	0	8.71	0	0	0	0

7.4. Thống kê danh sách người mù chữ

Mô tả: Đây là chức năng hỗ trợ người dùng tìm kiếm và xuất file Excel thông tin các đối tượng mù chữ trên địa bàn xã/phường theo dữ liệu đã được khai báo tại mục 2.

Phiếu điều tra.

7.4. THỐNG KÊ DANH SÁCH NGƯỜI MÙ CHỮ											
Phường/Xã		Phường Đồng Kinh		Thôn/Xóm		-- Chọn --				Tải lại	Xuất excel
STT	Họ tên học sinh	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Trình độ văn hóa	Đối tượng hưởng chính sách	Chỗ ở hiện nay (Thôn/Xóm phố)	Thời gian được công nhận biết chữ (tháng, năm)	Số ĐOCN chủ hộ	Họ tên chủ hộ	
1	Nguyễn An	06/08/2010	Mường	Nam	Trung học cơ sở				012973625051	Nguyễn Khánh Linh	
2	Nguyễn An	27/12/2010	Kinh	Nam	Trung học cơ sở				012973625051	Nguyễn Khánh Linh	
3	Nguyễn An	06/08/2010	Mường	Nam					012973625051	Nguyễn Khánh Linh	
4	Nguyễn An	06/08/2010	Mường	Nam					012973625051	Nguyễn Khánh Linh	
5	Nguyễn An	06/08/2010	Mường	Nam	Lớp 8				012973625051	Nguyễn Khánh Linh	
6	Nguyễn An	06/08/2010	Mường	Nam	Lớp 12				012973625051	Nguyễn Khánh Linh	
7	Nguyễn Bình An	06/04/2010	Dao	Nam	Giáo dục thường xuyên				012973625051	Nguyễn Khánh Linh	
8	Nguyễn Tường An	13/09/2010	Thái	Nam					012973625051	Nguyễn Khánh Linh	
9	Nguyễn Tường An	18/09/2010	Gia-rai	Nam	Trung học cơ sở				012973625051	Nguyễn Khánh Linh	
10	Nguyễn Tường An	13/09/2010	Thái	Nam	Lớp 12				012973625051	Nguyễn Khánh Linh	

7.5. Thống kê hiện trạng mù chữ mức 1

Mô tả: Chức năng này hỗ trợ người dùng thống kê số lượng đối tượng mù chữ mức 1 theo từng nhóm tuổi tại từng đơn vị tổ/thôn.

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **7. Xóa mù chữ/ 7.5. Thống kê hiện trạng mù chữ mức 1**

Bước 2: Kích nút **[Lấy dữ liệu hệ thống]** để hệ thống tổng hợp số liệu từ dữ liệu đã nhập trong mục **2. Phiếu điều tra**

</

Sau khi điều chỉnh và cập nhật dữ liệu, người dùng kích nút **[Tải lại]** để phần mềm tính toán số liệu mới nhất.

7.6. Thống kê hiện trạng mù chữ mức 2

Mô tả: Chức năng này hỗ trợ người dùng thống kê số lượng đối tượng mù chữ mức 2 theo từng nhóm tuổi tại từng đơn vị tổ/thôn.

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **7. Xóa mù chữ/ 7.6. Thống kê hiện trạng mù chữ mức 2**

Bước 2: Kích nút **[Lấy dữ liệu hệ thống]** để hệ thống tổng hợp số liệu từ dữ liệu đã nhập trong mục **2. Phiếu điều tra**

7.6. THÔNG KẾ HIỆN TRẠNG MÙ CHỮ MỨC 2

Tải lại

Lấy dữ liệu từ hệ thống

Xóa dữ liệu

Xuất excel

Phường/Xã

Phường Đồng Kinh

Thôn/Xóm

-- Chọn --

STT	Đơn vị	Dân số trong độ tuổi 15 - 25				Người mù chữ trong độ tuổi 15 - 25						Dân số trong độ tuổi 15 - 35				Người mù chữ trong độ tuổi 15 - 35							
		Tổng số	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Tổng số	Tỉ lệ %	Nữ	Tỉ lệ %	Dân tộc	Tỉ lệ %	Nữ dân tộc	Tỉ lệ %	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Tổng số	Tỉ lệ %	Nữ	Tỉ lệ %	Dân tộc	Tỉ lệ %
1	Xóm 7	5	4	5	4	4	80	3	75	4	80	3	75	6	5	6	5	5	83.33	4	80	5	83.33
2	Xóm 10	2,404	1,257	1,950	986	204	8.49	120	9.55	150	7.69	69	7	2,405	1,258	1,950	986	205	8.52	121	9.62	150	7.69
3	Cộng	2,409	1,261	1,955	990	208	8.63	123	9.75	164	7.88	72	7.27	2,411	1,263	1,956	991	210	8.71	125	9.9	165	7.92

Sau khi điều chỉnh và cập nhật dữ liệu, người dùng kích nút **[Tải lại]** để phần mềm tính toán số liệu mới nhất.

7.6. THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG MÙ CHỮ MỨC 2																							
Phường/Xã		Phường Đồng Kinh		Thôn/Xóm		-- Chọn --																	
STT	Đơn vị	Dân số trong độ tuổi 15 - 25				Người mù chữ trong độ tuổi 15 - 25								Dân số trong độ tuổi 15 - 35				Người mù chữ trong độ tuổi 15 - 35					
		Tổng số	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Tổng số	Tỉ lệ %	Nữ	Tỉ lệ %	Dân tộc	Tỉ lệ %	Nữ dân tộc	Tỉ lệ %	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Tổng số	Tỉ lệ %	Nữ	Tỉ lệ %	Dân tộc	Tỉ lệ %
1	Xóm 7	5	4	5	4	4	80	3	75	4	80	3	75	6	5	6	5	5	83.33	4	80	5	83.33
2	Xóm 10	2,404	1,257	1,950	986	204	8.49	120	9.55	150	7.69	69	7	2,405	1,258	1,950	986	205	8.52	121	9.62	150	7.69
3	Cộng	2,409	1,261	1,955	990	208	8.63	123	9.75	154	7.88	72	7.27	2,411	1,263	1,956	991	210	8.71	125	9.9	155	7.92

7.7. Thống kê kết quả học xóa mù chữ mức 1

Mô tả: Chức năng này hỗ trợ người dùng thống kê số lượng đối tượng xóa mù chữ mức 1 theo từng nhóm tuổi tại từng đơn vị tổ/thôn.

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **7. Xóa mù chữ/ 7.7. Thống kê kết quả học xóa mù chữ mức 1**

Bước 2: Kích nút **[Lấy dữ liệu hệ thống]** để hệ thống tổng hợp số liệu từ dữ liệu đã nhập trong mục **2. Phiếu điều tra**

7.7. THỐNG KÊ KẾT QUẢ HỌC XÓA MÙ CHỮ MỨC 1																							
Phường/Xã		Phường Đồng Kinh		Thôn/Xóm		-- Chọn --																	
STT	Đơn vị	Học viên học xóa mù chữ 15 - 25				Học viên được công nhận biết chữ 15 - 25								Học viên học xóa mù chữ 15 - 35				Học viên được công nhận biết chữ 15 - 35					
		Tổng số	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Tổng số	Tỉ lệ %	Nữ	Tỉ lệ %	Dân tộc	Tỉ lệ %	Nữ dân tộc	Tỉ lệ %	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Tổng số	Tỉ lệ %	Nữ	Tỉ lệ %	Dân tộc	Tỉ lệ %
1	Xóm 7	2	2	2	2	1	50	1	50	1	50	1	50	2	2	2	2	1	50	1	50	1	50
2	Xóm 10	5	4	3	2	3	60	2	50	2	66.67	1	50	6	5	3	2	4	66.67	3	60	2	66.67
3	Cộng	7	6	5	4	4	57.14	3	50	3	60	2	50	8	7	5	4	5	62.5	4	57.14	3	60

Sau khi điều chỉnh và cập nhật dữ liệu, người dùng kích nút **[Tải lại]** để phần mềm tính toán số liệu mới nhất.

7.7. THỐNG KÊ KẾT QUẢ HỌC XÓA MÙ CHỮ MỨC 1																							
Phường/Xã		Phường Đồng Kinh		Thôn/Xóm		-- Chọn --																	
STT	Đơn vị	Học viên học xóa mù chữ 15 - 25				Học viên được công nhận biết chữ 15 - 25								Học viên học xóa mù chữ 15 - 35				Học viên được công nhận biết chữ 15 - 35					
		Tổng số	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Tổng số	Tỉ lệ %	Nữ	Tỉ lệ %	Dân tộc	Tỉ lệ %	Nữ dân tộc	Tỉ lệ %	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Tổng số	Tỉ lệ %	Nữ	Tỉ lệ %	Dân tộc	Tỉ lệ %
1	Xóm 7	2	2	2	2	1	50	1	50	1	50	1	50	2	2	2	2	1	50	1	50	1	50
2	Xóm 10	5	4	3	2	3	60	2	50	2	66.67	1	50	6	5	3	2	4	66.67	3	60	2	66.67
3	Cộng	7	6	5	4	4	57.14	3	50	3	60	2	50	8	7	5	4	5	62.5	4	57.14	3	60

7.8. Thống kê kết quả học xóa mù chữ mức 2

Mô tả: Chức năng này hỗ trợ người dùng thống kê số lượng đối tượng xóa mù chữ mức 2 theo từng nhóm tuổi tại từng đơn vị tổ/thôn.

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **7. Xóa mù chữ/ 7.8. Thống kê kết quả học xóa mù chữ mức 2**

Bước 2: Kích nút **[Lấy dữ liệu hệ thống]** để hệ thống tổng hợp số liệu từ dữ liệu đã nhập trong mục **2. Phiếu điều tra**

7.8. THỐNG KÊ KẾT QUẢ HỌC XÓA MÙ CHỮ MỨC 2

Tải lại

Lấy dữ liệu từ hệ thống

Xóa dữ liệu

Xuất excel

Phường/Xã

Phường Đồng Kinh

Thôn/Xóm

-- Chọn --

STT	Đơn vị	Học viên học xóa mù chữ 15 - 25				Học viên được công nhận biết chữ 15 - 25						Học viên học xóa mù chữ 15 - 35				Học viên được công nhận biết chữ 15 - 35							
		Tổng số	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Tổng số	Tỉ lệ %	Nữ	Tỉ lệ %	Dân tộc	Tỉ lệ %	Nữ dân tộc	Tỉ lệ %	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Tổng số	Tỉ lệ %	Nữ	Tỉ lệ %	Dân tộc	Tỉ lệ %
1	Xóm 7	1	1	1	1	1	100	1	100	1	100	1	100	1	1	1	1	1	100	1	100	1	100
2	Xóm 10	3	2	3	2	1	33.33	1	50	1	33.33	1	50	3	2	3	2	1	33.33	1	50	1	33.33
3	Cộng	4	3	4	3	2	50	2	66.67	2	50	2	66.67	4	3	4	3	2	50	2	66.67	2	50

Sau khi điều chỉnh và cập nhật dữ liệu, người dùng kích nút **[Tải lại]** để phần mềm tính toán số liệu mới nhất.

7.8. THỐNG KÊ KẾT QUẢ HỌC XÓA MÙ CHỮ MỨC 2

Tải lại

Lấy dữ liệu từ hệ thống

Xóa dữ liệu

Xuất excel

Phường/Xã

Phường Đồng Kinh

Thôn/Xóm

-- Chọn --

STT	Đơn vị	Học viên học xóa mù chữ 15 - 25				Học viên được công nhận biết chữ 15 - 25								Học viên học xóa mù chữ 15 - 35				Học viên được công nhận biết chữ 15 - 35							
		Tổng số	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Tổng số	Tỉ lệ %	Nữ	Tỉ lệ %	Dân tộc	Tỉ lệ %	Nữ dân tộc	Tỉ lệ %	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Tổng số	Tỉ lệ %	Nữ	Tỉ lệ %	Dân tộc	Tỉ lệ %		
1	Xóm 7	1	1	1	1	1	100	1	100	1	100	1	100	1	1	1	1	1	100	1	100	1	100		
2	Xóm 10	3	2	3	2	1	33.33	1	50	1	33.33	1	50	3	2	3	2	1	33.33	1	50	1	33.33		
3	Cộng	4	3	4	3	2	50	2	66.67	2	50	2	66.67	4	3	4	3	2	50	2	66.67	2	50		

7.9. Thống kê kết quả xóa mù chữ

Mô tả: Đây là chức năng hỗ trợ người dùng thống kê số lượng và tỉ lệ dân số trong các nhóm tuổi theo quy định đã biết chữ đạt chuẩn xóa mù chữ mức 1 và mức 2.

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **7. Xóa mù chữ/ 7.9. Thống kê kết quả xóa mù chữ**

Bước 2: Kích nút **[Lấy dữ liệu hệ thống]** để hệ thống tổng hợp số liệu từ dữ liệu đã nhập trong mục **2. Phiếu điều tra**



7.9. THỐNG KÊ KẾT QUẢ XÓA MÙ CHỮ

Tải lại Lấy dữ liệu từ hệ thống Xóa dữ liệu Xuất excel

Phường/Xã Phường Đồng Kinh Thôn/Xóm -- Chọn --

STT	Độ tuổi		15-25	15-35	15-60
1	Tổng dân số trong độ tuổi		2409	2411	2411
2	Số người biết chữ đạt chuẩn XMC mức độ 1 (hoàn thành CT lớp 3)	Số lượng	2206	2207	2207
3		Tỉ lệ	91.57	91.54	91.54
4	Số người biết chữ đạt chuẩn XMC mức độ 2 (hoàn thành CT lớp 5)	Số lượng	2200	2200	2200
5		Tỉ lệ	91.32	91.25	91.25

Sau khi điều chỉnh và cập nhật dữ liệu, người dùng kích nút **[Tải lại]** để phần mềm tính toán số liệu mới nhất.



7.9. THỐNG KÊ KẾT QUẢ XÓA MÙ CHỮ

Tải lại Lấy dữ liệu từ hệ thống Xóa dữ liệu Xuất excel

Phường/Xã Phường Đồng Kinh Thôn/Xóm -- Chọn --

STT	Độ tuổi		15-25	15-35	15-60
1	Tổng dân số trong độ tuổi		2409	2411	2411
2	Số người biết chữ đạt chuẩn XMC mức độ 1 (hoàn thành CT lớp 3)	Số lượng	2206	2207	2207
3		Tỉ lệ	91.57	91.54	91.54
4	Số người biết chữ đạt chuẩn XMC mức độ 2 (hoàn thành CT lớp 5)	Số lượng	2200	2200	2200
5		Tỉ lệ	91.32	91.25	91.25

7.10. Thống kê trình độ văn hóa

Mô tả: Đây là chức năng hỗ trợ người dùng thống kê số lượng và tỉ lệ dân số trong các nhóm tuổi theo trình độ văn hóa hiện nay đang học.

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **7. Xóa mù chữ/ 7.10. Thống kê trình độ văn hóa**

Bước 2: Kích nút **[Lấy dữ liệu hệ thống]** để hệ thống tổng hợp số liệu từ dữ liệu đã nhập trong mục **2. Phiếu điều tra**

Sau khi điều chỉnh và cập nhật dữ liệu, người dùng kích nút **[Tải lại]** để phần mềm tính toán số liệu mới nhất.

7.10. THÔNG KÊ TRÌNH ĐỘ VĂN HÓA

Tải lại

Lấy dữ liệu từ hệ thống

Xóa dữ liệu

Xuất excel

Phường/Xã

Phường Đồng Kinh

Thôn/Xóm

-- Chọn --

STT	Năm sinh	Độ tuổi	Tổng số	Dân tộc	Nữ	Khuyết tật	Trình độ văn hóa hiện nay đang học										
							Tổng số	Mẫu giáo	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
1	2025	0	73	68	33	0	73	73	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	2024	1	131	119	65	0	131	131	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	2023	2	143	128	70	0	143	143	0	0	0	0	0	0	0	0	
4		TC:0-2	347	315	168	0	347	347	0	0	0	0	0	0	0	0	
5	2022	3	155	140	81	0	155	155	0	0	0	0	0	0	0	0	
6	2021	4	143	130	78	0	143	143	0	0	0	0	0	0	0	0	
7	2020	5	131	116	72	0	131	131	0	0	0	0	0	0	0	0	
8		TC:3-5	429	386	231	0	429	429	0	0	0	0	0	0	0	0	
9	2019	6	159	135	79	0	159	147	12	0	0	0	0	0	0	0	
10	2018	7	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

8. Báo cáo khác

Mô tả: Đây là chức năng hỗ trợ người dùng tìm kiếm và xuất file Excel danh sách học sinh tốt nghiệp trong năm học qua theo từng bậc học.

8.1. DANH SÁCH HỌC SINH TỐT NGHIỆP NĂM QUA

Thôn/Xóm

-- Chọn --

Bậc tốt nghiệp

--Chọn--

Tìm kiếm

Xuất excel

STT	Số ĐCCN chủ hộ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tổ thôn	Dân tộc	Chỗ ở hiện nay	Họ tên chủ hộ	Bậc tốt nghiệp
1	075210008957	Lê Ánh Hồng Văn	24/12/2014	Nam	Xóm 10	Kinh		Nguyễn Văn Linh	Tiểu học
2	075310019833	Chu Uyên	01/07/2010	Nam	Xóm 10	Kinh		Mã Việt Anh	Trung học cơ sở
3	075210008957	Vàng An Nhiên	26/01/2010	Nam	Xóm 10	Kinh		Nguyễn Văn Linh	Trung học cơ sở
4	075310019833	Vàng Quỳnh Diễm	08/08/2007	Nam	Xóm 10	Kinh		Mã Việt Anh	Trung học phổ thông
5	075210008957	Nguyễn Thiên Văn	30/07/2007	Nữ	Xóm 10	Kinh		Nguyễn Văn Linh	Trung học cơ sở
6	075310019833	Khoảng Nhật Hằng	11/06/2007	Nam	Xóm 10	H'Mông		Mã Việt Anh	Trung học phổ thông
7	075310019833	Đào Việt Cường	27/04/2007	Nam	Xóm 10	Kinh		Mã Việt Anh	Trung học phổ thông
8	075310019833	Tào Tiến Đạt	04/12/2006	Nữ	Xóm 10	Thái		Mã Việt Anh	Trung học phổ thông
9	075310019833	Lũng Hà Linh Đan	01/11/2006	Nữ	Xóm 10	Kinh		Mã Việt Anh	Trung học phổ thông

9. Gửi báo cáo

9.1. Gửi báo cáo số liệu Mầm non

Mô tả: Sau khi người dùng thực hiện tổng hợp dữ liệu các báo cáo cấp Mầm non tại mục **3. Thống kê Mầm non** sẽ thực hiện gửi các báo cáo đó lên đơn vị cấp trên.

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại giao diện phần mềm, kích chọn mục **9. Gửi báo cáo/ 9.1. Gửi báo cáo số liệu Mầm non**

Bước 2: Kích nút [**Gửi dữ liệu**] và xác nhận việc gửi dữ liệu

9.1. GỬI BÁO CÁO SỐ LIỆU MẦM NON

Tải lại Gửi dữ liệu

Hệ thống sẽ tự động khóa chức năng báo cáo sau khi gửi. Vui lòng kiểm tra số liệu chính xác trước khi gửi báo cáo.

Trang thái gửi: **ĐÃ GỬI**, Ngày gửi: 16/07/2025 15:05:09
Trang thái duyệt từ chối: **ĐÃ TỪ CHỐI**, Ngày duyệt từ chối: 16/07/2025 16:39:32

Trang thái khóa: **CHƯA KHÓA**, Ngày khóa: .../.../...
Người yêu cầu mở khóa: **admin**, Ngày yêu cầu: 03/07/2025 15:04:18
Ghi chú:

STT	Biểu báo cáo	Hoàn thành dữ liệu	Trường không có dữ liệu báo cáo	
1	Thống kê trẻ từ 0 đến 5 tuổi	Hoàn thành dữ liệu	☐	
2	Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên	Chưa hoàn thành dữ liệu	☒	
3	Thống kê tiêu chuẩn phòng học, cơ sở vật chất	Chưa hoàn thành dữ liệu	☒	
4	Báo cáo tài chính	Chưa hoàn thành dữ liệu	☒	
5	Báo cáo thống kê đối tượng khuyết tật mầm non	Hoàn thành dữ liệu	☐	

Lưu ý: Tại cột **Hoàn thành dữ liệu**, người dùng có thể biết được đã hoàn thành đầy đủ các mẫu biểu báo cáo hay chưa.

Trường hợp nếu có báo cáo nào chưa hoàn thiện hết hệ thống vẫn cho phép người dùng gửi số liệu lên cấp trên bằng cách tích chọn ô vuông trống tại cột **Trường không có dữ liệu báo cáo**.

GỬI BÁO CÁO SỐ LIỆU MẦM NON

Làm mới dữ liệu Gửi dữ liệu

Hệ thống sẽ tự động khóa chức năng báo cáo sau khi gửi. Vui lòng kiểm tra số liệu chính xác trước khi gửi báo cáo.

Trang thái gửi: **CHƯA GỬI**, Ngày gửi: .../.../...
Trang thái duyệt từ chối: **CHƯA DUYỆT TỪ CHỐI**, Ngày duyệt từ chối: .../.../...
Trang thái khóa: **CHƯA KHÓA**, Ngày khóa: .../.../...

STT	Biểu báo cáo	Hoàn thành dữ liệu	Trường không có dữ liệu báo cáo	
1	Thống kê trẻ từ 0 đến 5 tuổi	Hoàn thành dữ liệu	☐	
2	Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên	Chưa hoàn thành dữ liệu	☒	
3	Thống kê tiêu chuẩn phòng học, cơ sở vật chất	Chưa hoàn thành dữ liệu	☒	
4	Báo cáo tài chính	Chưa hoàn thành dữ liệu	☒	
5	Báo cáo thống kê đối tượng khuyết tật mầm non	Chưa hoàn thành dữ liệu	☒	

Sau khi báo cáo gửi thành công, hệ thống sẽ tự động khóa báo cáo đơn vị, trường hợp cần mở khóa báo cáo người dùng kích nút [Gửi yêu cầu mở khóa] và nhập yêu cầu mở khóa để cán bộ quản lý cấp quận/huyện tiếp nhận yêu cầu và xử lý yêu cầu.


GỬI BÁO CÁO SỐ LIỆU MẦM NON

Làm mới dữ liệu

Gửi yêu cầu mở khóa

Hệ thống sẽ tự động khóa chức năng báo cáo sau khi gửi. Vui lòng kiểm tra số liệu chính xác trước khi gửi báo cáo.

Trang thái gửi: **ĐÃ GỬI**, Ngày gửi: 21/11/2024 14:39:41
Trang thái duyệt từ chối: **CHƯA DUYỆT TỪ CHỐI**, Ngày duyệt từ chối:
Trang thái khóa: **ĐÃ KHÓA**, Ngày khóa: 21/11/2024 14:39:41

STT	Biểu báo cáo	Hoàn thành dữ liệu	Trường không có dữ liệu báo cáo	
			☐	
1	Thống kê trẻ từ 0 đến 5 tuổi	Hoàn thành dữ liệu	☐	
2	Thống kê đối ngũ cán bộ quản lý, giáo viên	Chưa hoàn thành dữ liệu	☒	
3	Thống kê tiêu chuẩn phòng học, cơ sở vật chất	Chưa hoàn thành dữ liệu	☒	
4	Báo cáo tài chính	Chưa hoàn thành dữ liệu	☒	
5	Báo cáo thống kê đối tượng khuyết tật mầm non	Chưa hoàn thành dữ liệu	☒	

9.2. Gửi báo cáo số liệu Tiểu học

Mô tả: Chức năng này hỗ trợ người dùng gửi các báo cáo số liệu Tiểu học lên đơn vị cấp trên.

Các bước thực hiện: Thao tác được thực hiện tương tự gửi báo cáo số liệu Mầm non.


9.2. GỬI BÁO CÁO SỐ LIỆU TIỂU HỌC

Tải lại

Gửi dữ liệu

Hệ thống sẽ tự động khóa chức năng báo cáo sau khi gửi. Vui lòng kiểm tra số liệu chính xác trước khi gửi báo cáo.

Trang thái gửi: **ĐÃ GỬI**, Ngày gửi: 16/07/2025 15:05:14
Trang thái duyệt từ chối: **ĐÃ TỪ CHỐI**, Ngày duyệt từ chối: 16/07/2025 16:39:42

Trang thái khóa: **CHƯA KHÓA**, Ngày khóa:
Người yêu cầu mở khóa:, Ngày yêu cầu:
Ghi chú: ..

STT	Biểu báo cáo	Hoàn thành dữ liệu	Trường không có dữ liệu báo cáo	
			☐	
1	Thống kê trẻ từ 6 đến 14 tuổi	Hoàn thành dữ liệu	☐	
2	Thống kê đối ngũ giáo viên tiểu học	Chưa hoàn thành dữ liệu	☐	
3	Thống kê cơ sở vật chất giáo dục tiểu học	Chưa hoàn thành dữ liệu	☐	
4	Phân tích số liệu học sinh đang học ngoài địa bàn phường xã	Chưa hoàn thành dữ liệu	☐	
5	Phân tích số liệu học sinh trái tuyến đang học tại trường	Hoàn thành dữ liệu	☐	
6	Báo cáo thống kê đối tượng khuyết tật khối tiểu học	Hoàn thành dữ liệu	☐	

9.3. Gửi báo cáo số liệu THCS

Mô tả: Chức năng này hỗ trợ người dùng gửi các báo cáo số liệu THCS lên đơn vị cấp trên.

Các bước thực hiện: Thao tác được thực hiện tương tự gửi báo cáo số liệu Mầm non.

9.3. GỬI BÁO CÁO SỐ LIỆU THCS

Tải lạiGửi dữ liệu

Hệ thống sẽ tự động khóa chức năng báo cáo sau khi gửi. Vui lòng kiểm tra số liệu chính xác trước khi gửi báo cáo.

Trang thái gửi: ĐÃ GỬI, Ngày gửi: 16/07/2025 15:04:01
Trang thái duyệt từ chối: ĐÃ TỪ CHỐI, Ngày duyệt từ chối: 16/07/2025 16:10:08

Trang thái khóa: CHƯA KHÓA, Ngày khóa: .../.../...
Người yêu cầu mở khóa:, Ngày yêu cầu: .../.../...
Ghi chú: .

STT	Biểu báo cáo	Hoàn thành dữ liệu	Trường không có dữ liệu báo cáo	
			☐	
1	Thống kê thành tựu niên THCS	Hoàn thành dữ liệu	☐	
2	Tổng hợp tiêu chuẩn phổ cập giáo dục THCS	Hoàn thành dữ liệu	☐	
3	Thống kê tình hình đội ngũ giáo viên THCS	Chưa hoàn thành dữ liệu	☐	
4	Thống kê tình hình cơ sở vật chất giáo dục THCS	Chưa hoàn thành dữ liệu	☐	
5	Tổng hợp kết quả điều tra phổ cập bậc trung học	Hoàn thành dữ liệu	☐	
6	Phân tích số liệu học sinh đang học ngoài phương xã	Hoàn thành dữ liệu	☐	
7	Phân tích số liệu học sinh trái tuyển đang học tại trường	Hoàn thành dữ liệu	☐	
8	Thống kê khuyết tật THCS	Hoàn thành dữ liệu	☐	

9.4. Gửi báo cáo số liệu THPT

Mô tả: Chức năng này hỗ trợ người dùng gửi các báo cáo số liệu THPT lên đơn vị cấp trên.

Các bước thực hiện: Thao tác được thực hiện tương tự gửi báo cáo số liệu Mầm non.

9.4. GỬI BÁO CÁO SỐ LIỆU THPT

Tải lạiGửi dữ liệu

Hệ thống sẽ tự động khóa chức năng báo cáo sau khi gửi. Vui lòng kiểm tra số liệu chính xác trước khi gửi báo cáo.

Trang thái gửi: ĐÃ GỬI, Ngày gửi: 16/07/2025 15:05:20
Trang thái duyệt từ chối: ĐÃ TỪ CHỐI, Ngày duyệt từ chối: 16/07/2025 16:10:18

Trang thái khóa: CHƯA KHÓA, Ngày khóa: .../.../...
Người yêu cầu mở khóa:, Ngày yêu cầu: .../.../...
Ghi chú: .

STT	Biểu báo cáo	Hoàn thành dữ liệu	Trường không có dữ liệu báo cáo	
			☐	
1	Tổng hợp kết quả huy động phổ cập bậc trung học	Hoàn thành dữ liệu	☐	
2	Tổng hợp hiệu quả phổ cập bậc Trung Học	Hoàn thành dữ liệu	☐	
3	Tổng hợp trường phổ thông, trung tâm, cơ sở dạy nghề	Hoàn thành dữ liệu	☐	

9.5. Gửi báo cáo số liệu xóa mù chữ

Mô tả: Chức năng này hỗ trợ người dùng gửi các báo cáo số liệu xóa mù chữ lên đơn vị cấp trên.

Các bước thực hiện: Thao tác được thực hiện tương tự gửi báo cáo số liệu Mầm non.

